



Phật giáo Việt Nam

Công cha nghìn mẹ chữ thầy
Nghĩ ơn cha bố nhàn ngày ước ao

MỘT THỜI CHƯA XA LẮM

**Tuyển Tập
Một Số Bài
Về**

Giáo Sư

Le Đình Bảng





Những Bài Trong Tuyển Tập Đây

Những Bài Trong Tuyển Tập Đây	3
Thay Lời Muốn Nói	4
Thầy Lê Đình Bảng	11
Người Thầy Dạy Việt Văn Tôi	28
Nguyễn Cầu Mẹ La Vang	34
Thầy Trò Minh... Ngày ấy, bây giờ!	35
Ngày Lễ Kính Mẹ... Nghĩ về thầy...	37
Thầy Trò Tôi	39
Kính gửi thầy Bảng	43
Tản văn về người thầy kính mến	44
Một thập kỷ của Bộ Lục Thi Thơ	53
Kỷ Yếu: Niềm mơ ước đã lâu	57
LDB Người ngân lời tự tình	62
Phụng Hoàng Ca	84
Lê Đình Bảng Những tác phẩm	91
Một thoáng nhìn vào bộ sưu khảo Ở TNTCCGVN	97
Cái tôi trữ tình trong thơ Lê Đình Bảng	120
Một trời quê hương trong thơ LDB	146
Hôm nay tôi đi học	150
Một chút tình Cỏ Hoa	166
Hình như mình đã quen	169
Gió ơi, đừng cuốn đi	171
Thầy trò tôi Trường Học – Trường Đời!	184
Đuộm nghĩa ân tình thầy cô	198

AN THIÊN MINH * BÙI VĂN BẢNG * BÙI VŨ *
ĐÌNH NGỌC OANH * HỒ ĐĂNG TÍN * JOS LÊ *
KIỀU GIANG * KIỀU HUỆ * LÊ QUÁN THƯ *
NGƯỜI SÔNG HOÁ * NGUYỄN VY TUÝ * NGUYỄN
THU LÃNH * PHẠM HẢO * QUỲNH HƯƠNG * THẾ
THÔNG * TRẦN KÍNH LÂM * TRẦN PHONG VŨ

Trình Bày do Bùi Văn Bảng, học trò của Thầy Bảng thực hiện



Marcel Proust (1871-1922), văn hào người Pháp nói chắc nịch về tiểu thuyết *À la recherche du temps perdu*



(*In Search of Lost Time* - *Đi Tìm Thời Gian Đã Mất*) của mình

như thế này: “*Rồi người đời sẽ đọc tôi... nhân loại sẽ đọc tôi.*”

Tại sao Ông dám tuyên bố tỉnh bơ như thế, nhỉ?

Các nhà nghiên cứu văn học đã tìm ra câu trả lời, Marcel Proust khai quật lại kho tàng thời gian đã bị chôn vùi và nguồn chảy của ký ức, dĩ vãng đã được hồi sinh.

Như thế, đủ biết, người ta thường tiếc nhớ những gì đã mất, đã qua, đã vượt xa khỏi tầm tay của mình. Dẫu buồn, vui, thoáng chốc hay chìm khuất, hằn sâu. Tất cả đều tồn đọng lại thành dấu vết, vĩa quặng, tầng bậc chồng xếp lên nhau. Gọi đấy là cõi nhớ, là thiên đường ký ức, là ngăn kéo trong hộp bàn, là vùng ầm náu của kỷ niệm. Có

khi, đã nhạt nhoà, lãnh đẵng trôi dạt vào vô thức mênh mang. Là sóng ở đáy sông chực chờ trời dậy. Ta sẽ ngộ ra, thật tình cờ, vạn vật đồng sinh đồng tử. Sẽ va chạm, sẽ cộng sinh, cộng nghiệp, liên hồi. Sẽ mở ra điệp điệp lối về, trùng trùng duyên khởi. Muốn đãi cát tìm vàng và ngọc trong đá, phải đào xới, phăng tìm, cậy dựa vào chứng từ, cơ sở vật thể hoặc phi vật thể nào đấy. Chẳng hạn, bằng giác quan, ta đi vào thế giới hình sắc, hương vị. Với tưởng tượng và

cảm nhận, ta gặp gỡ vô ảnh, vô hình bằng bạc còn gửi gắm trong giai thoại, trong ngôn ngữ, trong cung bậc, âm thanh. Phục dựng lại một quá khứ để hiện ra nguyên mẫu, để tôn tạo vẻ son vàng rực rỡ, tức là bơi ngược về thượng nguồn, hỏi chuyện những người gác cửa quá khứ, theo quan niệm của UNESCO. Bởi vì vật chất thì vô thường.

Ta còn để lại gì không?

Kìa non đá lở, nọ sông cát bồi

(Vũ Hoàng Chương)



Vâng, đã có từ nghìn xưa, những bộ môn khoa học xã hội - nhân văn mang chức năng bảo tồn này: từ dã sử, huyền sử, dân gian, truyền miệng, sử thi cho đến chính sử, biên niên, khảo cổ, nhân chứng vật chứng... Chúng hé mở cho ta thấy những nền văn minh

văn hoá cổ đại của Ai Cập, La Mã, Hi Lạp, Ấn Độ, Trung Hoa. Chúng bày ra trước mắt ta những dấu tích của thời gian, của không gian, của con người và vạn vật, cả đến bát ngát, mịt mù thăm thẳm... Nhờ đó, người đời sau cùng khóc, cùng cười, cùng hi hoan, bi lụy và chấp cánh thăng hoa với Cesar, Alexandre, Thành Cát Tư Hãn, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung. Sẽ còn mãi trong trí nhớ, trong sách vở, trong bảo tàng viện, trong

chuyện kể của con người. Ta vẫn có thể còn cảm xúc bùi ngùi, đau đáu, mỗi khi đọc lại những trang viết, những câu chữ, hát thầm những nốt nhạc u ầu, chiêm ngưỡng đến mê mết những gam màu biết nói của Homere, Shakespeare, Leonardo da Vinci, Van Gogh, Chopin, Mozart, Beethoven, Đỗ Phủ, Tô Đông Pha, Lý Bạch, Nguyễn Trãi, Nguyễn Gia Thiều, Cao Bá Quát, Nguyễn Du, Petrus Ký, Hàn Mặc Tử v.v... Rõ ràng là quá khứ không chết và văn hoá đọc chưa hết thời, nói như nhận định của văn hào Đức, Guenter Grass (*Nobel, 1999*). Nó chấp chờn ẩn hiện, chỉ chờ một va chạm, một động hờ nào đó để mở mắt, nói năng, vươn vai, đứng dậy. Lại một phen cực kỳ sôi nổi, ngồn ngộn, tươi rói, mượt mà. Đến như vua Tự Đức mà cũng phiêu lạc vào cõi mộng mơ, dẫu chỉ hoài công vớt bóng, dành hương.

Đập cổ kính ra, tìm lấy bóng

Xếp tàn y lại, để dành hương

Có khác nào cái lãng mạn huê tình quá quắt của ai đấy trong thi ca tiền chiến

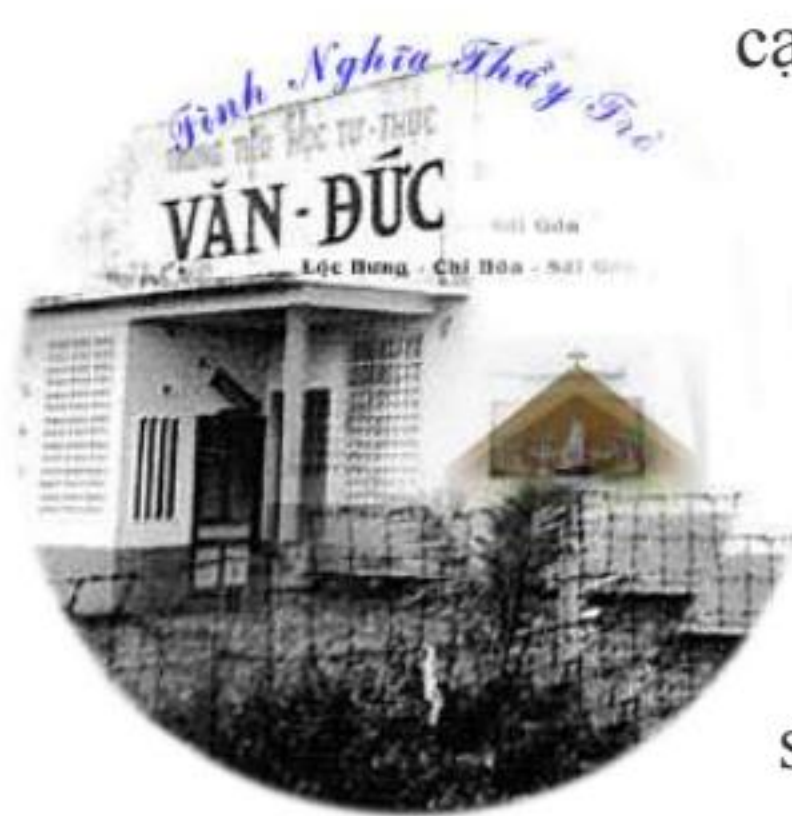
hể thấy gió là ôm
ngang lấy gió/
tường chừng như
trong gió, có
hương...

May mắn cho
chúng ta, ngày
nay là thời đại
của bùng nổ công
nghệ thông tin.
Tai phải nghe và
mắt phải nhìn
video, audio... tv,
cassette recorder,
cd, dvd, iphone,
ipad, 2, 3, 4 chiều,
photo digital...

Đó là chưa kể
sách báo, thư
viện, bảo tàng,
điêu khắc, nhiếp
ảnh, đạo diễn,
làm phim, in ấn
hiện đại, thiên
hình vạn trạng.
Kỷ Yếu, vì thế,
đâu còn là một tờ
giấy, một tấm

hình hay một quyển sách, một bản tin
chết, toàn chữ số máy móc, khô khốc,
vô cảm, vô hồn nữa. Nó đã hoá thân
thành những thước phim sinh động,
phong phú và đa dạng y hệt cuộc đời
ta đang sống từng phút, từng giây.
Người đọc, người xem Kỷ Yếu bây
giờ, thật sự đã chạm tay vào những sự
kiện, những hiện tượng, những khoảnh
khắc đã khởi đi từ một thời gian xa lắc
xa lơ, từ một nơi chốn mịt mù nào đó,
chẳng ai ngờ. Như một úm ba la đầy
phép thuật trong cổ tích, hoang đường.

Ở trong nước cũng như hải ngoại, bên



cạnh sách báo,
radio, tv,
phim ảnh,
càng ngày,
càng thấy
có một làn
sóng, một

phong trào làm Kỷ Yếu,
viết Kỷ Yếu, in Kỷ Yếu. Phải nói là
một phong cách rất thời thượng. Hình
như, thời gian bây giờ đi quá nhanh,
nhanh hơn ngày trước thì phải? Và
cuộc sống này mỗi lúc mỗi dồn dập
hơn, với tốc độ quay cuồng đến chóng

mặt. Phải níu giữ, kéo lùi chuyển xe kia chậm lại, dừng lại. Nói đâu xa, mới đây mà đã 30, 40, 44 năm xa quê, xa nhà, gửi thân nơi xứ người. Soi gương, chợt thấy mình đã ra khác, đầu bạc trắng hoa lau. Bao nhiêu biến cố, bao nhiêu mất còn, bao nhiêu sinh hoá trụi diệt, bể dâu. Chỉ tính mấy năm gần đây và ở bên Mỹ này thôi, không biết bao nhiêu Kỷ Yếu đã ra đời, chiếm tỷ lệ không nhỏ trong số lượng sách báo tiếng Việt phát hành. Hình như, có bao nhiêu tổ chức, đoàn thể,

hội hè, trường học, vùng miền, nghề nghiệp là có bấy nhiêu gặp gỡ, giao lưu, hội họp, luận bàn, kỷ niệm, lễ lạt, trưng bày, triển lãm, tiếp thị, tiệc tùng... Mà đã gặp gỡ, hội hè thì đương nhiên phải có sách báo, Kỷ Yếu để liên lạc, thông tin, để lưu truyền, kỷ niệm. Thành thử, trăm hoa đua nở khắp nơi, khắp chốn. Nghe nói, riêng Bolsa đã có cả trăm, vài trăm Hội Ái Hữu kia mà. Thế thì, ắt hẳn đã phải sinh sôi nảy nở hàng chục hoặc hàng trăm Kỷ Yếu rồi chứ gì? Nhưng, lo gì chuyện ấy? Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh. Chuyện làm Kỷ Yếu của



Đó là một thói quen, một sinh hoạt văn hoá giáo dục đã thành nề nếp truyền thống rất khởi sắc của hầu hết các trường học miền Nam trước 1975. Ngày nay, để nắm bắt số liệu, thông tin, hình ảnh của những năm tháng đã

xa vời ấy, chỉ cần tìm đến Kỷ Yếu. Có đầy đủ, tất tẩn.

Trường trung tiểu học Văn Đức, giáo xứ Lộc Hưng, Chí Hoà, Sài Gòn ở hải ngoại này đã tổ chức thành công 9 lần Đại hội và 2, 3 lần thực hiện Kỷ Yếu. Nhưng Kỷ Yếu lần này dày dặn và quy mô hơn, nội dung phong phú hơn và kỹ thuật chuyên nghiệp, hiện đại hơn. Tất một lời, đây là một Tuyển Tập Gói Trọn Tình Nghĩa Thầy Trò Văn Đức, một quà tặng thân yêu gửi đến bạn bè.

Vừa đẹp, lại vừa đầy ắp cảm xúc, không thể thiếu vắng trong tủ sách của đại gia đình Văn Đức. Đồng thời, đây là công trình chung của tập thể thầy trò chúng ta, đánh dấu một chặng đường đã kinh qua hơn 40 năm, có góp công góp sức đông đủ nhất, tập hợp nhất, cả nước trong lẫn nước ngoài.



GIA ĐÌNH VĂN ĐỨC
HỘI NGỘ KỶ X



Chức Đức
TÌNH NGHĨA THẦY TRÒ



Từ hình thức, khuôn khổ, sắc màu, kỹ thuật, chất lượng giấy mực, hình ảnh minh họa cho đến nội dung, tin tức; từ sinh hoạt đến bài vở đủ thể loại văn học, báo chí, như: văn, thơ, tùy bút,

phóng sự, sưu
tầm, vui
cười, cảm nghiệm,
lịch sử, tài liệu,
của quá khứ, hiện
tại và tương lai....
của thầy cô và
của học trò.

Đây, kính thưa
quý Thầy Cô và
thưa các bạn, Kỷ
Yếu của tất cả
chúng ta! Hãy
cầm lên, mở ra và
đọc, sẽ thấy Lộc
Hung, Văn Đức.
Sẽ thấy Sài Gòn,
Bolsa, San Jose,

Texas, Florida, San Diego, Virginia,
Washington DC, New York, S.
Carolina, Georgia... nơi có người Văn
Đức đã sinh sống và thành danh trong
lòng nước Mỹ. Sẽ được gặp thầy cô,
bắt tay bạn bè và thấy chính mình ở
trong ấy. Cái thuở ngày xưa một thời
cấp sách đến trường.

*Ta ngồi nghe những tiếng thị thành xa
Hồn lơ đãng, mộng ra ngoài cửa lớp
(Đình Hùng)*

Lê Đình Bảng

Trích Kỷ Yếu Tình Nghĩa Thầy Trò
phát hành ngày

Đại hội Văn Đức lần thứ 10
(04.8.2019) - Cali



Kỷ Niệm Đại Hội Kỳ X – 4-8-2019 - Cali



Lê Đình Bảng

*nhà giáo, nhà báo, nhà thơ, nhà nghiên cứu
người chuyên chở đức tin - lòng đạo
bằng con đường thơ lựa của văn hóa - nghệ thuật*

Lời vào đề:



Ngày 1/4/2013, kỷ niệm 12 năm ngày mất của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, bỗng dưng làm cho tôi nhớ lại: Khi còn là một học viên Cao Học, tôi đã chọn ca từ Trịnh Công Sơn để nghiên cứu. Luận văn Cao Học của tôi viết về “Phong Cách Ngôn Ngữ Trong Ca Từ Của Trịnh Công Sơn”. Luận văn vừa hoàn thành thì Lê

Đình Bảng cho ra mắt bộ sách gồm 6 tập “Ở Thượng Nguồn Thi Ca Công Giáo Việt Nam” rồi sau đó lại là bộ sách “Có Một Vườn Thơ Đạo” kỷ niệm 100 năm ngày sinh Hàn Mặc Tử của một tập thể tác giả cũng đã được xuất bản. Khi không, tôi tự hỏi, thi ca Công giáo đã đến lúc “được mùa”? Tôi giật mình, đồng thời chợt tiếc vì mình là “con cái nhà đạo” mà tại sao lại ơ hờ không

quan tâm đến nguồn thi ca Công giáo Việt Nam? Bài viết này giới thiệu nhà thơ Lê Đình Bảng, với ước mong những bạn trẻ, sinh viên Công giáo quan tâm đến nguồn thi ca Công giáo Việt Nam, để có thể mở ra những hướng nghiên cứu.

1. THÂN THỂ:

- **Tên gọi:** Phanxicô Assisi Lê Đình Bảng.
- **Các bút danh:** Đình Bảng, Mạc La Đình, Thụy Anh (từ 1960-1975) và Lê Đình Bảng, Lê Quán Thư, Mộ Dung, Nhất Kiếm, Ngũ Cung, Lại Thị Hương Nhu, Monica, Phan Gia Kiều, Người Sông Hóa, Quốc Chính (từ 1976).
- **Sinh:** Ngày 17-9-1942 (Nhâm Ngọ) tại làng Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh.
- **Nguyên quán:** Làng Thọ Cách, Thụy Anh, Thái Bình (giáo họ Thọ Cách, giáo xứ Vân Am, giáo phận Thái Bình). Nay là thôn Thọ Cách, xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Quê ngoại: Bùi Chu (Nam Định); quê nội: Thái Bình.



Nhà thờ giáo họ Thọ Cách – Thái Bình

❖ Quá trình đào tạo và hoạt động:

- 1945 - 1953: Mẫu giáo. Tiểu học tại trường làng, trường xứ, trường tỉnh.
- 1954 - 1957: Tiểu Chủng viện Mỹ Đức, Thái Bình tại Phan Rang; Trung học Trương Vĩnh Ký (*Phan Rang, Ninh Thuận*).
- 1958 - 1960: Tiểu Chủng viện Phanxicô Xaviê, Bùi Chu tại Sài Gòn. Triết học tại Đại chủng viện Lê Bảo Tịnh (*Gia Định*).
- 1961 - 1966: Cử nhân Giáo khoa Văn chương Việt Hán, Đại học Văn khoa Sài Gòn.
- 1967 - 1971: Đại học Sư phạm Sài Gòn (*ban Việt Hán*).
- 1972: Chính trị - Báo chí tại Đại học Chính trị Kinh doanh Đà Lạt. (*Ban Cao học, Thương Xá Tax, Sài Gòn*).
- 1961 - 1975: Giảng dạy chuyên khoa Việt văn tại các trường tư thực đệ nhị cấp tại Sài Gòn-Gia Định: Nguyễn Bá Tòng, Sài Gòn; Nguyễn Bá Tòng, Gia Định; Mai Khôi, Văn Đức, Nguyễn Duy Khang, Thánh Giuse, Trường Sơn, Văn Học, Thăng Long, Quang Minh...
- 1960 - 1975: Cộng tác với các báo: Trái Tim Đức Mẹ, Đức Mẹ La Vang, Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, Thăng Tiến, Thông Cảm, Đối Thoại, Xây Dựng, Dân Chủ, Văn Đàn, Hòa Bình, Sống Đạo, Ngàn Thông, Tuổi Ngọc...
- 1978 - 2015: Cộng tác với các báo: Công Giáo và Dân Tộc, Người Công Giáo Việt Nam,

Hiệp Thông, Bài Giảng Chúa Nhật, Hương Trầm, Hát Lên Mừng Chúa, Thánh Nhạc Ngày Nay, Tuổi Trẻ, Phụ Nữ, Thanh Niên, Văn Hóa Phật Giáo, Giác Ngộ...

- 1998 - 2013: Thành viên, cộng tác viên, chuyên viên của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam: Ủy ban Phụng Tự, Ủy ban Thánh Nhạc, Ủy ban Giáo Dân, Ủy ban Loan Báo Tin Mừng, Ủy ban Văn hóa...
- 1970 - 1995: Giải thưởng Liên Tài về Thi Ca của Ban Tao Đàn (*Đài Phát Thanh Sài Gòn*). Giải thưởng Truyện Ngắn của các báo: Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, Sài Gòn Giải Phóng, Người Lao Động, Giác Ngộ, Vũng Tàu Chúa Nhật... thành viên Ban Giám Khảo Giải Thưởng Truyện Ngắn Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp – Ban Giám Khảo Giải Viết Văn Đường Trường (2006 – 2017... *Đồng Hành, Mục Đồng, Nhịp Sống Tin Mừng, Diễn Đàn Giáo Dân, Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp*)



- 1996 - 2016: Người dẫn chương trình của Các Đại Hội Hành Hương Đức Mẹ La Vang (*Huế*); Các Cuộc Tọa đàm-Hội Thảo về Văn Hóa Công Giáo của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam (*Tòa TGM Huế, Tòa TGM Sài Gòn*); Các Diễn Đàn Văn Hóa-Nghệ thuật Công giáo

Việt Nam; Các Cuộc Trưng bày-Triển lãm Văn Hóa Nghệ Thuật Công Giáo Việt Nam; Các Sự Kiện Văn Hóa - Nghệ Thuật Công giáo Việt Nam và các Đại Lễ Công giáo cấp giáo phận, giáo hạt trên toàn quốc Việt Nam.

2. SỰ NGHIỆP

Lê Đình Bảng đến với sự nghiệp văn chương rất sớm. Tác phẩm đầu tay của ông chào đời khi ông mới 19 tuổi. Ông là một cây bút đáng nể trong nền thi ca Công Giáo Việt Nam. Sự nghiệp cầm bút của ông đã hơn nửa thế kỷ từ tác phẩm đầu tay 1961 đến nay 2016.

Với nửa thế kỷ ấy ông là một tấm gương cần cù về lao động khoa học và nghệ thuật. Ông đã cho chào đời nhiều tác phẩm với nhiều thể loại và đề tài:

12 tác phẩm về **biên khảo**, trong đó đáng kể là bộ “*Ở Thượng Nguồn Thi Ca Công Giáo Việt Nam*”, gồm 6 tập gần 5000 trang.

12 **tập thơ** riêng, trên dưới 1000 bài thơ với nhiều thể loại và đề tài khác nhau: Truyền kỳ lịch sử, cầu nguyện, suy tư thần học, cảm nghiệm đức tin, tâm tình với Hội thánh, với người và với đời.

- 2 **tập thơ** biên soạn chung với các tác giả khác.
- 4 tập **bút ký**.
- 3 tập **cảm nhận**.

- 5 giáo trình.
- 1 tiểu luận.
- 5 tập bút.

Nói như linh mục JBT Cao Vĩnh Phan - qua tập Cảm Nhận - thì “ông không chỉ là một thi sĩ đơn thuần, mà còn là một nhà nghệ sĩ, họa sĩ, một nhà nghiên cứu uyên thâm đang vươn lên vị trí xứng đáng là một trong những người đi đầu trong khu vườn thi ca của Công Giáo và của dân tộc”.

Các tác phẩm của ông:

➤ Đã xuất bản

- 1961 - 1975, Giảng văn-Văn học sử-Phương Pháp Nghị Luận (*Giáo Trình Giảng Dạy các lớp đệ Tam, đệ Nhị ABCD, Sài Gòn*).
- 1967, Bước Chân Người Giao Chỉ (*Thơ, Sài Gòn*). Bạt của nhà thơ Trần Dạ Từ.
- 1970, Đêm Rất Thánh (*Bút ký - Quà tặng học trò mùa Giáng Sinh, Sài Gòn*).
- 1970, Hiện Tượng Lục Bát Trong Thi Ca Việt Nam (*Tiểu luận, Sài Gòn*).
- 1971 - 1974, Chuyên Hóa (*Giáo trình huấn luyện Giáo Sư các trường trung học tư thực Công giáo toàn quốc, Sài Gòn*).
- 1972, Sinh Hoạt Học Đường (*Giáo trình hợp soạn, Sài Gòn*).
- 1976 - 1980, Gia Phả Lê Tộc (*Biên khảo*).

- 1996 - 2001, Thánh Nhạc Thánh Ca Việt Nam. Những Ngày Tháng Không Quên (*Tuyển tập sổ tay Hát Lên Mừng Chúa*).
- 2005, Chuyện Đất và Người Làng Thọ (*Bút ký gia phả học*).
- 2006, Hành Hương (*Thơ, NXB Tôn Giáo*). Vào đề của Vũ Đức Sao Biển. Bạt của Huỳnh Hay.
- 2006, Hành Hương với Hành Hương (*Cảm nhận, NXB Tôn Giáo*). Cảm nhận của các đẳng bậc trong Hội thánh và của các nhân sĩ, trí thức, nghệ sĩ, thân hữu.
- 2007, Kinh Trong Sương (*Hợp soạn với Trăng Thập Tự, Cao Huy Hoàng, Phanxicô, NXB Phương Đông*). Giới thiệu một số người làm thơ Công giáo đương thời.
- 2008, Thánh Ca Hoài Đức. Một Thời Để Nhớ (*Tạp bút*).
- 2009, Ở Thượng Nguồn Thi Ca Công Giáo Việt Nam (*Biên khảo, NXB Tôn Giáo và Phương Đông*), gồm 6 tập gần 5000 trang về Kinh Sách Lễ Nhạc, Phúc Âm Diễn Ca, Huấn Ca, Giáo Lý, Thánh Nhạc Thánh Ca Việt Nam từ khởi thủy đến nay. Lời giới thiệu của linh mục Vĩnh Sang, Dòng Chúa Cứu Thế.
- 2009, Chung Mỗi Đồng Cảm (*Cảm nhận, NXB Tôn Giáo*). Cảm nhận của các bậc trong Hội thánh và của các nhân sĩ, trí thức, nghệ sĩ, thân hữu.

- 2009, Các Giám Mục Nước Ngoài Phục Vụ Tại Việt Nam (*Biên khảo, hợp soạn với Lê Ngọc Bích và Lê Thiện Sĩ, NXB Tôn Giáo*). Vào đề của linh mục Phi Khanh Vương Đình Khởi, Dòng Anh Em Hèn Mọn.
- 2010, Quỳ Trước Đền Vàng (*Thơ, NXB Tôn Giáo*). Vào đề của Đức Tổng Giám mục Stêphanô Nguyễn Như Thế, Tổng giáo phận Huế. Bạt của nhạc sĩ Phanxicô.
- 2010, Văn Học Công Giáo Việt Nam - Những Chặng Đường (*Biên khảo, NXB Từ Điển Bách Khoa*). Lời giới thiệu của Đức cha Micae Hoàng Đức Oanh, Giám mục giáo phận Kontum, chủ tịch Ủy Ban Loan Báo Tin Mừng - HĐGMVN.
- 2010, Như Hương Trầm Bay Lên (*Biên khảo*). Kỷ niệm 70 năm ngày mất (11.11.1940-11.11.2010) của nhà thơ Công giáo Hàn Mạc Tử. Hợp soạn với Phạm Đình Khiêm và Võ Long Tê.
- 2011, Nhã Ca La Vang (*Tuyển tập thơ La Vang, hợp soạn với Trần Quang Chu, NXB Tôn Giáo*). Lời giới thiệu của Đức Tổng Giám mục Stêphanô Nguyễn Như Thế, Tổng giáo phận Huế.
- 2012, Hành Trình Một Trăm Năm Báo Chí Công Giáo Việt Nam 1908-2008 (*Biên khảo*). Vào đề của Đức cha Giuse Vũ Duy Thống, Giám mục giáo phận Phan Thiết, chủ tịch Ủy Ban Văn Hóa - HĐGMVN. Ghi nhận và lược thuật lịch sử báo chí CGVN.

- 2012, Gặp Gỡ Những Dòng Sông (*Tạp bút, NXB Tôn Giáo*). Gặp gỡ giao lưu-vào đề các tác phẩm của: Đức cha GB Bùi Tuần (*Thao Thức, 2007*); Đức cha FX Bạch Lạp Nguyễn Văn Sang (*Đời Dân Hiến, 2000*); linh mục - nhà thơ Xuân Văn (*Sứ Điệp Tình Thương, 1998*); Đức ông - nhà thơ Xuân Ly Băng (*Thơ Kinh, Hương Kinh, Trầm Tư, Nỗi Niềm, Tuyển Tập Thơ, 1956 - 2013*); linh mục - nhà thơ Giuse Đình Cao Thuấn, linh mục-nhà thơ Cung Chi (*Thương Ngàn Thương, Paris 2012*); Lê Ngọc Bích (*Nhân Vật Công Giáo, 2004 và Các Giám Mục Nước Ngoài Phục Vụ Tại Việt Nam, 2009*) v.v...
- 2012, Lời Tự Tình Của Bến Trần Gian (*Thơ, NXB Tôn Giáo*). Cảm đề của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, phó chủ tịch Hội Nhà Văn Việt Nam.
- 2012, Đội Ơn Lòng Chúa Bao Dung (*Tuyển tập thơ của Lê Đình Bảng và phổ nhạc của nhiều nhạc sĩ, NXB Tôn Giáo*). Gặp gỡ thơ và nhạc trong tâm tình đức tin-lòng đạo với các nhạc sĩ: Anh Tuấn, Ân Đức, Cao Huy Hoàng, Diệu Liên, Duy Tân, Đình Dũng, Hà Thanh Nguyên, Hải Triều, Hồ Đăng Tín, Hoàng Phúc, Hương Vĩnh, Kim Long, Lưu Văn Trung, Mi Trầm, Minh Anh, Minh Chiết, Minh Kông, Minh Tâm, Minh Trang, Nam Phương, Ngọc Linh, Nguyễn Duy, P.Kim, Phanxicô, Phạm Hồng Nhật, Phaolô, Tô Hợp, Thế Thông, Thiện Cẩm, Thái Nguyên, Trầm Hương, Trần Văn Sâm, Trọng Nhân, Vô

Thường, Vũ Đình Ân, Vũ Hùng, Vy Hạnh, Xuân Thảo, Xuân Thu, Y Liên...

- 2012, *Lời Khấn Nhỏ Chiều Chúa Nhật (NXB Tôn Giáo)*. Tuyển tập thơ của Lê Đình Bảng và phổ nhạc của nhiều nhạc sĩ: Anh Tuấn, Ân Đức, Cao Huy Hoàng, Diệu Liên, Duy Tân, Đình Dũng, Hà Thanh Nguyên, Hải Triều, Hồ Đăng Tín, Hoàng Phúc, Hương Vĩnh, Kim Long, Lưu Văn Trung, Mi Trầm, Minh Anh, Minh Chiết, Minh Kông, Minh Tâm, Minh Trang, Nam Phương, Ngọc Linh, Nguyễn Duy, P.Kim, Phanxicô, Phạm Hồng Nhật, Phaolô, Tô Hợp, Thế Thông, Thiện Cẩm, Thái Nguyên, Trầm Hương, Trần Văn Sâm, Trọng Nhân, Vô Thường, Vũ Đình Ân, Vũ Hùng, Vy Hạnh, Xuân Thảo, Xuân Thu, Y Liên...
- 2012, *Về Cõi Trời Mênh Mang (NXB Tôn Giáo)*. Tuyển tập thơ của Lê Đình Bảng và phổ nhạc của nhiều nhạc sĩ: Anh Tuấn, Ân Đức, Cao Huy Hoàng, Diệu Liên, Duy Tân, Đình Dũng, Hà Thanh Nguyên, Hải Triều, Hồ Đăng Tín, Hoàng Phúc, Hương Vĩnh, Kim Long, Lưu Văn Trung, Mi Trầm, Minh Anh, Minh Chiết, Minh Kông, Minh Tâm, Minh Trang, Nam Phương, Ngọc Linh, Nguyễn Duy, P.Kim, Phanxicô, Phạm Hồng Nhật, Phaolô, Tô Hợp, Thế Thông, Thiện Cẩm, Thái Nguyên, Trầm Hương, Trần Văn Sâm, Trọng Nhân, Vô Thường, Vũ Đình Ân, Vũ Hùng, Vy Hạnh, Xuân Thảo, Xuân Thu, Y Liên...

- 2013, Nửa Vòng Trái Đất Vừa Xa Vừa Gần (*Bút Ký*). 100 ngày thăm thú và rong chơi trên đất Mỹ.
- 2014, Kinh Buồn (*Thơ. NXB Tôn Giáo*).
- 2014, Ơn Đời Một Cõi Mệnh Mang (*Thơ, NXB Tôn Giáo*).
- 2015, Về Văn Ca Ngâm Công Giáo Việt Nam (*Biên khảo, NXB Đồng Nai*). Hành trình ký ức và điền dã – đi tìm thời gian đã mất.

➤ **Sẽ xuất bản**

- Lòng Đạo Dân Gian Việt Nam (*Biên khảo*).
- Phúc Âm Thứ Sáu Mùa Chay (*Thơ*).
- Dân Hoa Toàn Tập (*Biên khảo*).
- Văn Hóa Lễ Hội Công Giáo Việt Nam (*Biên khảo*).
- Thánh Nhạc Thánh Ca Việt Nam-Những Chặng Đường (*Biên Khảo*).
- Công Giáo Việt Nam Và Văn Hóa (*Biên Khảo*).

Nhìn qua sự nghiệp văn chương của ông, nếu như mượn lời của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn để nói thì ông là một “*cây đời xanh tươi*” đã cho nhiều trái ngọt quả thơm và đang hứa hẹn một vụ mùa trĩu hạt.

3. ĐỊNH HƯỚNG

Lược qua các tác phẩm của ông không ai lại không nhận ra được định hướng làm việc của ông. Đó là một tâm hồn sống với Chúa, một tấm lòng yêu mến mẹ Giáo Hội Việt Nam, một tâm tình tha thiết với phận làm người, gắn bó với nghệ thuật, đặc biệt với thi ca.



➤ Một tâm hồn sống với Chúa

Ông đã từng tâm sự: *“Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện”*. Không một tâm tình nào của dân Chúa mà không có trong thơ của Ông. Ông nắm vững và xác tín vào Lời Chúa, từ Cựu Ước tới Tân Ước, từ giáo lý, kinh nguyện tới hiện thực đời sống của một tín hữu thuần thành. Mỗi bài thơ là mỗi một nỗi niềm đau đáu về điều ông đã niệm đã suy. Ông không giảng về Chúa bằng những bài Thần Học cao siêu, nhưng ở đâu đó bàng bạc trong thơ ông là một đoạn Kinh Thánh, một câu Lời Chúa rất đậm chất thơ:

*“Buổi sáng thế, giữa vườn thom mộng mị,
Người ra thăm cây lành dữ ngoan ngủ...”*

(Một chút tình cỏ hoa)

*Hoặc là “Từ vực thăm, tôi trông lên lạy Chúa,
Chở che tôi dù ngọn lửa tim đèn...”*

*... Lạy Chúa Trời, xin ghé mắt thương tôi,
Cây lau dập, vướn chân người qua lại...”*

(Lời kinh chiều Emmaus)

Lời thơ của ông cứ tưởng như là lời kinh tuyên xưng đức tin vào Chúa, vào Mẹ, trong vui mừng hân hoan, trong lệ tuôn đau khổ. Trong tất cả những điều ấy, lời kinh của ông là lời thơ thom thảo xinh đẹp dâng lên Chúa.

“Sớm chiều ba cứ đình ninh

Mỗi khi lần hạt đọc kinh, nguyện cầu

Ngủ đi con, ngủ thật lâu...”

(Ru con)

➤ Một tấm lòng yêu Giáo hội

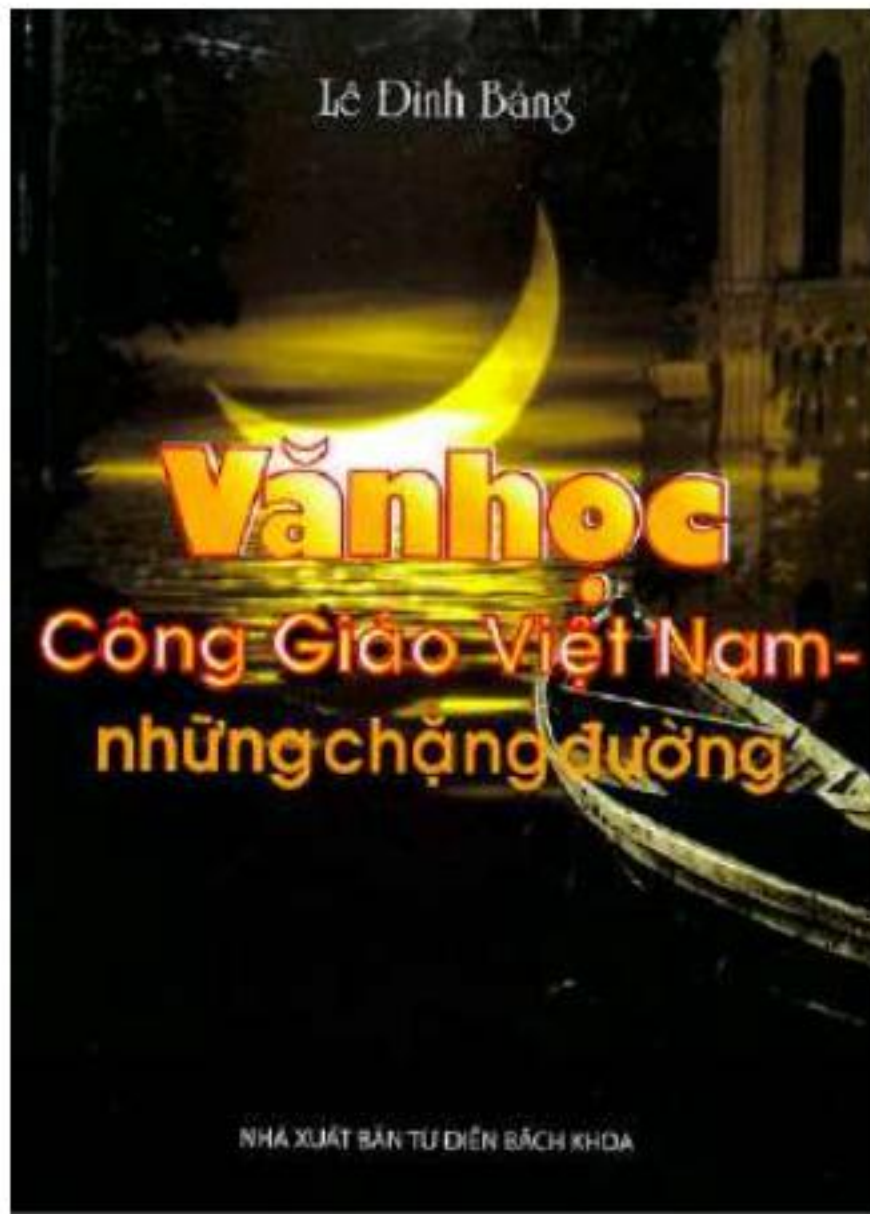
Còn nhớ rất rõ. Không một lần nào nói chuyện với ông mà tôi lại không nghe được điều ông đau đầu, ưu tư cho nền Văn học Công Giáo Việt Nam bị xem

thường, lãng quên, thậm chí chết đi mà không ai quan tâm. Ông nom nớp lo sợ rồi đây những người yêu nét đẹp nghệ thuật của văn thơ Công Giáo Việt Nam qua đi, thì nền Văn học Công Giáo sẽ bị chôn vùi. Ông thao thức băn khoăn về nhiều thể loại văn học Công Giáo đang bị mai một, từ vè văn ca ngâm, kinh sách lễ nhạc cho đến biên khảo, sáng tác.

Ông vẫn tự hào 4000 năm văn hiến của dân tộc Việt Nam, không thể nào lại không kể đến những đóng góp của nền Văn học Công Giáo. Chính vì thế mà ông không làm những việc chỉ cho riêng ông. Những công trình của ông phần lớn là những công trình lo cho Giáo Hội. Ông góp sức mình lo cho Giáo Hội được thể hiện qua bộ sách 6 cuốn *“Ở thượng nguồn thi ca Công Giáo Việt Nam”* và các đầu sách biên khảo khác về lịch sử văn học, báo chí Công giáo. Ông ra công góp sức khơi dậy và nuôi dưỡng những *“Vườn thơ đạo”*, những *“Đồng xanh thơ”*, những buổi tọa đàm, những đêm diễn nguyện-thánh nhạc thánh ca, những đêm thơ Công Giáo. Ông chung tay làm sống lại và phong phú hóa những sinh hoạt văn học nghệ thuật Công Giáo Việt Nam trong hơn một thập niên vừa qua.

Ông đã làm những việc mà trong khả năng Chúa trao ban cho ông, thật sự đã đem lại cho Giáo Hội Việt Nam niềm tự hào. Ông đã gánh vác phần nào công việc chuyên môn cho các vị mục tử lãnh đạo

Giáo Hội còn đang bận bịu với những công việc mục vụ. Việc ông làm ấy đã thể hiện rõ nét tấm lòng yêu Giáo Hội của ông ở lãnh vực mà ông yêu thích, sở trường.



➤ Một tấm lòng tha thiết với con người, yêu nghệ thuật.

Không có một vấn đề nào của phận người lại không tìm thấy trong thơ ông: niềm tin - cuộc sống, tình bạn - tình yêu, tình Chúa - tình người...

Đẹp lắm những lời thơ nguyện dâng lên Chúa như những bó hoa đơn sơ nhưng đậm nồng tình mến. Từ những nỗi nhớ, những biệt ly, những hẹn hò, những nuối tiếc... từ những tội lụy, những tri ân, những hân hoan ca hát, những lời tạ ơn, những niệm suy sâu kín...

“Chúa biết con, mỗi lần vấp ngã,

Là y như hồn vắng tư bề,

Những vòng gai, lưới đòng, năm dẫu,

Nửa cõi thiên đàng, nửa bến mê...”

(Gởi cây nến phục sinh)



4. VĂN PHONG

- ❖ Nhìn dưới ngôn ngữ học truyền thống. Thơ của ông là những áng đẹp của những kết hợp hình tượng ngôn ngữ đầy cảm xúc: “*rét mướt linh hồn ...*”, là “*phố mù*”, là “*đời nghĩ*”, là “*cỏ hát*”, là “*vườn thơm mộng寐*”, là “*hương phai*”, là “*đêm muộn màng, góa bụa*”, là “*ngày tháng rong rêu*”, là “*suối hát*”, là “*nắng gội*”, là “*bốn mùa sương khói ngất*”...
- ❖ Nhìn dưới ngôn ngữ học tri nhân. Thơ của ông là những trải nghiệm đã kinh qua từ hiện thực sinh động đời thường đầy chất văn nơi cửa miệng của dân gian Bắc bộ, đâu đó trong thơ ông đã dùng: “*Bắc rặt*”: “*gió máy*”, “*phơi phong*”, “*áo toi*”, nhớ, kéo, giá, hàng...

“... Có phải là miền cổ tích Đông Phương

Hay xứ lạ rặt bọt bèo rêu rác...?”

Trong thơ ông còn có cả những câu chữ và những lối ví von giàu hình ảnh của tục ngữ ca dao, phong dao Việt Nam “*con cò đi ăn đêm đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao...*” Thơ của ông đầy ắp những ẩn dụ tri nhân, những điển tích điển

cổ từ Kinh Thánh, từ nguồn cội thánh hiền và cả những sáng tạo nghệ thuật. Ất hẳn là ông đã có định hướng phong cách nhà thơ riêng theo ý ông. Cho nên, đọc thơ ông, ta soi thấy cái vang bóng của một thời, ta bồi hồi nhân ra hơi thở của hôm nay và cả đến những xô dạt, dịch chuyển đang hóa thân vời vợi, chấp chới ở ngày mai. Đạo và đời đan quện vào nhau, rất máu thịt, gần gũi. Rất Việt Nam.

LỜI KẾT:

Tôi không thể trích dẫn thơ ông nhiều ở đây, vì đó là công việc của những ai muốn nghiên cứu thơ văn Công Giáo, chắc chắn sẽ gặp được nhiều điều thú vị, không ngờ. Cho tôi dừng ở đây và đã dám khẳng định rằng, nghiên cứu thơ văn Công Giáo Việt Nam mà quên Lê Đình Bảng thì quả là thiếu sót. Cũng như Phạm Gia Thoan, một chức việc của nhà xuất bản Tôn Giáo đã viết: *“Độc Miền thơ Phúc Âm diễn ca do nhà thơ xin xuất bản và có công tập hợp, kẻ ngoại đạo này rất cảm phục...”*; nếu được phép nói thêm, tôi sẽ không sợ cường điệu để nhắc nhở rằng: *“trong những thập niên gần đây, Lê Đình Bảng vươn lên xứng đáng là cây bút đáng kể trong nền thi ca Công Giáo Việt Nam”*. Không biết có lần nào các nhà nghiên cứu phê bình văn học, các ban nghiên cứu sinh, các sinh viên Công Giáo đã nghĩ đến việc viết về *“phong cách Lê Đình Bảng...?”* thật xót xa và hụt hẫng mỗi khi ghé vào bất cứ một hiệu sách báo nào, không hề thấy một tác phẩm viết về văn học Công Giáo Việt Nam. Trộm nghĩ, biết đến bao giờ?

Bùi Vũ, Sài Gòn

Người Thầy Dạy Việt Văn Tôi

Giáo Sư Lê Đình Bảng



Cứ mỗi lần đọc thấy những tin tức xấu về tình trạng văn hoá và giáo dục ngày càng xuống cấp ở Việt Nam, thì tôi lại nhớ tới những hình ảnh đẹp của một nền giáo dục nhân bản và tuyệt vời dưới thời Việt Nam Cộng Hoà.

Thời ấy có nhiều điều đáng nói, nhưng một trong những yếu tố làm nên ánh hào quang ấy chính là những thầy cô giáo.

Trong quãng đời cấp sách đến trường, mỗi năm là một thầy cô, lên Trung học lại càng có nhiều thầy cô khác. Thế mà tôi vẫn còn nhớ như in từ những người thầy thời tiểu học cho đến những người thầy thời tôi đã khôn lớn.

Trong số những người thầy ấy, có một người ảnh hưởng rất sâu đậm đến cách thức làm báo và viết báo của tôi, suốt hơn 40 năm qua ở Úc. Đó là Giáo sư Lê Đình Bảng.

Ông là vị Giáo sư dạy Việt Văn cho tôi trong những năm Trung học ở hai trường Thánh Giuse và Văn Đức.

Tôi cảm mến ông vì ông có quá nhiều điều đặc biệt. Từ giọng giảng bài trầm ấm, đến cách thức dẫn giải các bài thơ văn của các

bậc tiền bối. Cũng như có óc tổ chức trong bất cứ Sinh hoạt Học đường nào.

Thời ấy tôi say mê các giờ Việt Văn của ông. Tôi như được nhuộm vàng những gì trân quý. Tôi như được mở rộng về một lãnh vực mà mình ưa thích - và cảm thấy nó được in sâu hơn mức bình thường của bất cứ một cô cậu học trò nào khác.

Có lẽ nhờ thế, mà tôi “trở mồi” văn thơ và báo chí ngay từ dạo ấy? Và được như thế chính là nhờ người thầy có quá nhiều tài năng mang tên Lê Đình Bảng?

Ở tôi, chỉ là một “nhà báo”. Trong khi thầy tôi có quá nhiều “danh hiệu”, mà ở

bất cứ lãnh vực nào thầy cũng tỏ rõ sự chuyên nghiệp và độc đáo.



Gs Lê Đình Bảng không từ chối bất cứ lãnh vực nào như Văn, Thơ, Sử, Nhạc. Nhưng theo tôi, thầy Bảng nổi bật nhất là “*một nhà nghiên cứu về Văn hoá và Đức tin*” của người Công Giáo Việt.

Những tác phẩm của Gs Lê Đình Bảng đã minh chứng điều ấy.

Cách đây gần 15 năm, khi mẹ tôi sắp qua đời, tôi đã phải làm mọi cách và vượt qua nhiều trở ngại để về Việt Nam nhìn mặt mẹ lần cuối. Thăm mẹ xong, người mà tôi tìm đến thăm ngay sau đó là Gs Lê Đình Bảng. Từ cuộc tái ngộ đó, tôi được biết người thầy dạy học cũ của tôi từ sau năm 1975 đã không trở lại nghề dạy học, mà dành hết thời gian còn lại của cuộc đời mình để phục vụ

Giáo Hội, một Giáo Hội lúc ấy đang thực sự cần những người có tấm lòng.

Giữa một xã hội như đang tuyệt vọng và cạn kiệt niềm tin. Sự đóng góp vào việc phục hưng của Gs Lê Đình Bảng bằng các tác phẩm kiên định ấy, quả là một chiến binh dũng mãnh của Đức Tin.

Con đường mà Gs Lê Đình Bảng đã chọn, quả là hiếm có bởi rất ít người theo đuổi. Có thể vì nó chỉ đem lại những phần thưởng về tinh thần hơn là vật chất? Có thể nó chỉ đem lại sự nghi kỵ và cô lập?

Hơn nửa thế kỷ miệt mài với lãnh vực bị coi là “*ngõ cụt*”, là nơi chỉ dành cho các

vị mục tử. Thế là Gs Lê Đình Bảng đã trở thành người vượt trội, bằng chính (*sự?*) thiên ân mà Thượng Đế đã trao ban.

Tôi đã đọc một số tác phẩm của GS Lê Đình Bảng. Sự thán phục không chỉ nằm ở chỗ “*đồ sộ và uyên bác*”, mà còn nằm ở khoản: Đây là một người con trung tín với Chúa và Giáo Hội Mẹ Việt Nam.

Sự ngọt ngào và hào quang ấy đã được ông bày tỏ xuyên suốt qua hàng chục ngàn trang giấy, khiến ông trở thành bất tử trong sự nghiệp. Sự nghiệp bất biến với thời gian.



Và bất cứ người Công Giáo nào, khi tìm đọc những tác phẩm của ông, thì cũng cảm nhận được sự tự hào - như ông - khi đặt niềm tin vào nơi vững chắc nhất.

Ông như con thuyền nan vượt qua bão táp. Và chuyên chở hàng vạn con tim đến chốn bình an.

KỶ NIỆM VỚI GS LÊ ĐÌNH BẢNG

Vào đầu thập niên 1970, giới học trò Trung học ở Sài Gòn biết đến một nguyệt san dành cho tuổi học trò mang tên "*Ngàn Thông*". Do các Giáo sư như: Đình Bảng, Quyên Di, Hoài Mỹ, Thái Bắc... và họa sĩ ViVi - chủ trương và điều hành. Trong Ban biên tập của tạp chí Ngàn Thông có Giáo sư Lê Đình Bảng, là người dạy Việt Văn ở nhiều trường như Nguyễn Bá Tòng, La San, Văn Đức, Thánh Giuse... Thầy là người dạy môn Việt Văn, từ

những năm lớp 9 của tôi ở Trung tâm Giáo dục Thánh Giuse do Linh mục Giuse Mai Chí Thành sáng lập.

Lúc đầu tôi không hề biết giữa Thầy và tôi có thêm một mối liên hệ khác, đó là họ hàng gốc Thái Bình. Sự việc chỉ "lộ" ra khi có lần tôi tới thăm Ông tôi là Chủ nhân nhà thuốc Đa Minh (*gần rạp hát Thanh Vân, Hoà Hưng*). Tôi gặp thầy ở đó, thì mới biết thêm chuyện. Trước 1975 thầy là một Giáo sư nổi tiếng vì có lối giảng dạy hấp dẫn và được học trò quý mến. Và riêng tôi "hấp thụ" được nhiều điều từ Thầy, để theo đuổi "*ng nghiệp báo*" cho đến bây giờ. Sau 1975 thầy thôi dạy, và chuyển sang viết các bộ sách rất giá trị cho Tủ sách Công Giáo, ngoài ra thầy còn làm MC cho các chương trình Hội Thảo lớn của Giáo Hội.

Hình ảnh của Gs Lê Đình Bảng trước và sau biến cố 1975, là một sự tương phản "*kinh khủng*". Trước 1975, khi đến trường dạy

học, thầy thường ngồi trên chiếc Lambretta, mặc đồ thể thao, và đôi khi còn treo cặp vợt trước tay lái. Sau 1975, nhiều học trò “tròn xoe mắt” khi thấy thầy đạp xích lô chở khách kiếm sống, chứ nhất định không chịu trở lại “mái trường xã hội chủ nghĩa”! Đây có thể là “sự lựa chọn” của Gs Lê Đình Bảng. Bởi ông tin vào Thiên Chúa hơn tin vào bất cứ điều gì khác. Chính vì thế, từ sau năm 1975, ông đã gần bó với Giáo hội ở quê nhà, để làm những công việc hữu ích mà cả nhiều thế hệ sau, chắc cũng chưa thể quên ông. Ông đã bỏ hết phần đời còn lại để viết sách. Để ghi lại như một chứng

nhân của lịch sử. Các tác phẩm (thơ và văn) của ông, người đọc có thể tìm thấy dễ dàng trong các nhà sách Công Giáo.



Khi học lớp 9 và lớp 10 ở trường Thánh Giuse, Gs Lê Đình Bảng là Giáo sư Hướng dẫn về Báo Chí cho toàn trường. Lúc ấy tôi chưa biết Gs Lê Đình Bảng có họ hàng thân tộc. Tôi là Trưởng ban Báo Chí của lớp. Thời ấy, anh Trịnh Thế Hùng là Trưởng khối Báo chí - Ban Đại Diện Học Sinh. Năm nào trường cũng có cuộc thi Bích Báo vào dịp Tết Trung Thu, và lớp tôi luôn là “đối thủ đáng gờm” của tất cả các lớp khác, kể cả các lớp đàn anh. Có một bí mật mà anh Trịnh Thế Hùng lúc gần đây mới kể, là thời ấy Ban Đại Diện Học Sinh đã “gìm hàng” bằng mọi cách, để lớp Túy chỉ được về nhì, cho dù tờ báo có xuất sắc đến

đâu! Nghe kể lại chuyện xưa, anh em ôm nhau cười, chứ chẳng giận hờn gì, vì Bích Báo chỉ là bước đệm, bởi từ lớp 11 và 12 chúng tôi chỉ còn thực hiện các Tạp Chí và Giai Phẩm.

GIÁO SƯ LÊ ĐÌNH BẢNG VÀ TẤM HÌNH XƯA

Khi biết Gs Lê Đình Bảng là thầy dạy học cũ của tôi, chị Nguyễn Thị Tâm (ở *Bankstown Sydney*) gửi cho tôi một tấm hình đen trắng và hỏi tôi "*Đây có phải là thầy của Túy không?*". Tôi xem và nói phải. Hóa ra thầy Lê Đình Bảng là bố đỡ đầu của cháu Cao Đô con trai của anh chị Nguyễn Chính Trục. Thầy Bảng và anh Trục là

bạn thân, và cả hai đã mất liên lạc với nhau từ lâu. Nhân tiện viết bài về thầy Lê Đình Bảng, tôi gửi hình này và kèm theo ít chi tiết để thầy biết tin:



Người bạn của thầy, anh Nguyễn Chính Trục (*Thiếu Sinh Quân, sau học Võ bị Đà Lạt khóa 18*) đã tử trận năm 1971. Anh chị Trục có 4 người con, chị Tâm đem 3 đứa đi vượt biển. Mười năm sau chị Tâm bảo lãnh chị Trục qua đoàn tụ cùng với đứa con thứ 4, và hiện nay gia đình chị Trục đang cư ngụ ở vùng Bankstown. Riêng cháu Cao Đô mà thầy Lê Đình Bảng đỡ đầu thì nay đang là Kiến Trúc Sư và đã lập gia đình (*thầy Bảng xem hình sẽ rõ về đứa con đỡ đầu của thầy nay như thế nào*).

Nguyễn Vy Túy, Australia

Nguyện cầu Mẹ La Vang

Thơ: LÊ ĐÌNH BẢNG

Nhạc: THẾ THÔNG

với giọng Miền Trung

Mẹ vẫn đứng cùng phong rêu quá khứ. Hai trăm
năm phơi rạt mặt gió Lào. Cháy lòng con, bao
nỗi nhớ thôn xao. Mỗi khi đếm từng mùa đi thay lá.
Mẹ vẫn đứng làm cây cao bóng cả. Người, mỗi người thêm
một chốn, đôi quê. Mẹ của trăm con lên rừng xuống biển.
Mẹ, Mẹ ơi! Đoaí nghe con cầu nguyện. Này trăng
châu hai thế kỷ rền vang. Mẹ La Vang, Mẹ Giáo Hội Việt
Nam. Trong gió mùa thu, Mẹ ru con ngủ.

Thầy Trò mình...

Ngày ấy, Bây giờ!

Lớp 11, năm ấy, lớp cuối của ngôi trường thân yêu con còn được học Thầy...

Môn Việt Văn luôn cuốn hút đến say mê, còn nhớ nhiều bài văn của con được Thầy đưa đi các lớp Thầy dạy để giới thiệu, bạn bè vì thế dù khác lớp cũng biết đến con...

Năm ấy, được sự ủng hộ của Thầy, con mạnh dạn đứng ra thành lập nhóm... Nhóm Văn Bút đan tay, giới thiệu trên báo Ngàn Thông, Thầy là người đỡ đầu và hướng dẫn... Tết năm đó nhóm chúng con đã cho quay Roneo được một cuốn Giai phẩm Xuân phát hành toàn trường, với thời gian tốc hành và có sự trợ giúp của nhóm bạn

Thầy Huân, mọi người trong nhóm thật vui và tự hào... Đó có lẽ là một kỷ niệm khó quên trong những năm tháng học trò dễ thương.

Rồi Thầy trò mình chia tay... Thầy vẫn đi về giữa Thánh Giuse, Văn Đức và Nguyễn Bá Tòng... Nhưng con không còn được nghe Thầy hát và ngâm thơ trong những giờ giảng dạy, Văn nghệ giải lao nữa...



Lớp 12... Con là học trò Văn Học, được học Triết Thầy Trần Bích Lan, và thỉnh thoảng nghe đọc thơ của Thầy với bút hiệu Nguyên Sa... nhưng chẳng còn thời gian thơ thần Văn Chương nữa vì phải lo cho kỳ thi tú tài...

Lên Đại học, con ham học nên ghi danh Luật khoa và Văn khoa... Buổi sáng 4g đã phải lo đi dành chỗ ở Giảng đường Luật khoa, buổi chiều tối lại lo dành chỗ ở Giảng

đường Văn khoa... Hai trường này chỉ ghi danh sau khi đậu Tú tài nên năm đầu rất đông. Học được một thời gian chăm chỉ rồi cũng mệt nhỏi, bạn bè bắt đầu phân công nhau lên ghi chép rồi quay roneo phát cho nhau đọc, học ở thư viện, rồi cà phê, xem phim, ca nhạc... Tháng ngày Đại học thật yên bình và thật sự đáng yêu.

Sự cố 30/4/75... đội xuống cuộc đời, có lẽ thời điểm đen tối và tang thương này có thể sánh với cơn

Sóng thần hoặc Động đất lớn với dân Miền Nam.

Mọi người lao đao dở sống dở chết, mãi sau này khi hoàn hồn... Thầy trò, bạn bè gặp lại nhau trong mừng mừng tủi tủi... Thầy vẫn với phong cách lịch lãm và Văn nghệ trong những bữa tiệc họp mặt với đám học trò giờ đã con đàn cháu đông nhưng vẫn giữ được tinh thần Tôn Sư Trọng Đạo... Thầy trò vẫn hàng năm gặp gỡ thăm hỏi nhau thật nghĩa tình, đó là nét đẹp vô cùng đáng yêu.

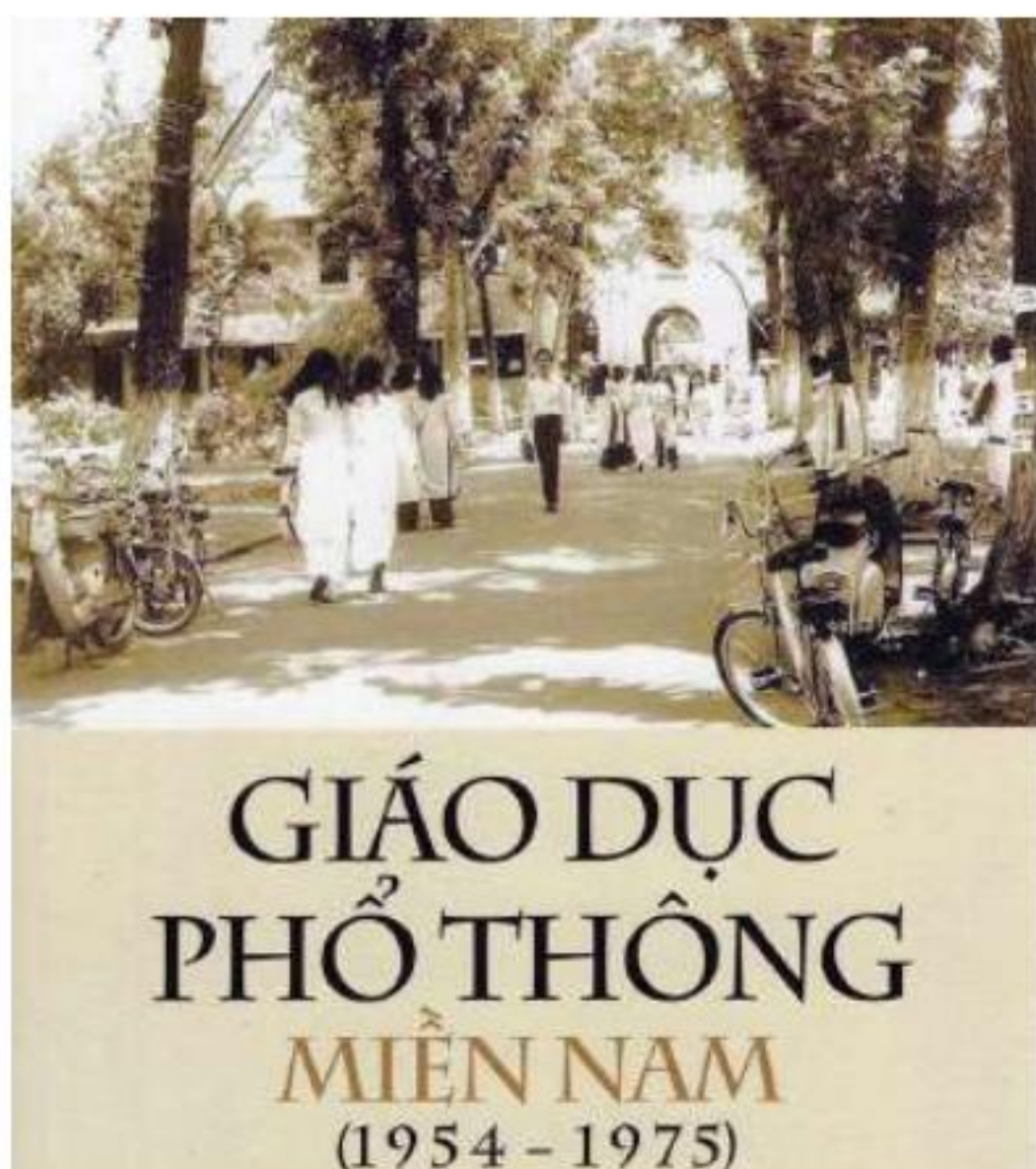
Thầy Trò mình, dù ngày ấy hay bây giờ vẫn là những Tình cảm chẳng hề phai nhạt... Chúng con, lũ học trò một thời của Thầy sẽ luôn nhớ về Thầy với trọn vẹn yêu thương và Trân trọng... Thưa Thầy Lê Đình Bảng!

Quỳnh Hương, Sài Gòn 2019



Ngày Lễ Kính Mẹ... Nghĩ Về Thầy...

Một cuốn Thơ trên kệ sách... "*Quỳ trước Đèn vàng*" với tên Thầy "Lê đình Bảng" không chỉ đập vào mắt mà như tiếng của bao nhiêu âm thanh, bao nhiêu kỷ niệm của một thời khoa vang trong tâm tưởng...

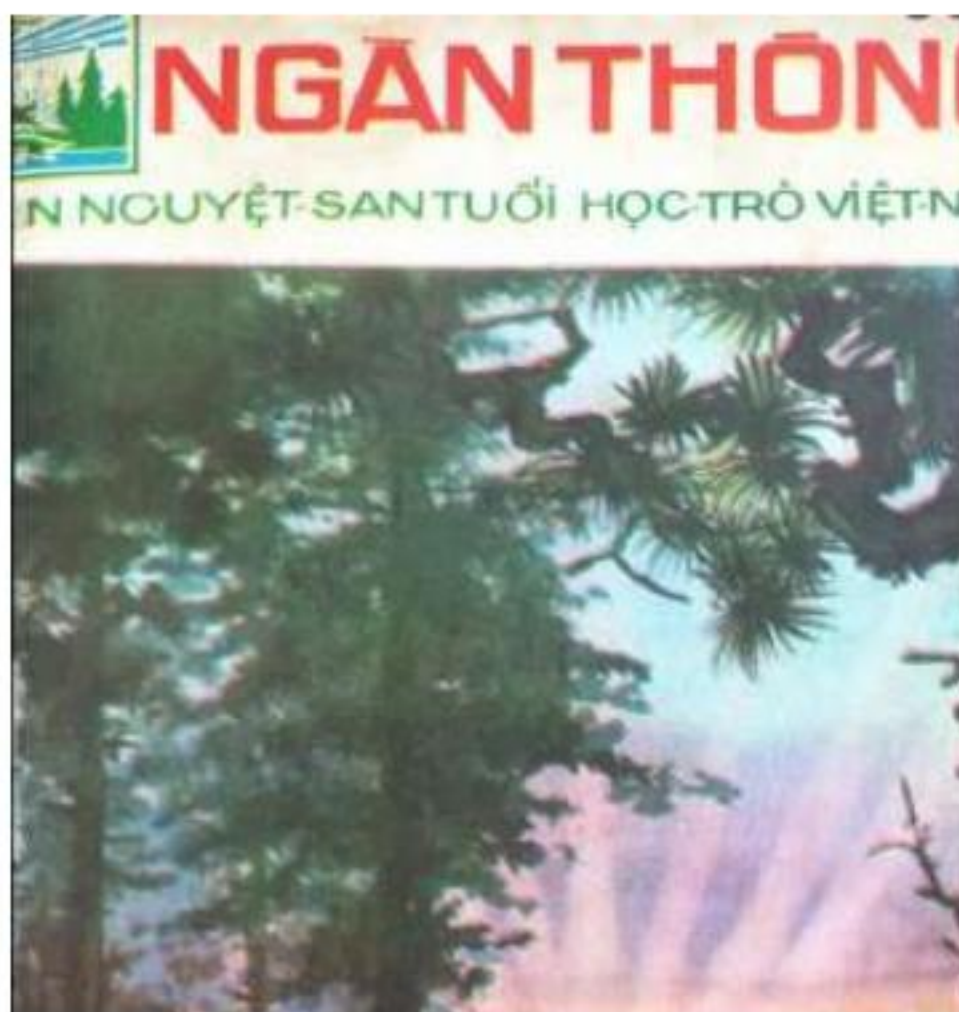


Ngày ấy, một cô bé vừa bước từ một ngôi trường thâm trầm và kín cổng cao tường của các Ma soeur sang ngôi trường mới được xây dựng cả trường lớp lẫn nội dung giáo dục của một Linh Mục đầy tâm huyết và năng động...

dù ngỡ ngàng nhưng thật sự náo nức, môi trường mới với Thầy mới, bạn mới tạo cho chúng tôi biết bao mơ ước...

Lớp chúng tôi đã được khai giảng giờ học đầu tiên với Thầy, vị Thầy dạy môn Việt Văn, các cô cậu học trò Lớp tám năm đó may mắn được Thầy hướng dẫn môn học đầy hấp dẫn và mở ra một chân trời tri thức cho chúng tôi suốt những năm học tới lớp mười một... Có lẽ do đồng cảm với Lý tưởng Giáo dục của Cha Hiệu Trưởng nên Thầy sẵn sàng chấp nhận hy sinh dẫn đường cho lớp đàn em chúng tôi bước vào Vườn Văn Việt.

Những năm tháng học Thầy, chúng tôi được hướng dẫn tìm hiểu và tập tành đi vào những hoạt động Thơ, Văn của những tờ báo Tuổi Hoa, Tuổi Ngọc, Ngàn Thông... Tham gia vào Thi văn Đoàn, Bút nhóm... Thời học trò của chúng tôi thật đẹp và vô cùng dễ thương dù bên cạnh đó luôn rền vang tiếng súng, những mất mát đau buồn, những tang thương hòa quyện những yêu thương và những mối tình học trò, những mối tình thời chiến...



Chúng tôi rời trường, lên Đại học... Dù thế chúng tôi vẫn không thể quên được bạn bè, Thầy Cô và những ngôi trường thời thơ ấu và tháng ngày mới lớn.

Với vị Thầy đáng kính Lê Đình Bảng, người đã sửa cho chúng tôi từng câu thơ, dạy cho chúng tôi cách viết từng bài văn, hướng dẫn nhóm chúng tôi làm quen với hoạt động văn học... Luôn là hình ảnh của một vị Thầy Tài hoa đầy chất Văn nghệ, Phong cách và Cá tính... Có lẽ Thầy đã truyền tải cho chúng tôi một dấu ấn và tâm niệm đẹp nhất "*Nghệ thuật vị Nhân sinh*".

Quỳnh Hương, Sài Gòn 2020

Thầy Trò Tôi

Theo truyền thống văn hóa của dân tộc ta từ mấy ngàn năm nay, qua các thế hệ, người Việt Nam luôn gìn giữ và phát huy truyền thống “*TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO*”



Đạo Thầy và Trò không chỉ truyền miệng, mà còn đi vào Văn Hóa Nghệ Thuật, phương châm thành ngữ có câu: “*KHÔNG THẦY ĐỒ MÀY LÀM NÊN.*”

– Nói đến Người Thầy, trong Ngành Giáo Dục:

Làm Thầy có Đạo Đức, và Yêu Nghề, sự trân trọng đối với các em học trò của mình lúc nào cũng lo nghĩ lo cho học trò: Không hiểu sau khi giảng bài xong các em có tiếp thu đến đâu? hiểu đến đâu? Tương lai các em ra sao?

Vì là được Xã hội trân trọng, nên làm thầy cần phải được Nghiêm Túc, Kiên Quyết, Nghiêm trị.

– Bôn phận làm Trò, là được vinh dự được nhận nơi Thầy cô những Văn hay, chữ tốt, ngoài sự học văn ta còn được tiếp nhận những sự dạy dỗ, rèn luyện ta nên người hữu ích cho Xã Hội, để xứng với châm ngôn “*Tiên Học Lễ, Hậu Học Văn*”

– Trong không khí ấm áp của tình Thầy và Trò xưa, tôi bỗng chạnh lòng nghĩ

đến mỗi quan hệ Thầy và Trò hiện nay. Ví dụ không nhiều, nhưng cũng không ít về sự xuống cấp trầm trọng của Thầy Trò ngày nay, như vậy chúng ta cần có những suy tư

Để Thầy Cô giáo làm tròn bốn phận cao cả và trách nhiệm
Thiên Liêng
“TRỒNG NGƯỜI”

Trong ngành Giáo Dục, Thầy Cô cần nghiêm túc, và Kiên quyết, với ý nghĩ TÀI và ĐỨC của hình ảnh người Thầy

Ta cần phải duy trì câu phương châm:
“TIÊN HỌC LỄ, HẬU HỌC VĂN” đó là truyền thống Văn Hóa của cha ông chúng ta.

Cần tôn những nét đẹp về HIẾU, NGHĨA về gương sáng tinh thần, và đặc biệt con người với con người.



Cần tiến hành nâng cao giá trị
ĐẠO ĐỨC

Đây là động lực tôi viết bài này, để nói nên cảm xúc về tinh Thầy Trò:

Mới đây, tôi được dịp qua người bạn, đã gợi lại ký ức cảm xúc giữa Thầy và Trò của chúng tôi là Thầy LÊ ĐÌNH BẢNG. Tôi nhớ lại cách đây hơn 50 năm, tôi còn ngồi trên ghế nhà trường, dưới mái trường thân yêu, đó là mái trường MAI KHÔI cùng với những bạn đồng trang lứa, mà nay mỗi người

có một số phận, sự thăng trầm khác nhau, nhiều người thành danh, và cũng có người có hoàn cảnh kém may mắn hơn, nhưng ai cũng phải chấp nhận số phận của mình, sau rời ghế trường MAI KHÔI, tôi tiếp tục sang ghế trường LÊ BẢO TỊNH, cho dầu là học ở trường nào, chúng tôi cũng muốn có những ngày, những lúc rủ nhau về mái trường cũ để cùng được các bạn của mình gặp lại Thầy của mình, nhưng việc đó khó có thể. Vì mái trường xưa, nay có còn tự do cho Thầy Trò của mình gặp nhau nữa không? Và nay Thầy cũng đã già nay đã bát tuần, ngay đến mình và những bạn của mình họ cũng

đã ngoài lục tuần và cả thất tuần, tóc bạc, da mồi, nhưng nếu có dịp Thầy trò gặp lại thì tôi nghĩ thầy trò cũng sẽ đầy áp tiếng cười, cười cười nói nói, đua nhau kể chuyện những ngày xa xưa, và chuyện ngày nay.

Diễn hình cách đây 17 năm Thầy Trò chúng tôi đã gặp lại nhau trong một đám cưới con người bạn, chúng tôi rất mừng vì đã gặp lại Thầy, trong tâm trạng vui mừng vì cùng được ngồi cùng bàn ăn tiệc với Thầy, nhưng với tâm trạng làm bậc cha mẹ lo cho con cái nên Thầy và Trò có sự nghiêm túc hơn nên không dám giỡn đùa, nhưng trong lòng vẫn cảm thấy vui mừng vì đã được gặp lại Thầy Giáo xưa của mình.

Với những tâm trạng trên, mà tôi lại yêu thích Ngành Giáo Dục và Yêu trẻ, nên sau tôi cũng lại tiếp tục theo ngành nghề Giáo và tôi làm cô Giáo để dạy chữ cho các em, nhưng

tôi rất chú trọng đến câu châm ngôn “*TIÊN HỌC LỄ, HẬU HỌC VĂN*” và sau vì quá Yêu Nghề đối với các em nên tôi sẵn có trong người con tim thích về ngành nghề Giáo Dục, nên tôi tiếp tục với ngành Giáo Dục Đức Tin, về Tôn Giáo, đó là dạy các em về Giáo Lý, về Đời sống tôn giáo, về những Kỹ năng sống, và tôi cũng thích hướng dẫn và khích lệ Tinh Thần các em mà tôi đang hướng dẫn để làm những công tác Xã hội, những công việc làm đây, đó chính là đang dạy các em vào đường lối xây dựng “*TRỒNG NGƯỜI*”. Cảm thấy thế là tôi đã chọn đúng lý tưởng vì

nhìn vào người Thầy của mình, Thầy cũng hay làm



Tôi rất vui, vì được chia sẻ với những người Thầy của tôi, những người bạn, những đệ tử, những học trò, với những chia sẻ trên mong những đường hướng mới mỗi ngày được duy trì tốt đẹp hơn, đừng để bị xuống cấp theo lối sống gọi là không Văn Hóa, không Đạo Đức

Sài Gòn, 15-6-2019

Nguyễn Thu Lãnh

Trích Trong Quyển Kỷ Yếu Đại Hội X Văn Đức 4-8-2019

Kính gửi thầy Bổng

Con viết vội vã trước khi đi làm, chúc thầy cô luôn bình an và hạnh phúc. Năm 1976, bước vào lớp 12, học trường Nguyễn bá Tòng, nay là Bùi thị Xuân.

Lúc đó vì chính sách nhà ở quận nào thì học trường quận đó,



nên đây là cơ duyên tôi chuyển trường từ Lê hồng Phong đến Nguyễn bá Tòng. Năm ấy, dư âm của hippie fashion vẫn còn thể hiện qua các tà áo, quần ống loa, tóc dài... của anh

tài Lasan Taberd và thanh nữ Nguyễn bá Tòng. Tôi hơi lạc lõng trong trường mới, bạn mới, lối sống thật thoải mái mới thay vì từ một trường hầu hết nam sinh, có một vài tà áo phát phới, cắm đầu vào những trang sách. Thầy Lê đình Bổng, chủ nhiệm lớp và dạy môn Việt văn. Tôi nhớ và học rất nhiều về người thầy đáng kính đã truyền đạt tâm huyết của nhà giáo, nhà thơ cho lớp trẻ như chúng tôi. Tiếc thay, năm đó cũng là năm cuối thầy đứng say mê trên bục giảng những câu thơ văn nhưng không có một bài giáo án trong tay. Bao năm xa cách, tôi lại có cơ duyên gặp lại thầy, cả hai nay đã đầy tóc bạc, ngồi tâm sự và ôn lại kỷ niệm những ngày xưa đó. Thầy trao tôi tập thơ Lời tự tình của Bến Trần Gian, tường thuật cuộc sống, thiên nhiên qua những dòng thơ từ trái tim và khối óc. Cảm ơn thầy, đã dẫn dắt một thế hệ tung bay khắp năm châu bốn biển. Luôn cầu mong thầy an dung trong Bến Trần Gian.

Kính, Phạm Hảo, Chicago, IL

Tản văn về Người Thầy kính mến!

Tháng 6/2019 vừa qua, theo đoàn Nhà thờ Thánh Cẩm (*Quận 9 Giáo hạt Thủ Thiêm*) tôi đi hành hương kính viếng Đức mẹ La Vang

Đoàn hành hương đến Thánh địa La Vang vào buổi trưa ngày 17/6/2019 khi cái nóng lên đỉnh điểm nhất trong ngày, vừa bước xuống xe khách sức nóng ủa hầm hấp bỏng rát cả da mặt. Nhưng trong tâm hồn chúng tôi ai cũng cảm nhận niềm hạnh phúc khi được về bên Mẹ La Vang.

Nhưng ngay buổi chiều hôm đó, đang hiệp dâng Thánh lễ tạ ơn trước linh đài Mẹ thì trời mưa lớn bất ngờ, đã giải tỏa bớt không khí oi bức ngột ngạt do ảnh hưởng gió Lào, vườn cây trung tâm như được tưới thêm sức sống hồi sinh, và có một đêm an lành mát dịu nơi Thánh địa La Vang.

Dù qua một đêm có cơn mưa rất lớn, nhưng chỉ tới sáng đã khô ráo tât cả cây cỏ như vậy mới biết ngọn gió Lào khắc nghiệt ra sao.

Trước khi chào tạm biệt Mẹ La Vang, tôi đã ghé qua Nhà trung tâm nơi Thánh địa, vì không vào ngày đại hội nên không gian nơi đây thật vắng lặng.

Một niềm xúc động bất ngờ, dưới chân tượng đài Đức Mẹ La Vang trước Nhà Trung tâm có bia đá khắc ghi bài thơ “*Nguyện cầu Mẹ La Vang*” của Nhà thơ, Nhà giáo Lê Đình Bảng. (*Thầy dạy tôi môn Văn thời Trung học đệ nhất cấp*)

Tôi đã kịp chụp vội bài thơ trước giờ đoàn phải lên đường tạm biệt Mẹ La Vang, tiếp tục cuộc hành hương ngược đường về

NGUYỄN CẦU MẸ LA VANG

*Mẹ vẫn đứng cùng phong rêu quá khứ
Hai trăm năm, phơi rạt mặt gió Lào
Cháy lòng con, bao nỗi nhớ thôn xao
Mỗi khi đếm từng mùa đi, thay lá*

*Mẹ vẫn đứng làm cây cao, bóng cả
Để nương che con cái Mẹ đi, về
Người, mỗi người thêm một chốn, đôi quê
Mẹ của trăm con lên rừng, xuống biển*

*Mẹ ơi, đoái nghe con cầu nguyện
Này tròng châu hai thế kỷ rền vang
Mẹ La Vang, Mẹ Giáo Hội Việt Nam
Trong gió Mùa Thu, Mẹ ru con ngủ*

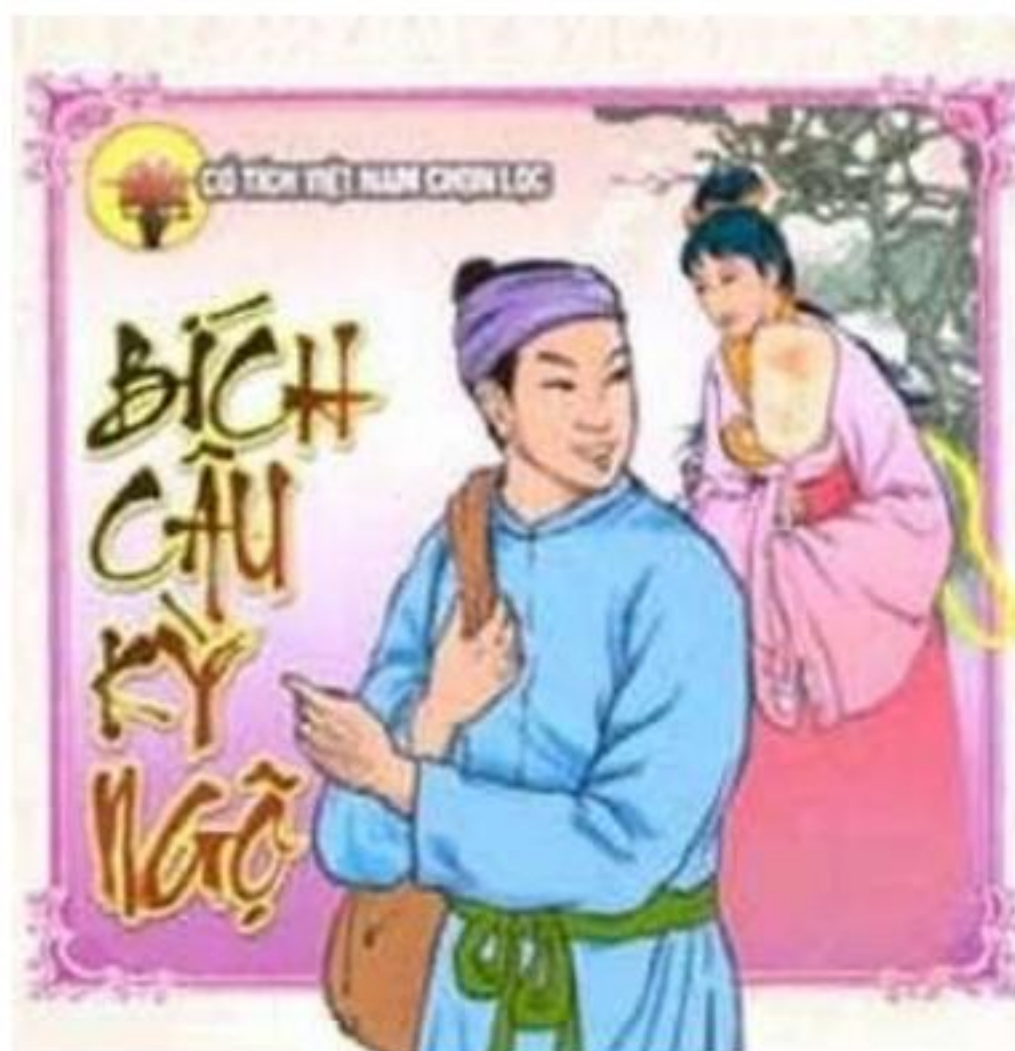
La Vang, 15/8/2018

Phanxico Assisi Lê Đình Bảng.

Ngồi trên xe đọc bài thơ của người thầy đã dạy tôi suốt 3 năm thời Trung học Đệ nhất cấp tại trường Mai Khôi – Chí Hòa thuộc tu viện Dòng Mân côi, Chí Hòa.

Tôi miên man suy nghĩ... và cuốn phim miền quá khứ quay lại trong tâm trí tôi...

Hình ảnh người thầy năm xưa, dáng người cao ráo, rất trẻ trung, thầy hiền hòa luôn nở nụ cười trên môi và thương quý học trò của mình...



Tôi nhớ lại những tiết học môn Văn của thầy, với giọng giảng trầm đều nhẹ nhàng qua những bài học Việt Văn gồm những Truyện thơ cổ: Bích câu kỳ ngộ, Chinh phụ ngâm khúc và Lục Vân Tiên...

Tôi không là học sinh giỏi văn của lớp, nhưng biết chăm chú nghe giảng và rất thích học tiết Văn vào những năm học lớp đệ lục, đệ ngũ và đệ tứ

Giờ thầy giảng về tác phẩm Bích câu kỳ ngộ, cả lớp yên lặng nghe thầy đọc thơ và chú thích từng đoạn, những điển tích trong thơ thầy cũng dẫn giải phân tích thật dễ hiểu.

Truyện thơ cổ “*Bích câu kỳ ngộ*” thuộc thể thơ lục bát nên mượt mà, dễ học mau thuộc... Mở đầu tác phẩm tả cảnh đẹp hữu tình

*Thành Tây có cảnh Bích Câu
Cỏ hoa góp lại một bầu xinh sao!
Đua chen thu cúc, xuân đào
Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông
Xanh xanh dãy liễu, ngàn thông
Cỏ lan lối mực, rêu phong dấu tiêu...*

Thuở đó còn là cô nữ sinh ngây thơ chưa biết yêu đương hẹn hò rồi tương tư nên khi nghe thầy giảng đoạn thơ nhân vật

Tú Uyên gặp gỡ Giáng Kiều đã say tình, giây phút chia tay chàng ngơ ngẩn về nhà nhớ thương nàng, thật là kỳ ngộ nên rất lười cuốn học trò chăm chỉ lắng nghe.

*Lân trắng ngơ ngẩn ra về
Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa nên
Nỗi nàng canh cánh nào quên
Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là?
Bướm kia vương lấy sầu hoa
Đoạn tương tư ấy nghĩ mà buồn tênh!
Có khi gảy khúc đàn tranh
Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân
Cầu hoàng tay lựa nên vắn
Tương Như lòng ấy, Văn Quân lòng nào!
Có khi chuốc chén rượu đào
Tiệc mời chưa cạn ngọc giao đã đầy
Hơi men không nhấp mà say
Như xông mùi nhớ, lại gảy giọng tình...*



Được thầy giải thích cặn kẽ điển tích “*Phượng cầu Hoàng*” của chàng Tư Mã Tương Như trêu ghẹo Trác Văn Quân đã khiến người đàn bà góa bụa xao lòng, người cha phản đối cuộc tình này, nhưng nàng quyết đi tìm người mình thương nhớ để được sống bên chàng. Tương Như vào chốn đô thành để cho Trác Văn Quân vò vố đợi mong, nàng gởi cho chồng bài thơ “*Bạch đầu ngâm*” mong được chàng hiểu cho tấm lòng thủy chung chờ đợi đến bạc đầu cũng không chia cách. Đọc những lời chân tình của vợ Tương Như đã xin từ quan về quê nhà đoàn tụ gia đình. Câu chuyện được lưu truyền đến đời sau với tấm lòng cảm phục.

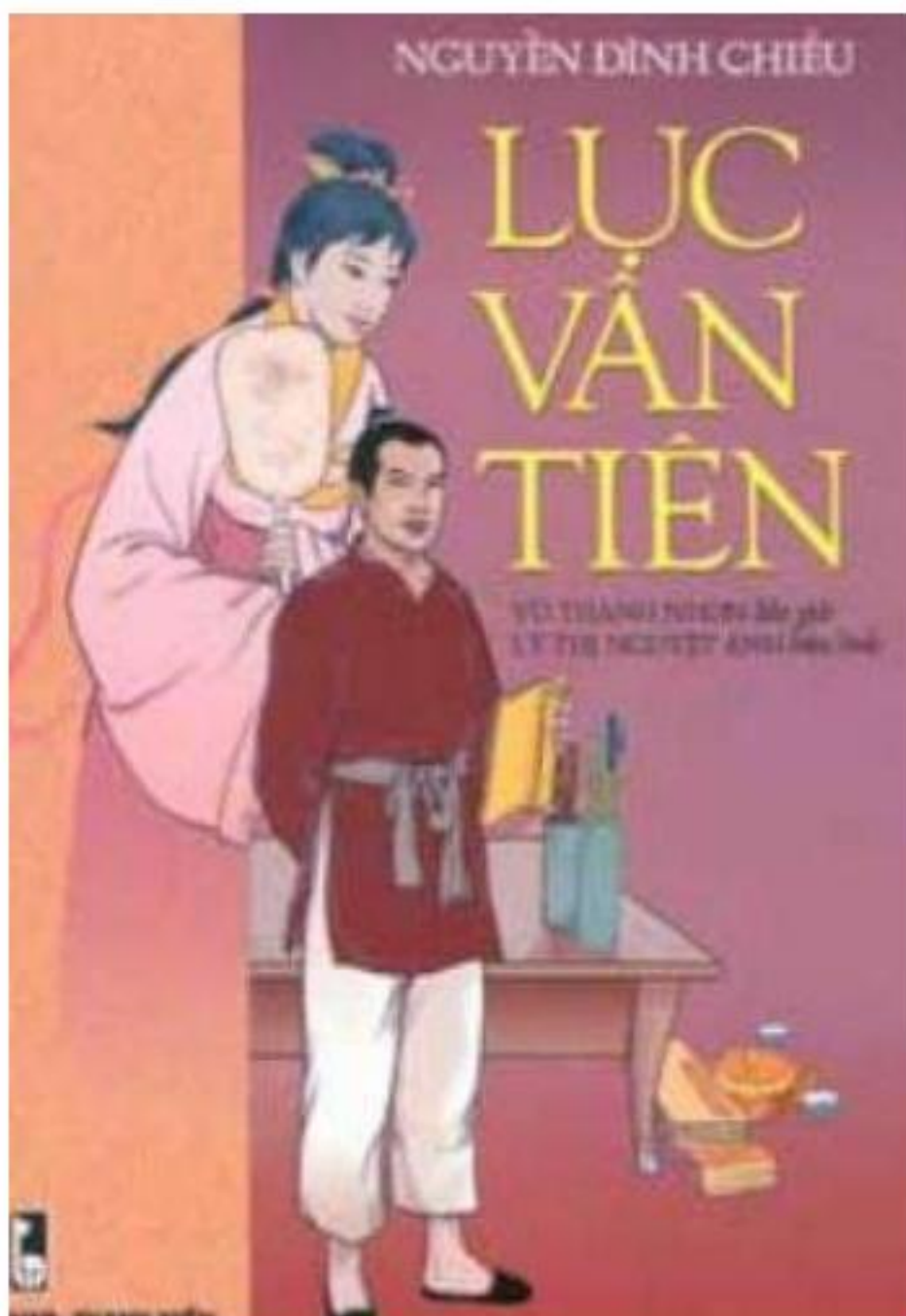
Đây là bài thơ ca ngợi đạo nghĩa phu thê khi nhớ về điển tích “*Phượng cầu Hoàng*” do thầy đã giảng giải cho tôi

MỐI TÌNH TƯƠNG NHƯ VĂN QUÂN

*Trăng phiêu du nhớ hạn kỳ
Mà sao gió mãi bay đi phương nào
Chim Hoàng biết ở chốn nao?
Cho chàng phiêu lãng xôn xao tác vàng
Khúc đàn ai oán mơ màng
“**Phượng cầu Hoàng**” đắm hồn nàng mê ly
Giai nhân cảm xúc họa thi
Đàn chưa dứt khúc chàng đi giã từ
Văn Quân xa cách Tương Như
Cô phòng đơn lẻ mịt mù ánh trăng
Đêm nghe cỏ mọc sâu dâng
Nhớ chàng mượn “**Bạch đầu ngâm**” tỏ bày
Tình sâu nghĩa nặng đắm say
Chạnh lòng tưởng nhớ tháng ngày bên nhau
Văn Quân chờ đến bạc đầu
Thề nguyên chung thủy sống lâu trọn đời
Tương Như xúc động bồi hồi
Tràng An, từ giã xa xôi tìm về
Lâm Cung tái hợp đề huề
Khen thay đạo nghĩa phu thê mặn nồng*

Chương trình môn Văn lớp đệ lục
Ngoài “*Bích câu kỳ ngộ*” còn có tác phẩm “*Lục Vân Tiên*” và “*Chinh phụ ngâm*”
Bao nhiêu năm qua nhiều kỷ niệm về ngôi trường Mai Khôi thân yêu vẫn còn trong tâm trí tôi không thể nào phai nhòa.

Hôm nay ngồi ghi lại những giòng hồi tưởng này tôi cảm thấy rất biết ơn các thầy cô của tôi, riêng thầy Lê Đình Bảng đã trang bị cho tôi vốn kiến thức văn chương cơ bản để ngày nay tôi mạnh dạn đến với diễn đàn thi văn, tuy còn thua kém nhiều người, nhưng tôi luôn biết công ơn của thầy. Nhớ vài lần trong lớp, thi bình luận những đoạn thơ, tôi được thầy dành lời khen, đã khích lệ tinh thần tôi quyết tâm và yêu văn chương hơn.



Những chương trình công diễn hợp xướng tác phẩm: “*Lục Vân Tiên*” và “*Chinh phụ ngâm*” do NS Vũ Đình Ân biên soạn tôi đều xin tham gia biểu diễn, những dịp đó tôi rất nhớ đến người thầy kính yêu Lê Đình Bảng đã dạy tôi học những tác phẩm nổi tiếng đó, tôi tập hát rất nghiêm túc góp phần giới thiệu tác phẩm đến với công chúng.

“*Chinh Phụ Ngâm Khúc*” diễn tả tâm tư của một người vợ nhớ thương chồng xa xăm nơi biên thùy, mong chồng trở về trong ngày vui mừng chiến thắng...

“*Lục Vân Tiên*” là một truyện thơ giáo dục luân lý, khuyên người đời sống biết tôn trọng đạo nghĩa.

Vào tháng 4/2011 khi tham gia hợp xướng tác phẩm “*Thánh Nữ Đồng Trinh Maria*” (*Thơ Hàn Mặc Tử*) do nhạc sĩ Phạm Đức Huyền và nhạc sĩ Vũ Đình Ân biên soạn, thầy Lê Đình Bảng đã làm MC dẫn chương trình.

Sau buổi trình diễn, chờ được gặp để chào thầy, và một niềm vui bất ngờ đối với tôi thầy đã nói: “*Từ ngày đứng bục giảng thầy đã có hơn 4.000 – 5.000 và hơn nữa, nhưng thầy vẫn nhớ học sinh nhưng thầy vẫn nhớ Kiều Huệ là cô học trò hiền lành, ngoan ngoãn, giỏi văn của thầy tại trường Mai Khôi*” Lòng tôi cảm thấy vui sướng, trò thì không bao giờ quên thầy cô của mình, dù đã hơn 43 năm không gặp mà thầy còn nhớ ra tên của tôi, vì lên đệ nhị cấp tôi không còn học trường Mai Khôi nữa

Dòng đời trôi lặng lẽ, người lái đò đã đưa bao thế hệ học trò đến bến bờ...

Năm 1975, vận nước thay đổi, thầy tôi không còn được tiếp tục đứng bục giảng... về sau này mới biết thầy tôi đã từng đạp xích lô kiếm sống với bao nhọc nhằn. tôi vô cùng thương cảm

Ngôi trường Mai Khôi yêu dấu vẫn còn đó, tên trường được đổi là Bành Văn Trân, nghe xa lạ nhưng mỗi lần có dịp đi ngang bao kỷ niệm đẹp quăng đời xa xưa như thức dậy trong tôi...

Tôi đang nhớ về miền quá khứ xa xưa, cuốn phim thời còn học tại ngôi trường Mai Khôi mên yêu với tuổi hồng son đẹp nhất, nhớ soeur hiệu trưởng dịu dàng, nhớ soeur giám thị nghiêm nghị và tất cả thầy cô đã dạy dỗ tôi... Nhưng người thầy tôi cảm thấy gần gũi và kính mến nhất vẫn là thầy Lê Đình Bảng, người đã truyền đạt một nhân cách sống; “*Tiên học Lễ, hậu học Văn*” qua những tác phẩm văn học, nghe thầy giảng rất dễ hiểu, thâu diu dặt giáo dục cho chúng tôi về đạo đức: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín làm hành trang vào đời.

Từ ngày gặp lại thầy cũ, tôi cảm thấy mình thật có lỗi vì ít dành thời gian đến nhà thăm hỏi sức khỏe thầy, nhưng vẫn biết nhiều thông tin về thầy.

Mừng năm Thánh 2010 Nhà thơ Công giáo Phanxico Assisi Lê Đình Bảng đã hoàn thành tác phẩm “Ở Thương Nguồn Thi Ca Công Giáo VN”, một bộ sách gồm 6 tập, hơn 4,000 trang nghiên cứu và sưu tập lưu giữ Văn hóa Công giáo của nhiều tác giả. Tôi rất trân trọng và tự hào về thầy của mình. Nhớ thật nhiều một thời áo trắng thơ ngây, những thầy cô đã miệt mài trang giáo án truyền đạt cho học trò nhiều kiến thức, chấp cánh cho những ước mơ tương lai, có nhiều học trò của thầy cũng theo nghiệp nhà giáo, riêng tôi vì hoàn cảnh từ giã bục giảng sau một thời gian vào nghề rất ngắn, với bao tiếc nuối!

Đã bao nhiêu mùa phương vĩ đi qua cuộc đời, tuổi thầy không còn trẻ và tuổi đời tôi cũng xế chiều, nhưng đối với thầy tôi vẫn là cô học trò nhỏ bé ngày xưa luôn kính nhớ công ơn thầy sâu sắc, như lời ông cha ta vẫn nhắc nhở “*Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*”. “*Không thầy đố mày làm nên*”

MỘT ĐỜI CON NHỚ ƠN THẦY

*Công ơn sâu nặng của thầy
Con xin khắc tạc lòng này không quên
Nghĩa nhân đạo lý lời khuyên
Thầy như người lái đưa thuyền qua sông
Hy sinh thầm lặng vun trồng
Biết bao thế hệ tuổi hồng ước mơ
Bảng đen phấn trắng điểm tô
Những trang giáo án chăm lo miệt mài
Từng đêm thức trắng soạn bài
Cho con kiến thức ngày mai vào đời...*

*Thời gian thắm thoát vút trôi
Con về trường cũ Mai Khôi ngày nào
Dư âm thóng chốc chiêm bao*



*Ngược dòng ký ức nghen ngào! Thầy ơi
Đếm bao mùa phương nở rồi
Mơ màng bụi phấn xưa rơi tóc thầy
Lời thầy giảng dạy mê say
Hành trang chuẩn bị vun đầy ước mơ
Hoài niệm con viết bài thơ
Kính lời báo đáp năm xưa tình này
Một đời con nhớ ơn thầy!*

Kiều Huệ, Sài Gòn 2019
Và xin phép được họa theo bài của thầy

NGUYỆN CẦU MẸ LA VANG

*Mẹ đến đây từ xa xăm quá khứ
Thánh địa La Vang cháy bỏng gió Lào
Mẹ hiện ra giữa rừng thẳm lao xao
Đã hai thế kỷ bao mùa thay lá*

*Mẹ nhân hậu rất thiêng liêng cao cả
Con cái Mẹ muôn phương đã tìm về
Từ thành thị cho đến những làng quê
Mẹ của trăm con lên núi xuống biển*

*Mẹ vẫn lắng nghe con xin khẩn nguyện
Khắp muôn nơi đến cùng Mẹ La Vang
Mẹ hiển linh, Mẹ Giáo hội Việt Nam
Lời Mẹ ru con êm đềm giấc ngủ.*

Cảm xúc đang trào dâng, tôi tri ân thầy qua bài viết này,
ngôn từ làm sao nói hết được ơn sâu dày dãi của những thầy
cô đã hy sinh dành cho học trò yêu quý của mình

Kiều Huệ, Sài Gòn 2019



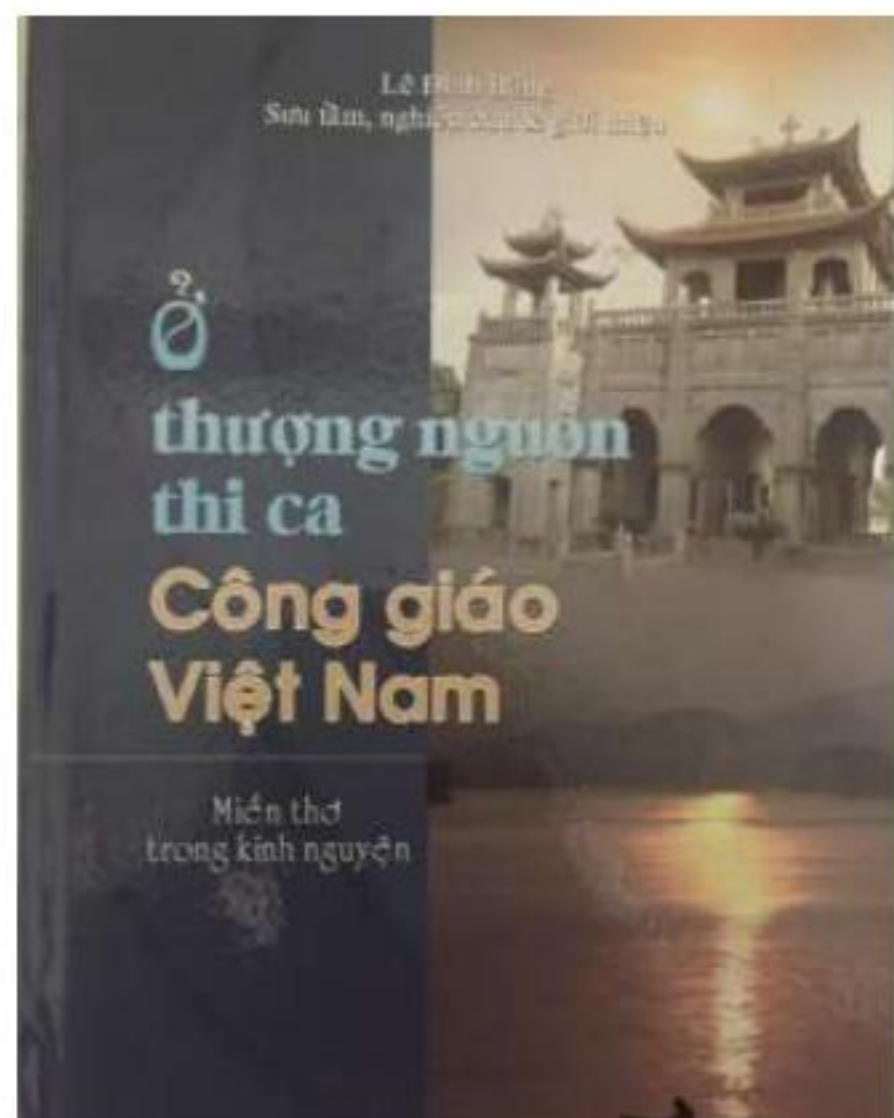
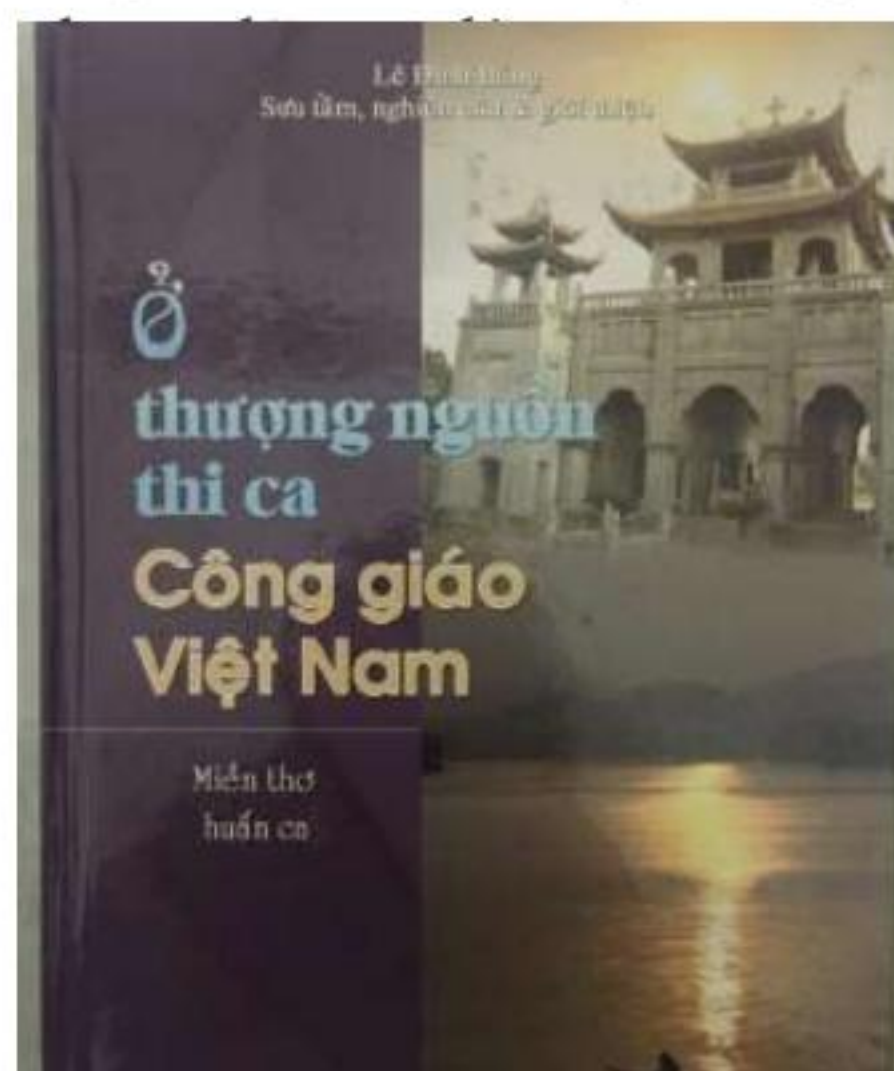
MỘT THẬP KỶ CỦA BỘ LỤC THI THƠ

2009 - 2019



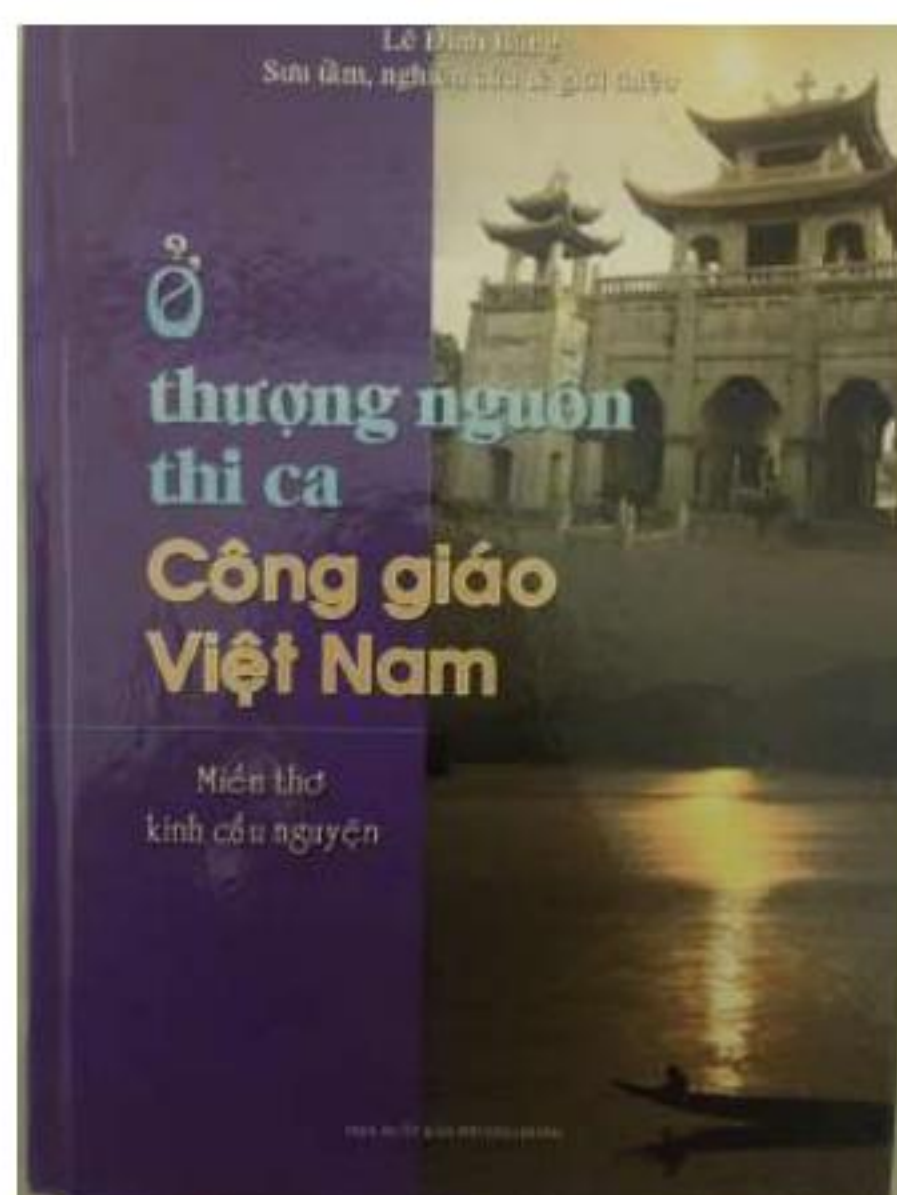
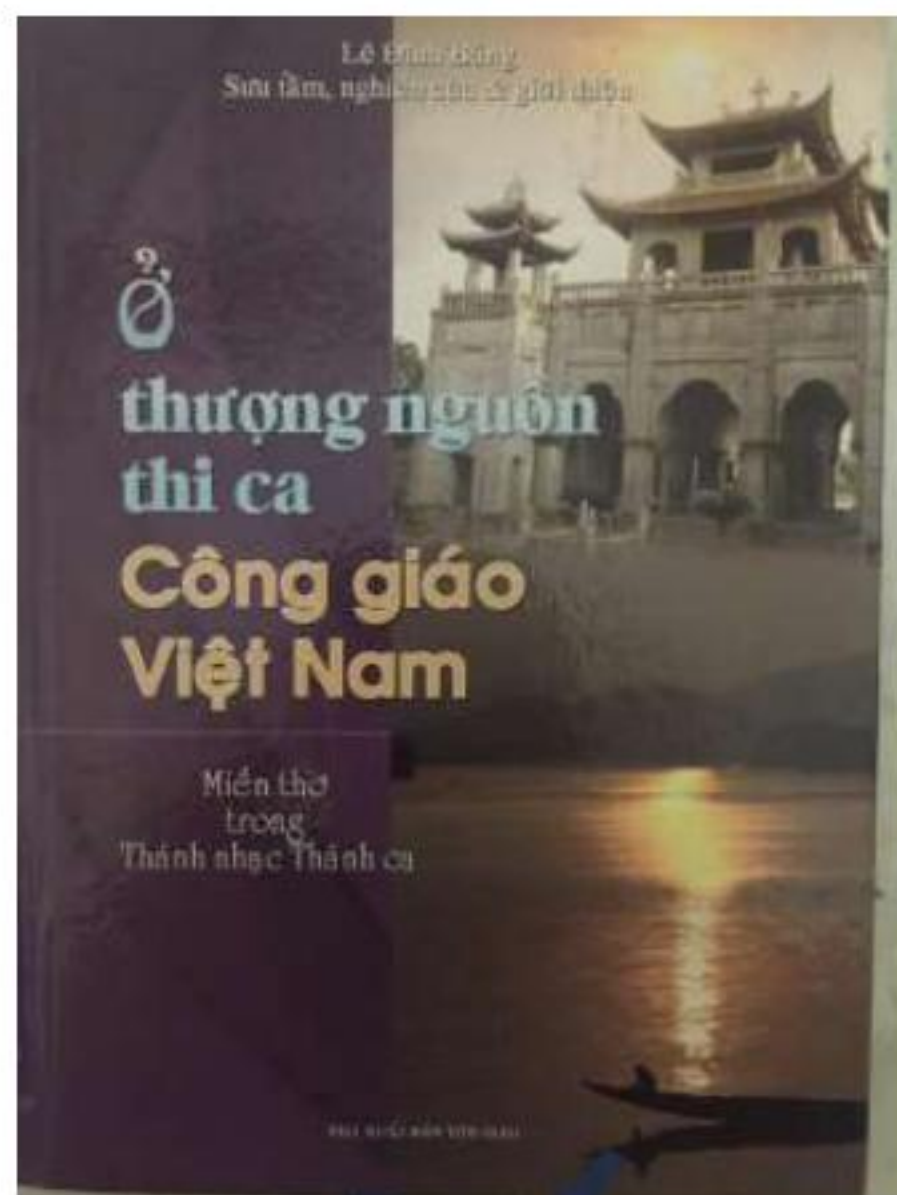
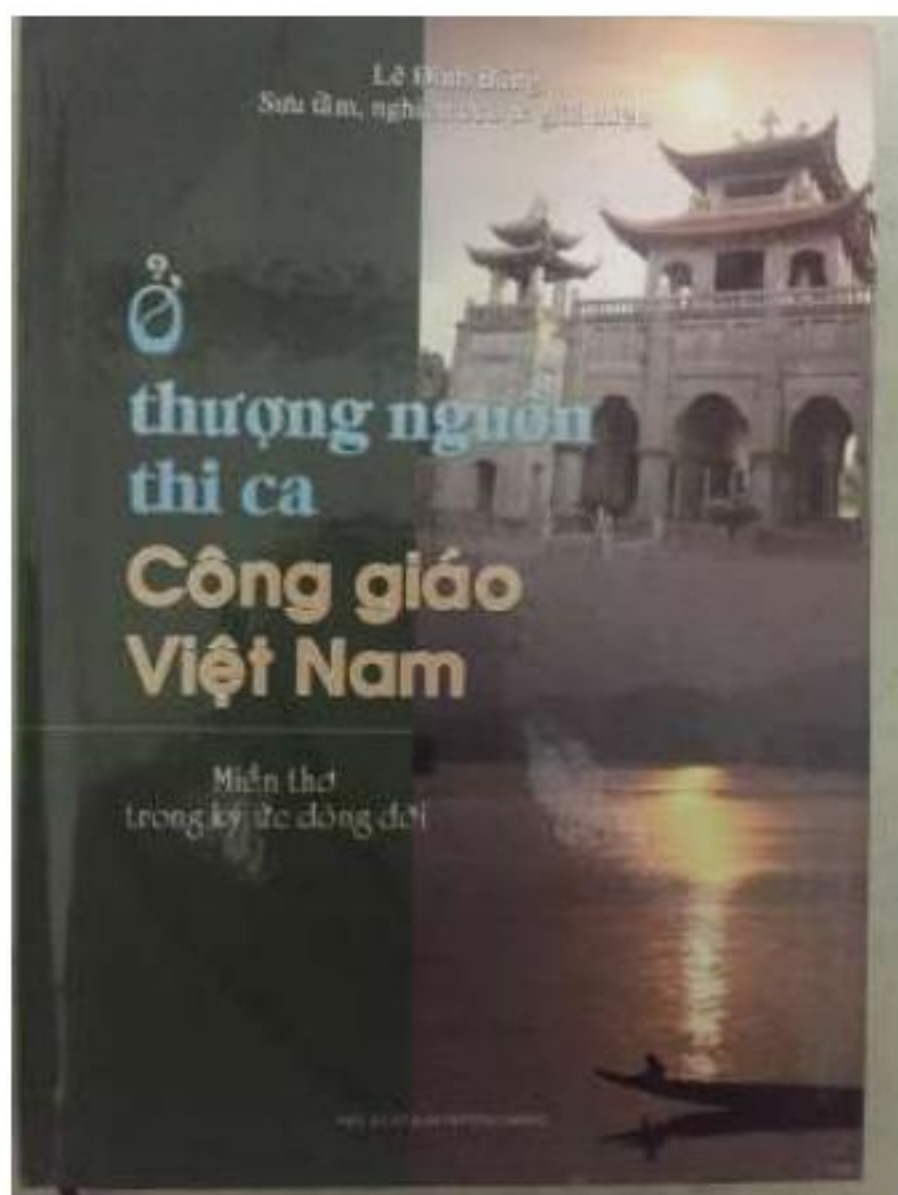
Trái qua bao thăng trầm của lịch sử, bao dâu bể của thời cuộc, bao gió táp mưa sa của hành trình; kể từ buổi hừng đông hơn một phần ba thiên niên kỷ đạo Chúa có mặt trên đất nước này, cứ kinh qua bao nhiêu năm là có bấy nhiêu chặng đường thi ca chảy theo. Khi Tin Mừng được chuyển tải thành ngôn ngữ bản xứ, các vị thừa sai cũng không ngờ nó đã tự cất lên vần điệu, du

dương như hát, quện mình trong thơ ca, truyền khẩu đến mọi góc ngách thôn làng xa xăm, xuyên qua



Những hoảng loạn trong thập niên 70 như cơn địa chấn chôn vùi nhiều giá trị quá khứ. Chử nghĩa một thời nằm trang trọng trong thư viện đều ra nằm ngoài phố chợ. Thời buổi đi tìm hạt cơm trong chén ăn hàng ngày đã khó,

mấy ai còn cất công đi tìm thi ca trong cuộc sống tân toan? Lê Đình Bảng xuất hiện. Một mình ông lần mò đi ngược thời gian, làm kẻ góp nhặt những gì còn lại trên đồng phế tích hoang tàn, như một gã cuồng si cuối đời,



chưa trả hết nợ tình, nợ văn hoá, nợ đức tin, nợ dân gian. Ông đã nhìn thấy một miền đất màu mỡ còn hoang hoá, chưa cày xới. Ông đã đánh hơi thấy mùi thơ bàng bạc trong các kinh sách, ngấm ngấm. Khi chạm tay vào kho tàng văn hoá đạo, chính ông cũng choáng ngợp và thần thờ trước một bữa tiệc thịnh soạn. Không ai có thể uống cạn những chum rượu tại Canaan và gom hết được những tấm bánh được bẻ ra tại Biển Hồ. Cứ bày ra, mỗi ngày nhắp cạn từng chén, nhặt từng mảnh vụn, không phung phí của nhà Đức Chúa Trời. Ông ghi chép, cập nhật, sắp xếp, gom góp và miệt mài ngày đêm bắt chắp những ngiệt ngã, dè bủ, dèm pha, cô độc. 50 năm thao thức, ấp ủ ý tưởng và 10 năm thực hiện để rồi Bộ Lục Thi Thơ với hơn 4000 trang giấy, ông phác họa nguồn gốc thi ca Công giáo thành một bản đồ thống kê từ cội nguồn chảy xuống, len lỏi vào các phần đất và thành 6 thửa ruộng

màu mỡ tốt tươi mà ông đặt là 6 Miền Thơ. Ông đã gói bấu vật của một Hội thánh anh dũng, kiên cường, trung tín, sáng tạo để đem ra biểu Hội thánh Mẹ. Bộ Lục Thi Thơ có tầm cỡ Quốc tế học và Dân tộc học này vô tình đã đánh lung lay bệnh ý trong Văn hoá Kitô giáo, làm cho những đẳng bậc chịu trách nhiệm truyền bá đức tin phải suy nghĩ nhiều. Hãy nghe ông phát biểu với đài UCA News: “*Bộ sưu tập của tôi nhằm giúp nâng cao nhận thức bảo tồn di sản đức tin Công giáo của cha ông chúng ta trong một xã hội đang thay đổi nhanh chóng, trong đó con người chạy theo các giá trị vật chất và văn hoá phương Tây*”.

Đúng 10 năm trước tại hội trường Thánh Anphong, Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn, “*đưa con tinh thần*” có lẽ là vĩ đại nhất của ông được “*dắt*” ra giới thiệu với tất cả. Kẻ viết bài này, với phận làm con, đi tham dự buổi ra mắt “*kho tàng*” này,

nhưng bản thân là một kẻ “ngoại đạo” với văn thơ, cũng cảm nhận được chút gì đó ngấm vào cơ thể vốn khô khan và nhạt nhẽo. Bộ Lục Thi Thơ của ông được rất nhiều lời ngợi khen không đãi bôi của hầu hết các linh mục, tu sĩ và giới nghệ sĩ Công giáo. Đặc biệt là chính các Giám mục của các giáo phận đã gửi mail, viết thư, telephone chúc mừng, trong đó Đức Tổng Giuse, Đức Tổng Stephanô và Đức Cha Micae là tích cực nhất trong việc ủng hộ tinh thần lẫn vật chất. Hình ảnh xúc động nhất ngày hôm đó trong tôi là hình ảnh người thương phế binh VNCH - người mà tôi có dịp ghé thăm trước Tết Kỷ Hợi được đề cập tới một bài mà tôi đã viết - âm thầm đứng từ xa mỉm cười khi chứng kiến người bạn thân nhất của mình được thừa nhận trong ngôi đền thi ca Công giáo Việt Nam. Ông đã chống gậy, đi xe ôm lặn

lội từ bờ kè kênh Nhiêu Lộc tới từ rất sớm và lặng lẽ ra về khi mọi người còn tung hô và chúc mừng nhau. Đối với riêng Lê Đình Bảng, ông đã rất ngó trước nhìn sau khi chọn ngày lễ kính thánh Phanxicô Assisi quan thầy của chính ông làm lễ ra mắt Bộ Lục Thi Thơ. Và cũng là dịp kỷ niệm 350 Hội Thánh Mẹ lớn lên, 50 năm thiết lập Hàng Giáo phẩm Việt Nam.



Lễ kính thánh Phanxicô Assisi. Thêm lời cầu nguyện cho ông, cho làng quê Thọ Cách... Amen!

Jos Lê

KỶ YẾU: NIỀM MƠ ƯỚC ĐÃ LÂU

Thế là quyển Kỷ Yếu Văn Đức đã ra đời, sau nhiều tháng năm... bụng mang dạ chửa!

Thật thế, ý nghĩ phải làm gì đó để đánh dấu sự tái sinh của những thế hệ Văn Đức ngày nào, thì đã được thai nghén khá lâu. Một người rất băn khoăn với ý tưởng này, chính là anh Đào Ngọc Mai, là thành viên của lớp học tiên khởi dưới mái trường Văn Đức. Dĩ nhiên, nếu không nhắc đến

anh Ngô Vũ Phi Long, thì rất thiếu sót!

Vâng, anh Phi Long nguyên là Hội Trưởng Hội Cựu Học Sinh Văn Đức Hải Ngoại nhiệm kỳ 2009-2014, cũng từng rất áy náy về việc làm thế nào cho đứa con tinh thần của Cựu Học Sinh VD của cả quốc nội lẫn hải ngoại này, được sớm chào đời.



Nhưng việc gì thì cũng phải đến lúc mới có thể hoàn thành. Ước ao của ít là anh Ngọc Mai, anh Phi Long, và nhiều Thầy Cô cùng các cựu học sinh khác, nay đã hội đủ những yếu tố để chào đời từ bên kia đại dương. Kỷ Yếu “*Tình Nghĩa Thầy Trò*” không thể không chào đời dưới ánh ban mai dịu dàng, cùng làn gió mát tinh khôi, vì nó đã được chính Thầy Lê Đình Bảng-là tác giả của một tủ sách đồ sộ mang tên Thầy- làm chủ nhiệm trong một ban biên tập có chủ bút là anh Trần Quang Oánh, cùng một chuyên viên

kỹ thuật cự phách kiêm thư ký tòa soạn hết sức năng nổ là anh Bùi Văn Bằng, một cựu học sinh Văn Đức “*đại huynh*”

Dĩ nhiên, nếu không có một bộ khung là Ban Chấp Hành Hội Cựu Học Sinh Văn Đức Hải Ngoại đương nhiệm, mà Hội Trưởng là Thầy Nguyễn Văn Mỹ, thì chiếc xe Kỷ Yếu mới tinh khôi này đã không thể lăn bánh trên con đường thông dong phía trước. Và ai cũng có thể nhận ra rằng, cả xe, lẫn con đường đẹp đẽ ấy đã đến đích, vì đã được những kẻ vác tù và không hề quản ngại nắng mưa, được những kẻ đã “*nhả ngọc phun châu*” xuề xòa góp mặt, cũng như được Ban Cố Vấn gồm nhiều Thầy, Cô, cùng 2 nguyên Hội Trưởng là anh Ngô Vũ Phi Long và chị Bùi Thanh Tâm chĩn chu chăm sóc...

Nếu trước đây, cái gạch nối gần-xa chính là anh Phi Long, thì vai trò ấy hôm nay lại là “*kẻ hầu bàn*” Bùi Văn Bằng rất “*đa hệ*”

Phải dài dòng như thế, mới thấy công sức đã đổ ra cho cuốn Kỷ Yếu rất xinh xắn này, là không đếm đo

được; và mới có thể chuyển tải hết lời cảm ơn đến những ai đã từng quan tâm và thực hiện nó.

Có lẽ, lời cảm ơn tròn trĩnh nhất, chính là đi xuyên suốt trong ngoài Kỷ Yếu! Phải nhìn nhận rằng, đó là đứa bé rất dễ thương, nếu không nói cách khác, Ô, đó chính là một cô nàng vừa đẹp vừa duyên dáng hết sảy!

Thật thế, “*em nó*” có cái diện mạo rất dễ nhìn. Và nếu không đeo kính vào để đọc, thì ít nhất, ẻm cũng đã rất hấp dẫn, vì ngoài bộ cánh đầy sắc màu tươi trẻ,

thì trong lòng em, chẳng mấy trang lại không có những bức hình màu rực rỡ và cuốn hút.

Dĩ nhiên, với sắc diện cùng trang phục hấp dẫn ấy, cô dâu Kỷ Yếu còn rất đủ đầy Công Dung Ngôn Hạnh để làm dâu trăm họ mà không làm các họ-tính-cả-trăm ấy ngại lời khen ngợi.

Điều đáng lưu ý là, dù mãi đến ngày 4-8-2019 sắp tới, khi cuộc hội ngộ Văn Đức hải ngoại mới được tổ chức tại Trung Tâm Công Giáo VN, California-là thời điểm để cô dâu Kỷ Yếu ra mắt- thì ở quê nhà, Kỷ Yếu đã về đến cách nay đã mấy ngày, để được các anh chị em quốc nội chia nhau... đón làn hương phấn. Việc này nói lên rằng, Gia đình Văn Đức Hải Ngoại luôn ngóng về quê nhà thương mến, trường xưa dầu yêu...

Chỉ cần liếc qua phần “*Thơ*” trong Kỷ Yếu, thấy ảnh của Thầy Lê Đình Bảng, là nhìn ngay vào tựa đề nghe rất lãng mạn “*Một Chút Tình Cỏ Hoa*”, là đọc ngay những tứ thơ bậc thầy ấy. Chỉ cần chép ra đây đoạn cuối của bài thơ, rằng:

*“...Tôi dặn tôi,
đừng khôn lớn nữa
Để thơ dại mãi
buổi đầu đời*

*Để ngang qua
những mùa xanh
ấy*

*Em hái giùm tôi
một nhánh thôi*

*Nhớ ép vào trang
lưu bút, nhé*

*Dỗ dành nhau
những lúc xa xôi*

*Một mai, em có về
phương ấy*

*Em nhớ giùm tôi
có một thời*

*Nước chảy không
bao giờ trở lại*

*Ai còn đi nhặt
bóng trăng trôi?”*

là tôi, một học trò
của Thầy, thấy
rằng, thế hệ của
Quý Cha, Quý

Thầy Cô, đến thế hệ của Tất Cả
Chúng Ta, luôn có chung một ước ao
là được tắm lại trong cùng dòng sông
tuổi nhỏ, thở lại cái không khí của
Vườn Rau Lộc Hưng, và quây quần
lại với nhau bên ngôi nhà thờ nay
đang xây mới...

Dù tháng ngày vẫn vùn vụt trôi đi
dưới những gót chân đã chai sần
sương nắng, thì tình thầy trò, nghĩa
bè bạn vẫn còn đó; Nhất là ảnh hình
của 3 vị Linh Mục thân thương vẫn
ảo huyền trong làn hương cầu
nguyện...



Trần Kính Lãm, học trò Thầy LĐ Bảng

Với tôi, nếu giọng
văn dù chỉ có chút
gì để nhớ để quên,
thì chắc chắn cũng
từ lời giảng say
sưa của Thầy Lê
Đình Bảng làm rơi
mà tôi nhặt được
rồi vội vàng giấu
kín; Nếu có một
nốt nhạc nào đó
vẫn vương ngay
chỉ trong tâm
tưởng của mình,
thì nó ắt cũng đã
được thoát thai từ
những giờ dạy
Nhạc của 2 Giáo
Sư Kiều Thanh
Long và Hoàng
Quý ngày nào;
Nếu tôi có lại được
cái không gian rất
ngày xưa của Văn
Đức, thì tôi tin

rằng, đó chính là ân sủng của Chúa,
cho tôi được sống lại những thân ái
của ngày xưa xưa xưa xưa...



Và hôm nay, tôi gõ những dòng chữ
này, với ước ao rằng, dù ở đâu và dù
khi nào, những kẻ đã xúc nước hoa
Văn Đức, sẽ mãi làm sống dậy mùi
hương rất quyến rũ này.

Tôi mong mình đã tắm được chút ít
thứ hương ân tình ấy, cho quyển Kỷ
Yếu "*Tình Nghĩa Thầy Trò*" rất
đáng trân trọng, mà tôi đang rất rất
nâng niu, trên hai tay có lắm đôi môi
còm cộm...

LAM TRẦN 09.07.2019

Trích Trong Quyển Kỷ Yếu Đại Hội X Văn Đức 4-8-2019

LÊ ĐÌNH BẢNG

NGƯỜI NGÂN LỜI TỰ TÌNH

LỜI MỞ ĐẦU



CỦA BẾN TRẦN GIÒN

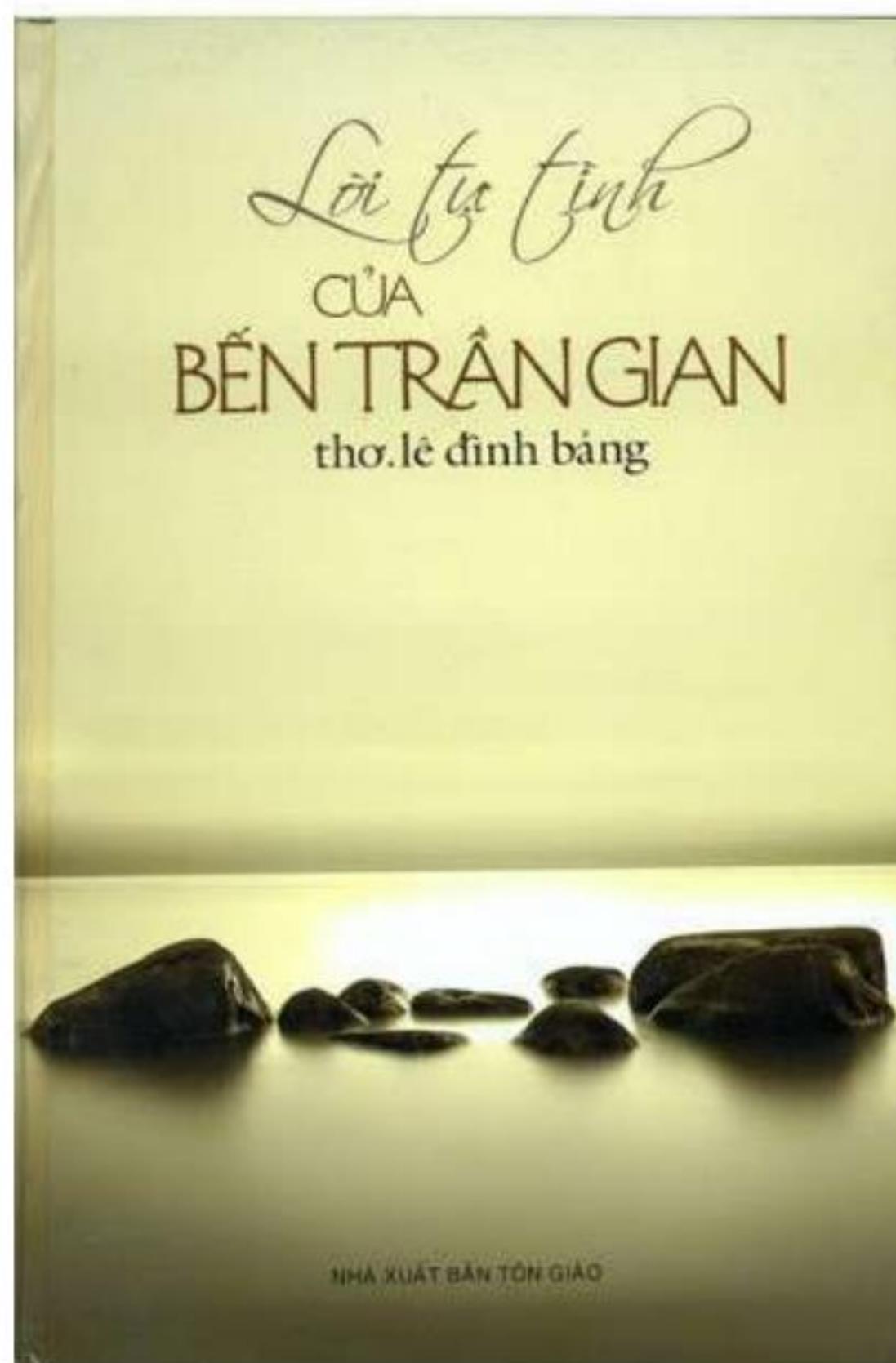
Trên thi đàn Công giáo Việt Nam, Lê Đình Bảng là một cây đại thụ và là một ngôi sao sáng với những tác phẩm thi ca trữ tình vào loại bất hủ và các biên khảo công phu thuộc loại đồ sộ và kinh điển trong giai đoạn hiện đại.



Thật vậy, các thi phẩm của thi nhân mang đậm chất quê hương đồng thời lại chói sáng Đức Tin, rạng ngời Đức Cậy và mặn nồng Đức Ái, nên đã dễ dàng đi sâu vào lòng người Công giáo Việt Nam trong và ngoài nước. Những lời thơ giản dị và chân chất đến lạ nhưng ẩn sau đó là một hồn đạo nồng nàn và kiên vững, khiến những nhịp rung của thi nhân đọng lại thành muôn lời tự tình với lòng mình, với anh em và với Đấng Tình Yêu.

Những lời tự tình của thi nhân như một giai điệu đắm thắm và gần gũi biết bao giữa đất và Trời, giữa con người và Đấng Chân Thiện Mỹ nên đã rung cảm được rất nhiều trái tim, đặc biệt với các nhạc sĩ và có thể nói thơ của thi nhân được phổ nhạc nhiều nhất trong giai đoạn hiện nay, với 97 bài thơ phổ nhạc. (*trong thi tập Hành Hương, 2006: 5 bài, Quỳ Trước Đèn Vàng, 2010: 20 bài, Lời Tự Tình Của Bến Trần Gian, 2012: 72 bài*)

Lời tình tự của Lê Đình Bảng cũng trải dài tinh hoa trong văn đàn Công giáo. Kho tàng văn học Công giáo của



Lê Đình Bảng quả là một kho báu kỳ vĩ và quý hiếm với các tác phẩm mang tầm thời đại và kinh điển. Những biên khảo của tác giả có giá trị lâu bền và là những công trình dành để học tập và nghiên cứu cho các thế hệ mai sau đạo cũng như đời. Riêng các biên khảo “Ở Thượng Nguồn Thi Ca Công Giáo Việt Nam”, xuất bản năm 2009, gồm 6 tập tương đương 4000 trang về kinh sách lễ nhạc, Phúc âm, huấn ca, Thánh nhạc Thánh ca Việt

Nam từ khởi thủy đến nay, “Văn Học Công Giáo Việt Nam – Những Chặng Đường”, xuất bản năm 2010 và “*Hành Trình Một Trăm Năm Báo Chí Công Giáo Việt Nam, xuất bản năm 2012, “Về Văn Ca Ngâm Công Giáo”* 1000 trang, “Lòng Đạo dân Gian Việt Nam”, 1000 trang, “*Dâng Hoa Toàn Tập, 1000 trang, Văn Hóa Lễ Hội Công Giáo Việt Nam*”, 1000 trang, đủ để chúng ta nhận thấy tâm huyết, tâm vóc và sức viết của tác giả mãnh liệt đến thế nào.

Nói chung, Lê Đình Bảng thật sự là một học giả với kiến thức uyên thâm, một

nhà nghiên cứu và biên khảo rất chuẩn tắc, nhiệt tâm và cần mẫn, một thi nhân có trái tim rung cảm tinh tế và một sức sống nội tâm mãnh liệt... và hơn hết là một tín hữu trí thức đầy Lòng Mến đã dành một đời cho việc phát triển và đưa văn học Công giáo vào lòng dân tộc.



Hát Xoan là một di sản văn hóa phi vật thể quý giá của vùng đất Tổ Hùng Vương. Ảnh: Thu Huyền - Nguồn: <http://ubdkcgvn.org.vn/vi/van-hoa-nghe-thuat/2018/07/81E20F2E/ca-nhac-le-hoi-noi-tieng/>

Đây chính là những lời tự tình của thi nhân muốn nói với tất cả mọi người trên quê hương Việt Nam. Thi nhân như chim yến bao dung đem hết tinh túy máu thịt của mình để dệt những tổ huyết yến cho

chúng ta cảm hưởng những dư vị ngọt ngào, nồng ấm và bổ dưỡng.

Trong bài viết này, chúng tôi trân trọng phóng chiếu chỉ đôi lời tự tình của thi nhân trong thi ca, như là một chút hương thanh thoát để cảm nhận độ sâu lắng của trái tim thi nhân, như là một chút âm hưởng khẽ rung để hòa vào giai điệu “*Khúc hoan ca của lá*”.

NGƯỜI NGÂN LỜI TỰ TÌNH CỦA BẾN TRẦN GIAN

Thơ của Lê Đình Bảng là sự kết hợp hài hòa của một phức điệu gần gũi mà sâu lắng, khắc khoải mà trong suốt,

mang cấu trúc cổ điển và chủ nghĩa ấn tượng được biến tấu nhẹ nhàng, dựa trên nguyên lý song song về vần điệu, đối âm, đối ngẫu, điệp âm, điệp ý... Hương vị của thơ thơm đến lạ thường như phảng phất đâu đây trong không gian bình yên nhưng lại tràn đầy để thấm đẫm tinh tế vào từng làn hơi thở của nhân sinh. Điều vi diệu ấy thanh khiết và đẹp tựa giọt sương mai, để trái tim của những nhịp rung cứ mãi ngân ngơ nhìn ngắm, cho những cung bậc trữ tình cùng ngân lên với thi nhân theo “*Lời tự tình của bến trần gian*”.

Tất cả sự vi diệu của thơ Lê Đình Bảng nằm ở chỗ “*Mạch thơ*” phun trào từ bến trần gian nhưng “*Nguồn thơ*” lại khởi hứng từ Miền Thượng Đỉnh.

Thật vậy, mạch thơ của Lê Đình Bảng mạnh mẽ và dư tràn, vọt lên như những dòng phún thạch xuất phát từ tâm điểm của nỗi khắc khoải âm ỉ trong đa đoan cuộc trần, của những bước chân gập ghềnh chông vênh với bao hoài bão ấp ủ mãi còn phóng chiếu và của những

tháng ngày xoáy
cuộn vào cuộc mưu
sinh trải nghiệm
kiếp người. Mạch
thơ mạnh mẽ là thế
nhưng Nguồn thơ
của thi nhân lại dịu
dàng và tươi mát,
nhân thả chơi vơi
như cơn mưa đầu
mùa đến từ những
lời kinh thâm thĩ
mên mang sớm tối,
những giây phút
lặng động của nhịp
rung muốn hòa điệu
với Trời cao và từ
những thúc bách của
trái tim khát khao
Chân Thiện Mỹ.

Chúng ta hãy đọc
những nhịp rung trữ
tình và đầy chất thơ
của thi nhân:

*Hôm nay trời mướt
xanh như ngọc*

*Biêng biếc hơn màu của lá tươi
Chắc hẳn, ra Giêng còn rét ngọt
Chim ơi, làm tổ hay tha môi?*

*Ngoài kia cái nắng lên vồn vã
Lòng cũng từ bi như đá thôi
Cô bé lên đèn thiêng thật sớm
Có mang theo tràng chuỗi Mân
Côi?*

.....

*Thì ra đời vẫn thanh bình quá
Thuyền có ra khơi mới nhớ bờ
(Lời tự tình của bến trần gian)*



Thi nhân tự tình bằng những chất
liệu trầm của cuộc hiện sinh nhưng
thoát thai và thăng hoa nó theo
cung điệu bổng của nhịp tâm linh,
để cả hai quyện lại thành một giai
điệu thật diễm tuyệt.

Thi nhân đã khéo léo tự tình bằng cách đặt ra hai câu hỏi rất ý vị, một câu hỏi trong độ cảm tự nhiên “*Chim ơi, làm tổ hay tha môi?*” và một câu hỏi trong độ nghiệm siêu nhiên “*Có mang theo tràng chuỗi Mân Côi?*”.

Quả thế trong bình diện tự nhiên, thi nhân tự tình bằng cách đặt câu hỏi một cách ẩn dụ cho chính mình cũng như cho mọi người: “*Chim ơi, làm tổ hay tha môi?*”. Câu hỏi rất đơn sơ đầy tính nghệ thuật nhưng cách trả lời là một nhân sinh quan mà tất cả phải đối diện trong Sự Thật.

Thi nhân lao vào cuộc mưu sinh với

những tất bật, náo động và chông chênh từng ngày tháng, lặn ngụp trong dòng xoáy ảo vọng với những đam mê, danh vọng và quyền lực từng phút giây chỉ để “*tha môi*” thôi sao? Hay thi nhân cũng mưu sinh như kiếp người phải vậy, nhưng gặp những tân toan, chênh chao để bay lên và mang những đam mê Nước Trời, danh Đấng Tối Cao, quyền lực của khiêm nhường và phục vụ để vươn lên xây “*tổ ấm*” trên cao?

Thi nhân làm gì với Sự Sống và cuộc đời mình? Thi nhân tự hỏi và như bộc bạch với bạn và tôi. Cách chúng ta chọn lựa là quyết định tự do của mỗi người, là cuộc đời của chúng ta: thanh thoát hay trầm đục, tịnh an hay lao xao muộn phiền...

Cuộc sống này thật bao dung và kỳ vĩ biết bao bởi “*hôm nay*” nó vẫn “*mướt xanh như ngọc*” và đang trao tặng cho thi nhân và chúng ta những tặng phẩm đầy ảo diệu! Cuộc đời này thật hào phóng và trong sáng dường nào vì nó vẫn “*Biêng biếc hơn màu của lá tươi*”

và đang dâng hiến cho mỗi người những hương sắc tươi tràn diễm lệ!

Ngoài kia, vũ hoàn đang rộn rã đón mời thi nhân, mọi sự đang hồ hởi chào mừng mọi người bằng “*cái nắng lên vốn vã*”. Đó cũng là cái nắng tâm linh bật mở từ bên trong, cái nắng nồng ấm của ân sủng vô biên, cái nắng rực rỡ của sự quảng đại đất trời thiêng liêng được trao cho thi nhân và mọi người vô điều kiện; cái nắng của sự diệu kỳ đem lại Nguồn Sáng, cái nắng mang lại cho vũ hoàn Sự Sống tràn trào.

Ánh Sáng là biểu tượng của Sự Sống, vì nhìn thấy ánh sáng có nghĩa là đang được sống, được sống sung mãn và dồi dào (x. *Ga 10,10*). Ánh Sáng đó chính là Đấng thi nhân tin, Đức Giêsu Kitô, Ngôi Lời của Thiên Chúa, Đấng đã đến trần gian để cho thi nhân được nhìn thấy và chạm vào Chân Thiện Mỹ như lời Tin Mừng và các Vịnh gia tán dương:

*Ngôi Lời là ánh sáng thật,
ánh sáng đến thế gian
và chiếu soi mọi người (Ga 1,9)*

*Ngài quả là nguồn sống,
nhờ ánh sáng của Ngài, chúng con
được nhìn thấy ánh sáng.
(Tv 36,10)*

Vậy, tâm hồn thi nhân có thức tỉnh với Ánh Sáng trong tim chưa hay vẫn còn ngủ vùi trong bóng tối của đời hữu hạn? Lòng thi nhân đã mở cửa “*từ bí*” chưa hay vẫn còn khép kín trong muôn niềm vị kỷ? Nếu đã thức tỉnh, linh hồn thi nhân có “*lên đền thiêng thật sớm*” chưa hay còn

trì hoãn trong những lo toan cuộc thế? Thi nhân “*Có mang theo tràng chuỗi Mân Côi?*” là hành trang tâm linh chưa hay chỉ đem theo gánh nặng đa đoan cuộc trần?

“*Đền thiêng*” chẳng phải chẳng phải là cái bên ngoài xa lạ, nhưng chính là cái bên trong, là tâm hồn nội tâm của thi nhân, của mỗi người chúng ta.

Từ bình diện tự nhiên thi nhân đã nhẹ nhàng chuyển sang bình diện siêu nhiên, đi vào tâm linh khi gợi thêm một câu hỏi “*Có mang theo tràng chuỗi Mân Côi?*”. Tràng chuỗi Mân

Côi đó là Niềm Tin vào Đức Giêsu và sống cuộc đời Ngài trong những màu nhiệm Nước Trời được tóm tắt nơi Mùa Vui, Mùa Sáng, Mùa Thương, Mùa Mừng; là Niềm Hy Vọng sống Sự Sống Vĩnh Hằng ngay trong thực tại trần thế này qua việc chiêm nguyện và đón nhận Lời Hằng Sống và Thánh Thể; là Lòng Mến được thực hiện qua việc trở sinh các nhân đức khiêm nhường, yêu thương, khó nghèo, vâng phục... biết xóa mình hằng ngày và buông bỏ ý riêng để sống cho các giá trị Nước Trời...



Khi tâm hồn “*mang theo tròng chuỗi Mân Côi*”, hành trang tâm linh, những lo toan, bận tâm của cuộc thế vẫn là vậy nhưng được vượt thoát và thăng hoa vì những điều của trần gian không còn là ưu tiên hàng đầu và quan trọng nhất cho cuộc đời. Nó đã được đặt xuống hàng thứ yếu để thay vào đó tâm hồn bây giờ tựa nương vào “*Đấng đã hiến mạng sống vì bạn hữu mình*” (x. Ga 15,13) để chỉ sống cho chính Ngài và các giá trị của Nước Trời: Sự thật, sự Thiện, Công chính, Yêu thương và Bình an...

Và lúc đó tâm hồn của bạn và tôi cũng

sẽ bình tâm và cùng bật thốt như thi nhân:

*Thì ra đời vẫn thanh bình quá
Thuyền có ra khơi mới nhớ bờ*

Tiếp đó, mạch thơ của thi nhân vẫn dạt dào tuôn chảy, vẫn còn trăn trở với đời thực của mình. Thi nhân tự tình và bộc bạch nỗi niềm như một kẻ “*hành hương*” khi nhận lãnh ơn Trời đầy tràn chan chứa nhưng sao vẫn chưa đáp lại một thoáng nào gọi là cân xứng, chỉ là những “*hạt rơi, hạt đầy...*” hay những “*hạt rơi, hạt còn...*”

Ân sủng đến với cuộc đời thi nhân quá ư diễm vợi nhưng thi nhân cảm thấy mảnh đất tâm hồn mình như vẫn chưa cày bừa tinh luyện cho đủ để những hạt mầm sủng lộc ấy đơm hoa kết trái, sinh hiệu năng ân sủng mà lại bị “*chim chóc khe truông*” tha mất để “*cỏ lùng bờ bãi sinh sôi*”, hay “*theo gió xa đưa*” để “*trôi đi tít tắp*”.

*Nhiều khi, tôi hỏi riêng tôi
Bát cơm nhà Chúa, hạt rơi, hạt đầy*

*Hạt nào tôi giữ
trong tay*

*Của riêng, xin để
dành ngày cánh
chung*

*Hạt nào chim chóc
khe truông*

*Xanh um bờ bãi, cỏ
lùng sinh sôi*

*Nhiều khi tôi trách
thân tôi*

*Bát cơm nhà Chúa,
hạt rơi, hạt còn*

*Hạt nào ra nhánh
trăm muôn*

*Đồng chiêm, đồng
trũng chờ xôn xao
mùa*

*Hạt nào theo gió xa
đưa*

*Trôi đi tí tắp chiều
mưa trắng đồng*

Cái đau đầu của thi nhân cũng là cái nhức buốt của trái tim sinh linh. Linh hồn thanh trong

muốn vươn tới đỉnh cao Chân Thiện nhưng thân xác lại nặng nề bám dính những điều hào nhoáng chóng qua. Tâm hồn đi vào trong cô tịch “*treo gương rửa kiếm, một đời lặng thinh*” để tĩnh tại lắng nghe nhịp rung đất trời nhưng sao tâm trí vẫn náo động “chẳng nguôi quên” để lao xao “*nhung nhớ*”, để “*thăm gọi em*”. Những chuyện tưởng dễ dàng buông bỏ nhưng lại khó đến vô cùng, tưởng chỉ là chuyện sớm chiều trôi qua nhưng lại là chuyện của một đời người gỡ rối.



Cái cách thi nhân tự tình rất đáng yêu. Thi nhân hỏi mình rồi tự trả lời trong sự chân nhận sự thật của đời mình, biết mình yếu đuối để cậy trông sức mạnh trên cao, nhận mình bất trung để nài xin Lòng

Thương Xót. Thi nhân biết và nhắm đích đến là Nước Trời nhưng sao vẫn mãi loay hoay với sóng tình trần gian để mãi cứ đong đếm “*hạt buồn, hạt vui...*” để mãi thấy mình “*thật gần mà lại xa khơi...*”

Thi nhân không than thở nhưng là hát lên giai điệu sám hối cuộc đời với “*hai vai nặng gánh*” “*một bên ý Chúa, một bên tình người*”. Nặng gánh là thế nhưng thi nhân không thất vọng để phải trầm luân theo cuộc đời nhưng là nhìn lên cao “*phương trời dăm dăm*” để hy vọng vào Chân lý và Ôn Cứu Độ.

Câu kết quả là tuyệt bút cho một lời tự tình đầy tràn Đức Cây.

*Hạt nào bay giữa thình không
Tôi nghe sóng ở đáy sông còn cào
Từ em bắn bật non cao
Giám chua mật đắng vun vào hồn
tôi*

*Nhiều khi tôi dỗ yên tôi
Treo gương rửa kiếm, một đời lặng
câm*

*Hạt buồn rơi xuống trăm năm
Hạt vui nhưng nhớ để thâm gọi em
Nửa đời sao chẳng nguôi quên
Một bên ý Chúa, một bên tình
người*

*Thật gần mà lại xa khơi
Hai vai gánh nặng phương trời
dăm dăm
(Tự tình khúc)*

Trong thi ca, “*cái tôi-le moi*” được quan niệm như một thành tố trọng tâm của ý thức khi tiếp nhận các cảm xúc và khơi nguồn cho sáng tạo, khiến “*cái tôi*” phác họa, tô màu những nhận thức về cuộc đời, tình yêu, niềm vui, nỗi sầu...

Thi nhân Lê Đình Bảng vẫn đi vào trong truyền thống ấy nhưng “*cái tôi*” của thi nhân không phải là một pháo đài kiên cố để tự nhốt mình, hay đề cao nó như một đỉnh núi chon von để chỉ có bóng mình. Trái lại, thi nhân đã đặt “*cái tôi*” trên “*nền của đất*”, trải rộng “*cái tôi*” dưới sự rợp bóng của Ánh Sáng trên cao, để trong sự khiêm hạ, “*cái tôi*” của thi nhân như được sống trước ngưỡng cửa hé mở của thực tại tự nhiên và siêu nhiên, trên con đường niềm phong ranh giới giữa bóng tối và ánh sáng, để tan chảy “*cái tôi*” hữu hạn vào Tình Yêu Vô Biên.

Thật vậy, “*cái tôi*” của thi nhân là nhận ra mình chỉ là “*bụi tro, tằm, cám*”, là “*hạt lúa mì rơi vãi giữa đồng không*” “*nằm khô khát dưới chân đồi Horeb*”. Một “*cái tôi*” “*nằm gai và nếm mật, cùng rong rêu, cầm hạc giữa dòng khơi*”; một “*cái tôi*” “*mỏng dòn và dễ vỡ như chơi*”, một “*cái tôi*” chỉ là “*bông tuyết rụng của từng ngày băng rã*”. Tất cả “*cái tôi*” ấy đang chờ một tiếng gọi thức tỉnh, một tiếng gọi lên đường như ngôn sứ Êlia ở núi Horeb (IV 19, 8) hay ngôn sứ Giôna dưới bóng cây thầu dầu (Gn 4,6) “*Để đi hết những chặng đường thập giá*” để vượt qua những gập ghềnh thăng trầm của “*mưa đá dầm dề, khổ ải, lạc loài, áo tơi, nón lá*” nơi “*bến trần gian*”.

“*Cái tôi*” của thi nhân sao lạ quá! “*cái tôi*” ấy không còn lấy mình làm trung tâm như bao “*cái tôi*” của cuộc hiện sinh này. Nó như cái tiêu ngã muốn hòa vào trong Đại Ngã. Giờ đây, “*cái tôi*” ấy đang ngược vọng lên Đấng Tạo Dựng, đang khao khát Đấng Hoàn Thiện,

để xin Ngài “thấp
giùm ngọn tim đèn
run rẩy” của “Đức
Tin”, để mong
“hưởng chút bình
yên, mơ mộng” của
“Tình Yêu”, để
“dẫn ra đồng cỏ
tháng Giêng” “xem
đất dậy thì, xanh lá
mạ” của “Đức Cây”,
để mong được ơn
tha thứ “đừng chấp
tuổi thanh xuân xưa
tội lỗi” “đừng bỏ
rơi côی cút giữa đời”,
để nài xin Ông Cứu
Độ mong “được kéo
lên, khỏi bùn kiếp
bùn nhơ như người
trộm ấy”.

Trong Thiên Chúa
của mình, linh hồn
thi nhân và “cái tôi”
của cuộc hiện sinh
như vươn lên “tựa
cánh chim non mới
tập bay chuyên”.

Cứ để tôi là tro bụi, tấm cám
Hạt lúa mì rơi vãi giữa đồng không
Gió máy phơi phong, ẩm lạnh, nhạt
nồng

Nằm khô khát dưới chân đồi Horeb

Này tiên tri, giữa trời xanh điệp
điệp

Dưới cội thâu dầu bóng ngả lung
linh

Chúa gọi tôi, hay tiếng dội lòng
mình

Sao, vầng vát, bốn chôn, không
chộp mắt

Cứ để tôi nằm gai và nếm mật

Cùng rong rêu, cầm hạc giữa dòng
khơi

Tôi mỏng dòn và dễ vỡ như chơi

Bông tuyết rụng của từng ngày
băng giá

Để đi hết những chặng đường thập
giá

Từ vườn Cây Dầu lên đỉnh Cấn Vê

Babylon ơi, mưa đá dầm dề

Khổ ải, lạc loài, áo tơi, nón lá

... ..

Cho tôi hưởng chút
bình yên, mơ mộng
Vì khi yêu, trái đắng
cũng ngọt ngào
Tôi đành lòng đuổi
sức giữa chên chao
Se sẽ gọi, bỏ câu ơi,
thức dậy

Thấp giùm tôi, ngọn
tim đèn run rẩy
Ôi, đức tin tôi, xác
đất vật hèn
Tít tắp bụi bờ, đâu
dám trông lên
Tôi kẻ chầu nhưng,
tro tàn, bếp lạnh

... ..

Đừng chấp tuổi
thanh xuân xưa tội
lỗi
Đừng bỏ rơi tôi cõi
cút giữa đời
Bốn phía địch thù
vây hãm không thôi
Ngồi nhẫn tàn canh,
đèn không tắt bóng

Mùa thương khó những tuần chay
rất trọng

Chờ ra giêng, ta đi lễ tây trần
Gửi hình hài và gửi cả chân thân
Theo bè bọt ủa trôi ra biển cả

Để xem đất dậy thì, xanh lá mạ
Để xoan thôi rụng tím bên thềm
Biết đến bao giờ tôi được kéo lên
Khỏi kiếp bần nhơ, như người trộm
ấy

Ôi lượng hải hà, từ bi, trông cậy
Chúa dẫn tôi ra đồng cỏ tháng
giêng

Tựa cánh chim non mới tập bay
chuyền

Tôi riu rít hát lời yêu, gửi gió
(Khổ hạnh ca)

Lời tự tình của thi nhân như tiếng
lao xao của lá trong lòng Gió, như
lời thì thầm của chất thể vọng tới
linh hồn, như nhịp rung của bụi đất
dịu khẽ với Trời cao, như giai điệu
trầm mặc của trái tim nhân thả với
Trái Tim.

Thi nhân “đã đến đây” trong “đêm
chập chùng của con đường tơ lụa”
để nhận ra Chúa của mình, để thấy
Ngài vẫn bước đi cùng thi nhân

trong cung bậc cuộc thể chớp tắt với những “*sấm chớp bên Đông, lòe sáng bên Tây*”, để cảm thấu nỗi đau trong hành trình “*làm người khát thực*”, để thấy Ngài đang hiện diện và đồng hành với mình trong thân phận hữu hạn “*tìm chỗ nương thân chỉ thấy pháo đài*”, cho tiếng nấc “*lạnh vô cùng, rét buốt, áo tằm gai*” của thi nhân không lạc lỏng giữa “*bến trần gian*” nhưng đan quện vào nhịp lòng của Đấng “*chết treo mình lên, trần truồng, tôi tả*”. Tất cả chỉ vì yêu!

Thi nhân cảm nhận tinh tế thân phận mình trong Chúa và trải nghiệm tình yêu

Chúa đang đập nhịp trong trái tim giòn mỏng và đa đoan của thi nhân, để từ đây thi nhân cảm thức được rằng mình và tha nhân có một bến bờ yêu thương, có “*Quê hương chung một mẹ La Vang*” và dầu gặp bao sóng gió bão táp, “*dầu mưa nắng*” tháng ngày chênh chao thì tất cả đã “*có trời che đất chở*”, có “*tiếng sông reo, bờ bãi lá chàm*”.



*Tôi đã đến đây
Đêm chập chùng của con đường tơ
lụa*

Sấm chớp bên Đông,
lòe sáng bên Tây

.....

Tôi đã đến đây, làm
người khát thực
Tìm chỗ nương thân
chỉ thấy pháo đài
Lạnh vô cùng rét
buốt áo tâm gai

.....

Ôi, chén đắng! Trời
cao vời vợi
Tôi là cây nho, anh
em là ngành
Một trận đòn thù
suốt mấy trống canh
Ván bài chót
Họ đóng đinh tôi lên
cây thập giá
Yêu là thế. Chết treo
mình lên, trần
truông, tôi tả
Còn giọt máu cuối
cùng ở cạnh nương
long

Chảy về phương Đông khuất khúc,
nước lũ ra sông

.....

Ôi, tiếng sông reo, bờ bãi lá chàm
Quê hương mình chung một mẹ La
Vang
Dầu mưa nắng, có trời che đất chở
(Chuyện kể những năm hai ngàn)



NGƯỜI THỞI HỒN ĐẠO VÀO NHỊP ĐỒNG DAO CUỘC SỐNG

Thi nhân tự tình tiếp chuỗi đời
bằng cách thổi hồn đạo trong từng
câu chữ, phả hương thơm vào từng
ý thơ, khiến những lời tự tình mộc
mạc chân chất của làng quê ruộng
lúa bỗng có cánh bay lên thượng
tàng Ánh Sáng phương nghi và
chói lóa.

Thật thế, hồn đạo thấp thoáng trong những bài đồng dao thuở “*trẻ mấy nghìn năm*”, nay vẫn ươm ngọt như ngày “*mở phơi tung lá*”, giờ vẫn “*thật gần*” như “*giục già*” “*tung tăng chân sáo*”.

Nước Trời, một mâu nhiệm cao cả, không phải chỉ ở trên mây, chẳng phải chỉ dành riêng cho bậc khôn ngoan, nhưng nay được thổi nhẹ vào tâm hồn thơ bé (x. Mt 11,25) như một điều gì đó rất gần gũi và thân thương “*như bát cơm đầy như nắm xôi*” hằng ngày sớm tối; rất đời thực và chạm vào được trong chính tâm hồn mình “*Thiên đàng, địa ngục ở lòng thôi*”;

rất đơn sơ “*như một khoảng sân chơi*” để kê vai cùng nhau “*rồng rắn lên mây, cây ngũ sắc*”, cho em và tôi “*dung dăng dung dẻ tuổi năm mười*”, để ngày tháng cuộc đời “*vẫn hồn nhiên sống thanh thoi*”.

Nước Thiên Chúa chẳng đặt định những mô thức cứng nhắc mệt mỏi, chẳng lao xao với những minh luận lý trí chật hẹp nhưng “*Nước Thiên Chúa là của những ai giống như trẻ thơ*.” (Mc 10,14), rung lên bằng trái tim chân thật và vui hưởng bằng tâm hồn đơn sơ tươi trẻ, như một cung bậc hò reo “*thả chiếc điều lên, lên tít khơi*”, rất đẹp và thanh thoát “*thấy mình trong veo như nắng gió*” để tình tang tay nắm tay “*và xôn xao mắt sáng, môi cười*”. Nước Thiên Chúa “*như mảnh trăng rằm ấy*” dễ thương quá thôi và rộn ràng làm sao, để em và tôi cùng nhìn ngắm, cùng đùa vui và cùng nhau hò đêm “*một ông sao sáng, ông sao sáng*”, ông sao lung linh “*đợi mà sao em chẳng biết*” “*và yêu em tự thuở đời đời*”, cho từng nụ cười liên thoáng

và những niềm vui của em và tôi gieo vào cuộc trần theo thời gian “*một ngày, một tháng, một năm, nhĩ*” chợt vươn lên “*nảy lộc, đâm chồi*” đến nỗi “*may túi ba gang, không đựng hết*” “*của kho vô tận ở trên trời*”, bởi thế một hai ba... “*em xí giùm tôi một chỗ ngồi*” trong sân chơi của Nước Trời nhé!

Những lời thơ sao ngọt ngào đến thế! Những tứ thơ sao bông bênh chi lạ! Thi nhân nói bằng những ngôn từ bập bẹ của trẻ thơ nhưng sao thâm thúy đến Tim Trời cũng rung động. Thi nhân đùa hát đồng dao bằng nhịp trần của đêm nhưng lại rực sáng

một trời Chân Lý của điều huyền nhiệm.

*Hôm nay, hồn mở phơi xanh lá
Trẻ mấy nghìn năm em bé Ơi
Lau lách trên kia chiều giục già
Về nơi tơ tóc chưa ra đời*

*Thật gần, bên tả hay bên hữu
Nơi cánh đồng, mùa chim có đôi
Em cứ tung tăng chân sáo nhé
Nước Trời như một khoảng sân chơi*

Nước Trời như một mảnh trăng rằm ấy

*Như bát cơm đầy như nắm xôi
Hạnh phúc là điều răn có thật
Thiên đàng, địa ngục ở lòng thôi*

*Mời em se sẽ qua vườn biếc
Thả chiếc diều lên, lên tít khơi
Có thấy mình trong veo nắng gió
Và xôn xao mắt sáng, môi cười*

*Gọi thăm em sớm ra đầu ngõ
Này nụ tâm xuân tươi rất tươi
Chúa đợi, mà sao em chẳng biết
Và yêu em tự thuở đời đời*

Một ngày, một tháng,
một năm, nhĩ
Em lớn dần lên theo
nắng nôi
Như lúa, ngô, khoai
đồng đất ấy
Chờ ương gieo, nảy
lộc, đâm chồi

Ngày mai, khi bốn
bề giông bão
Em vẫn hồn nhiên
sống thanh thoi
Rồng rắn lên mây,
cây ngũ sắc
Dung dăng dung dẻ
tuổi năm mười

Một ông sao sáng,
ông sao sáng
Em xí giùm tôi một
chỗ ngồi
May túi ba gang,
không đựng hết
Của kho vô tận ở
trên trời
**(Bài đồng dao nước
trời)**

Tuyệt vời làm sao! Thi nhân rung
nhịp Sự Thiện trên mỗi bóng từ,
nhấn thả Nét Đẹp vào mỗi thi tứ,
làm những ý riêng phân mảnh từ
thuở hồng hoang chợt hòa điệu vào
dòng mặc nhiệm Thiên Ý mệnh
mông muội vợi.

Thật thế, những giọt sương Sự
Thiện đậu trên từng lời tình tự của
thi nhân như bâng bạc một chân
trời bình minh vừa chớp, như xa
xôi nhưng nắm bắt được, như long
lanh nhưng cảm nhận hết. Thi nhân
hạnh phúc khi “uống no nê những
lời hằng sống”, rạng rỡ thay “thấy
tên mình giữa mười hai chi họ”,
xôn xao quá khi “Cây thánh giá nở
hoa đào rực rỡ”, mừng vui xiết bao
khi gặp “gặp Người bằng thịt bằng
xương” ở từng khúc quanh tâm tôi
cuộc đời “ngã tư, ngã ba, không
ánh đèn đường” hay ở nơi hoang
vu xa xăm “dưới gốc cây cao bóng
cả, đôi non dốc biển”.

Thêm nữa, những Nét Đẹp lấp lánh
trên từng tứ thơ của thi nhân như
bức tranh tuyệt mỹ: đơn sơ như “bồ
câu bay rợp đèn vàng”, hùng vĩ
như “chàng thanh niên tóc bay tiền

sử", giản dị như
"Áo vải, chân không
giữa đám trẻ thơ"
hay thanh thoát như
"Người hát rong
trên đồng cỏ". Nét
Đẹp trong vất vả
nhiệm mầu ấy in sâu
vào hồn thi nhân để
khảm vào đó một
giọt "đợi Người"
bao ngày đắng chát,
một nỗi mong
Người "Miệng lưỡi
khát khô".

Tôi uống no nê
những lời hằng sống
Thuở đất trời vào
hội mùa xanh

Khi đôi mắt mở ra
long lanh

Em sẽ đọc thấy tên
mình giữa mười hai
chi họ

Cây thánh giá nở
hoa đào rực rỡ

Hãy thả bỏ câu bay
rợp đèn vàng

Hương sấp, mật ong, quần điều áo
lục

Bên đây bờ Tân Ước

Em sẽ gặp Người bằng thịt bằng
xương

Ngã tư, ngã ba, không ánh đèn
đường

Dưới gốc cây cao bóng cả, đôi non
dốc biển

Người chợt đi chợt đến

Như tia chớp lòe Nam Bắc Đông
Tây

Nếu có một ngày

Tình cờ, em gặp chàng thanh niên
tóc bay tiền sử

Áo vải, chân không giữa đám trẻ
thơ

Hay một hừng đông Biển hồ

Ngồi trên mạn thuyền, giữa nơi nhà
hội

Mùa sương sa, em về may áo mới

Gọi mưa trên bờ cuội trắng như tơ

Gió sa mạc cơ hồ

Đang thổi mấy chiều hơi nước

Tôi đợi Người

Miệng lưỡi khát khô

(Người hát rong trên đồng cỏ)

Thi nhân cứ chậm rãi tuôn dòng chảy hoài cảm từ lòng mình để tìm ai phải thấm thấu nghĩ suy, để hồn ai phải trầm tư mặc tưởng.

THAY LỜI KẾT

Với những *“Lời tự tình của bến trần gian”* và với những bước chân của người *“hành hương”* đi về nguồn cội, thi nhân đã rung lên những giai điệu trữ tình từ chất liệu giản đơn của cuộc sống để kết nối, để nhân thả, tạo nên bản giao hưởng diệu kỳ của *“Những bến và bờ”* *“Hạnh nguyện”*, của *“Bài điệu ca thánh giá”* vinh quang, của *“Một chút tình cỏ hoa”* mộng muội và của *“Người hát rong*

trên đồng cỏ” phiêu du và tự tại với cuộc đời.



Mầm yêu từ trái tim bụi đất của thi nhân như dịu dàng đón lấy những hạt mưa thuần khiết, nhẹ nhàng tiếp nhận Nguồn Ánh Sáng linh thiêng mầu nhiệm để vươn mình lên thật cao tự do trong nắng ấm, để hít lấy hương khí trinh trong no tràn Sự Sống, cho những nhịp rung nội tâm chín mọng thành những câu thơ ngọt ngào thơm ngát, cho những trải nghiệm tâm linh uơm vàng thành những ý thơ dịu êm diễm tuyệt.

Lời tự tình của Lê Đình Bảng là thơ của đất, là hương của Trời cho bạn và tôi *“ríu ran cây trái hồn ta bến chờ”*, chờ hương vị linh thiêng, chờ dòng chảy tự tình thơm khiết tiếp nữa của thi nhân.

*Lạy Trời, thả hết
muôn hương*

*Cho thơm tho cả
mười phương chói
lòa*

*Từ đêm nguyệt rạng
sương sa*

*Ríu ran cây trái hồn
ta bến chờ*

***(Lạy Trời đổ mưa
sương)***

Lời tự tình của Lê Đình Bảng là tiếng lòng rất thật và rất đẹp như “cái cổng làng râm mát”, như “cái giếng gạch đời nào đời nao” “cứ yên ả soi bóng mình”. Có lẽ bạn và tôi cũng muốn được an bình như thế trong cuộc sống quá ồn ả và náo động này, hãy lắng lại và sống thật với lòng

mình... và thi nhân đã thì thầm nói thay cho chúng ta.



Những giếng nước ở vùng quê Đông
Nam Bộ. Báo – baomoi.com

*Lòng chúng ta nhà quê, nên rất thật
Như cái cổng làng râm mát, lao
xao*

*Cái giếng gạch xây đời nào đời nao
Cứ yên ả soi bóng mình trong ấy
(Nhã ca lễ nửa đêm)*

Tuyệt và tuyệt! Đó là lời kết thương yêu dành cho Lê Đình Bảng – Người ngân lời tự tình của bến trần gian.

Sàigòn, 23/08/2019

An Thiện Minh

Phụng Hoàng Ca

Lời trích thơ Lê Đình Bảng

Nhạc : Hồ Đăng Tín

♩ = 72

Phụng Hoàng tung cánh bay muôn

trượng bay muôn trượng Giá vũ dăng vân vượt dăm khơi

vượt dăm

The musical score is written for a vocal line and a piano accompaniment. The key signature has two flats (B-flat and E-flat), and the time signature is 4/4. The score is divided into three systems, each with a vocal staff and a piano staff.

System 1:

- Vocal:** Hỡi những sinh ly và tử biệt và tử biệt Hỡi
- Piano:** Accompaniment with chords F, B $\flat$, Cm, B $\flat$ 7, E $\flat$, Cm, B $\flat$. The word "khởi" is written below the first measure.

System 2:

- Vocal:** tan? Còn mất? những đây với Thung dung hề
- Piano:** Accompaniment with chords E $\flat$, Cm, B $\flat$, Rall. C7, Fsus4, F, a tempo B $\flat$. The words "những đây với" and "Thung" are written above the piano staff.

System 3:

- Vocal:** bước chân hành giả Gõ nhịp mà ca giữa chợ đời giữa chợ
- Piano:** Accompaniment with chords F, B $\flat$ 7, E $\flat$, Cm7, F7, B $\flat$, F7, B $\flat$ 7sus4. The words "dung hề" and "bước chân hành giả" are written below the piano staff.

The musical score is written for a vocal line and a piano accompaniment. The key signature has two flats (B-flat and E-flat), and the time signature is 4/4. The lyrics are in Vietnamese, and the chords are indicated above the vocal line.

Chorus:

Chords: B $\flat$, Gm, Dm, B $\flat$, Gm, Cm, Am $^{7(b5)}$

Lyrics: đời Bạc áo khinh cừu cơn gió thoảng Phù

Verse 1:

Chords: B $\flat$, B $\flat$ +, D 7 , Cm, F, B $\flat$

Lyrics: sinh nhẹ bắc bóng trắng trôi bóng trắng trôi Phụng hoàng cười

Verse 2:

Chords: Cm, Dsus 4 , D, Cm, B $\flat$, F 7 , B $\flat$, F 7

Lyrics: gió tung mây biếc tung mây biếc Vườn tới cao xanh ngọn đỉnh

The musical score is written for a vocal line and a piano accompaniment. The key signature has two flats (B-flat and E-flat), and the time signature is 4/4. The lyrics are in Vietnamese, and guitar chords are indicated above the vocal staff.

First System:

- Chords: B^bsus⁴, B^b, Gm, D⁷, Gm, B^b, E^b
- Lyrics: trời ngọn đỉnh trời Lạy Mẹ Tự Bi hằng cứu giúp hằng cứu

Second System:

- Chords: Cm, B^b, D⁷, Cm, C⁷, B^b, F⁷
- Lyrics: giúp và Thánh An Phong tổ phụ cầu bầu cầu

Third System:

- Chords: B^b, E^b, B^b, Cm, Gm, Cm
- Lyrics: bầu Chúng con giữa bốn bề giông bão bốn bề giông

The musical score is written for a vocal line and a piano accompaniment. The key signature has two flats (B-flat and E-flat), and the time signature is 4/4. The lyrics are in Vietnamese, and the score includes various chord symbols above the vocal line.

First System:

Chords: $Am^{7(b5)}$, F^7 , Bb , Bb^+ , Cm

Lyrics: Kê sóng thuyền ra chỗ nước sâu chỗ nước

Second System:

Chords: Bb , F^7 , Bb , Gm , Dm , Eb , Cm

Lyrics: sâu Chúng con một đời vâng ý Chúa vâng theo ý

Third System:

Chords: Bb , $Dm^{7(b5)}$, Cm , C^7 , Bb , F^7sus^4 , Gm

Lyrics: Chúa Cùng ra khơi thả lưới giăng câu giăng

Musical score for a Vietnamese song, page 6. The score is in B-flat major (two flats) and 4/4 time. It features a vocal line with lyrics and a piano accompaniment. The lyrics are: "câu Lay Mẹ Từ Bi hằng cứu giúp cứu giúp Nguyễn xin Thánh Tổ Phụ An Phong An Phong Chúng con mỗi nẻo đường xuôi ngược Trăm nhánh nẻo đường xuôi ngược". The piano part consists of chords and moving lines in both hands.

F B $\flat$ F C 7 F#sus 4 F B $\flat$
 sông một bến một dòng một dòng Sóng trước về
 đâu, sau tiếp tiếp sau tiếp Phụng Hoàng Ca rúc
 rờ cầu vồng. cầu vồng. A MEN
 Ca cầu vồng
 3/2018

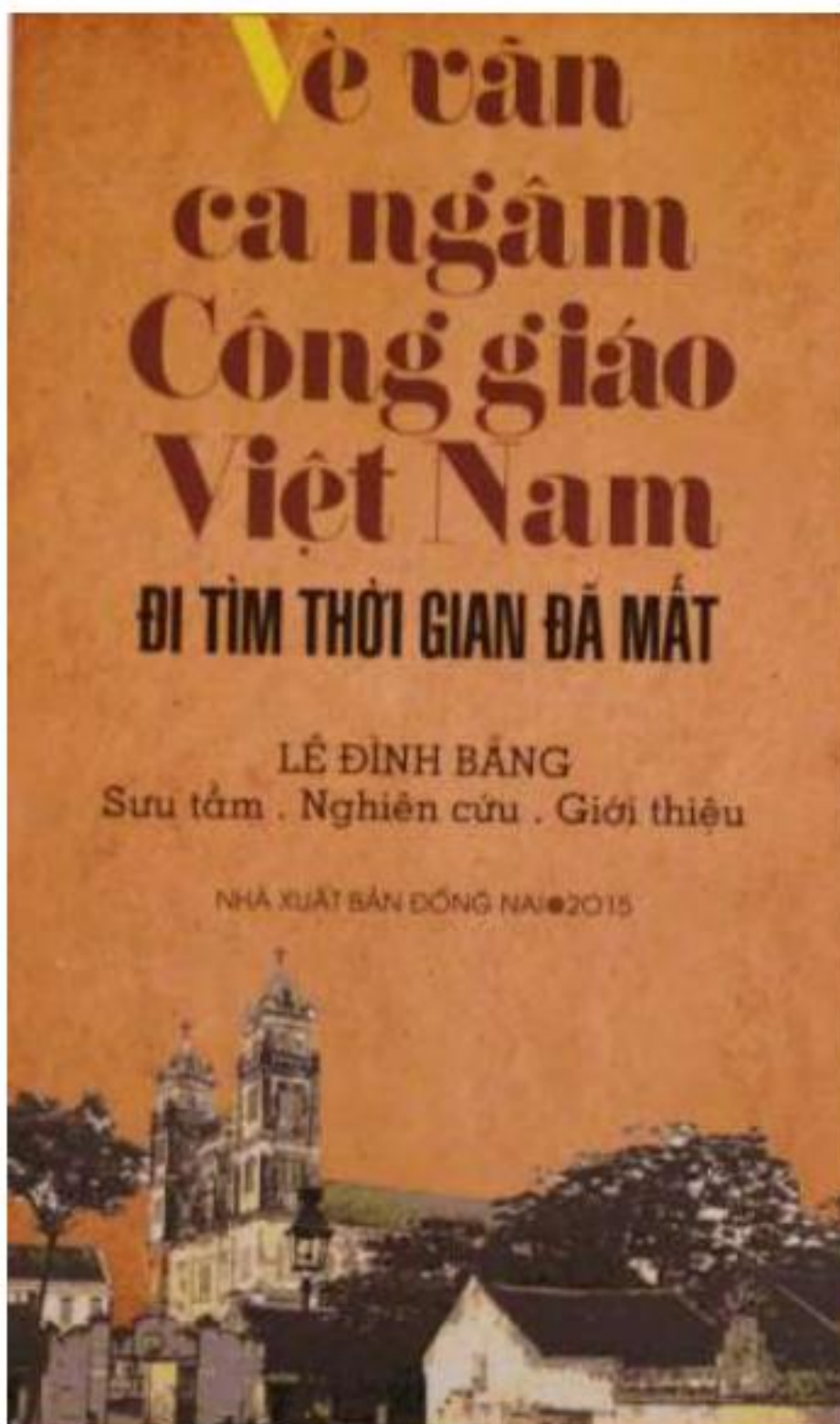
Lê Đình Bảng

Những Tác Phẩm



Thầy Lê Đình Bảng dưới ngòi bút của họa sĩ Choé, 1994

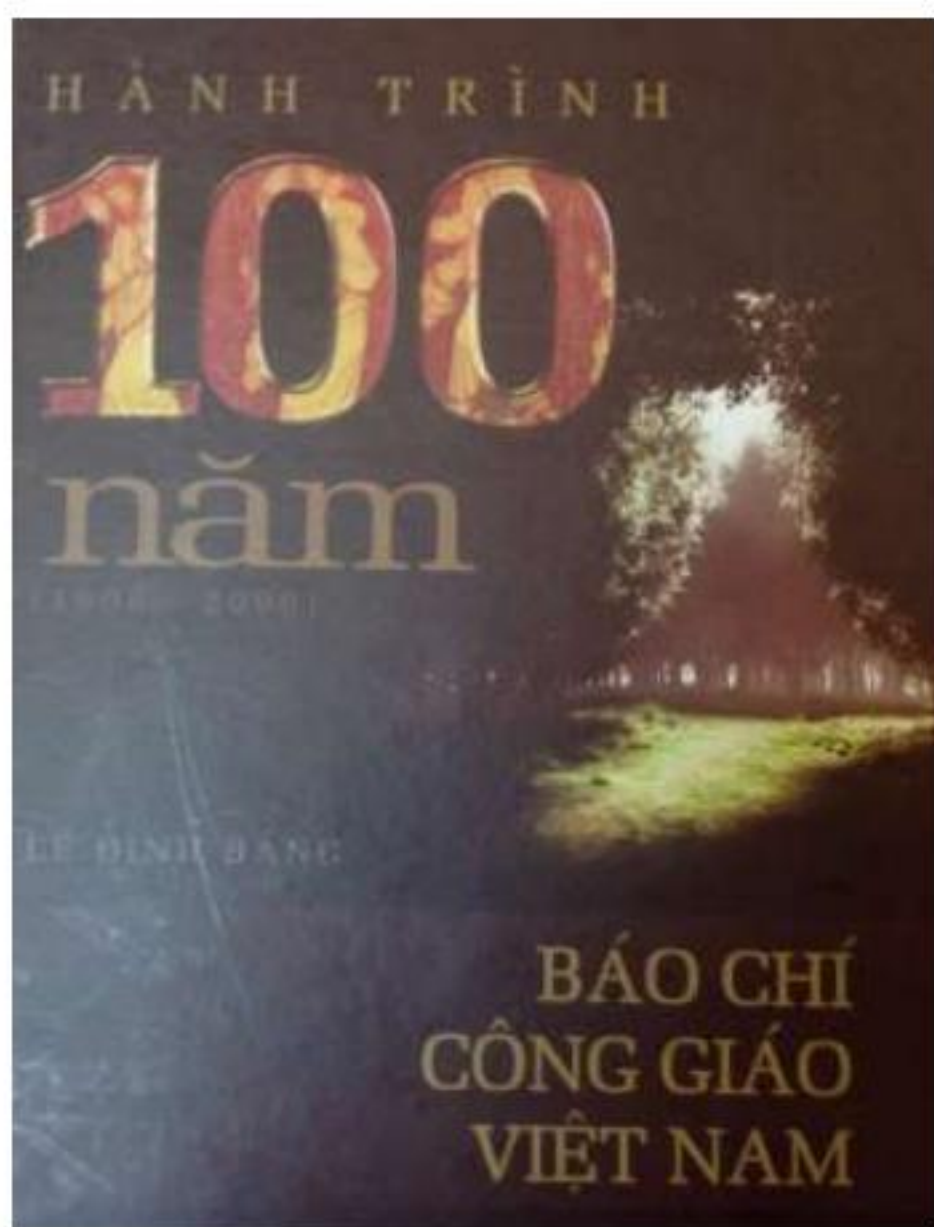
Đã xuất bản:



- NHỮNG DẶM DÀI HÀNH HƯƠNG. Trường Ca lục bát về cuộc di cư từ Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Phủ Lý, Hà Nội và Hải Phòng, Sài Gòn, 1954-1955.
- LƯU ĐẦY. Thơ nguyên cầu. Phan Rang, 1956-1957. Bút hiệu: Mạc La Đình
- LỜI CON DÂNG. Thơ nguyên cầu. Phan Rang, 1957. Bút hiệu: Mạc La Đình
- LỘC TRỜI. Thơ nguyên

cầu. Sài gòn, Gia Định, 1958-1961. Bút hiệu: Mạc La Đình.

- BƯỚC CHÂN NGƯỜI GIAO CHỈ. Thơ. Bút hiệu Đình Bảng. Sài gòn, 1967. Bạt của Trần Dạ Từ. Bìa của Phạm Thư Sinh.
- ĐÊM RẤT THÁNH. Tuỳ bút. Quà tặng học trò, 1969.
- KINH SÂU. Thơ nguyện cầu. Long Xuyên, Cần Thơ, Mỹ Tho, Đà Lạt, Nha Trang, 1965-1969.
- HIỆN TƯỢNG LỤC BÁT TRONG THI CA VIỆT NAM. Tiểu luận. Sài gòn, 1970.
- GIẢNG VĂN - VĂN HỌC SỬ VIỆT NAM - PHƯƠNG PHÁP NGHỊ LUẬN. Giáo trình giảng dạy Quốc văn các lớp Đệ Nhất và Đệ Nhị cấp, ban ABCD. Sài gòn, 1963-1975.
- CHUYÊN HOÁ - SINH HOẠT HỌC ĐƯỜNG. Giáo trình giảng dạy các lớp 10,11,12. Sài gòn, 1972-1975. Giảng khoá Giáo chức Tư thực Công giáo Việt Nam tại Sài gòn, Mỹ Tho và Ban Mê Thuột, 1970-1974.)
- DƯỚI CỜ. Thơ, 1972.
- GIA PHẢ LÊ TỘC. Điền dã và ghi chép tại Sài gòn, Gia



Định, Đồng Nai, Long Xuyên, Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, 1976-1986.

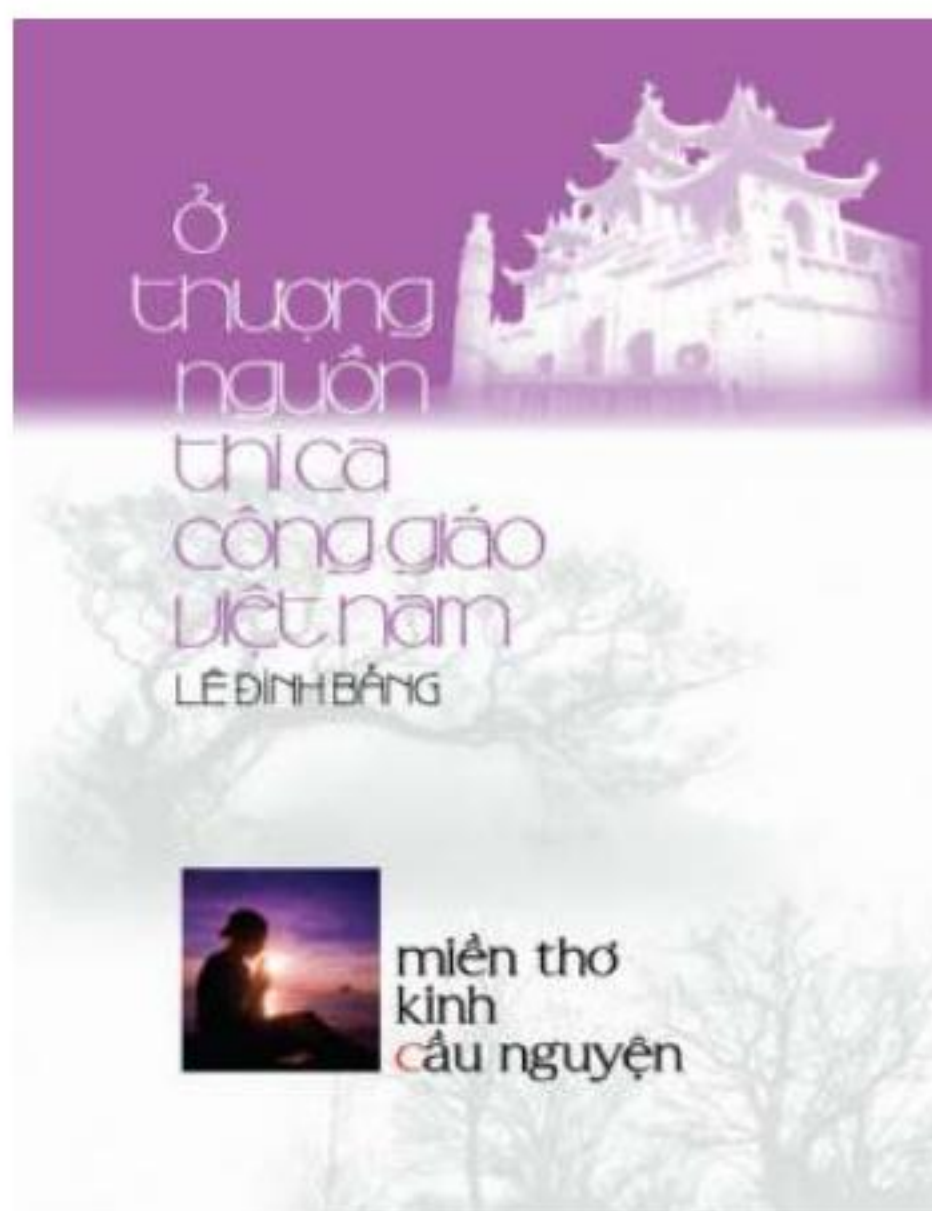
- VÒNG QUANH XỨ ĐẠO. Bút hiệu Lê Quán Thư. Bút ký lịch sử các xứ đạo - nhà thờ tại Sài gòn, Chợ Lớn, Gia Định, 1988-1991.
- HÀNH HƯƠNG. Thơ, Sài gòn, 1994.
- NGÔN NGỮ NHÀ ĐẠO.

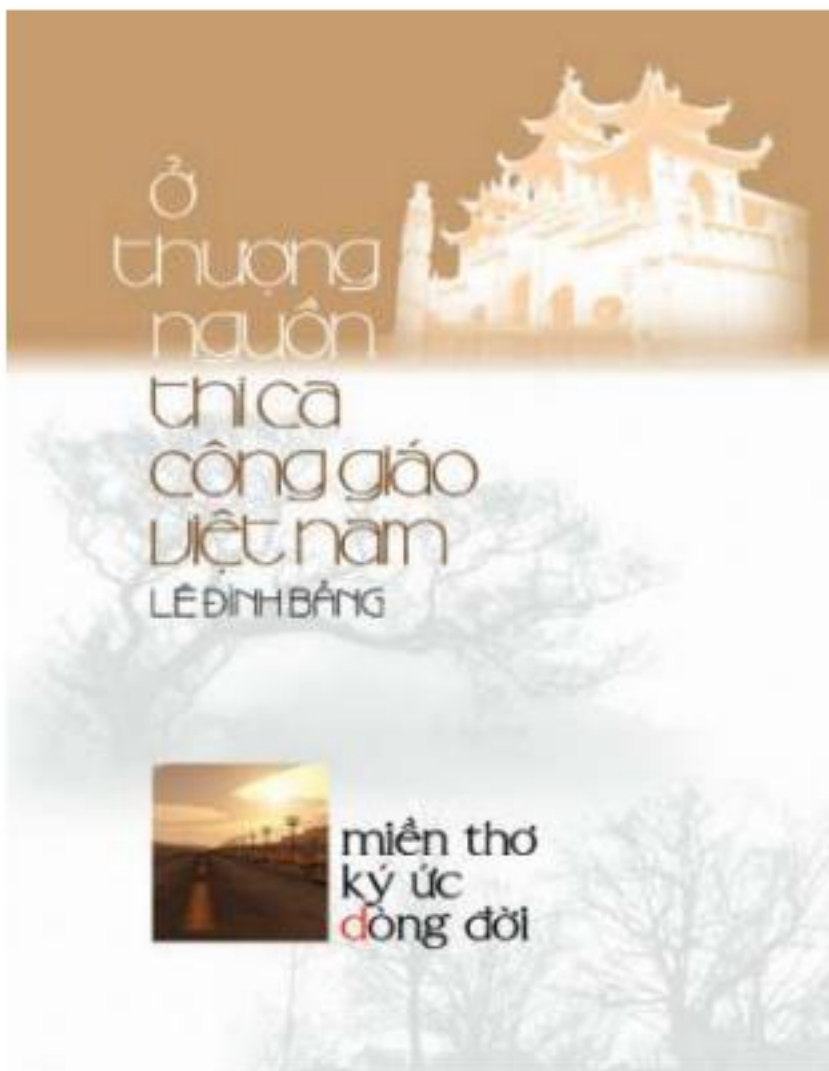
Bút hiệu: Mộ Dung, Thụy Anh, Người Sông Hoá, Nhất Kiếm, Quốc Chính, Ngũ Kinh. Tập bút chuyện văn hoá nhà đạo, 1988-1995.

- THÁNH CA HOÀI ĐỨC - MỘT THỜI ĐỂ NHỚ. Biên khảo, 1994-2002.
- CHUYỆN ĐẤT VÀ NGƯỜI LÀNG THỌ. Bút ký gia phả học, 2005. Bìa của Thụy Nhi.
- THIÊN ĐƯỜNG CỦA LOÀI CHIM SÂU. Tuyển tập truyện ngắn, bút hiệu Thụy Anh, Lại Thị Hương Nhu, Sài Gòn, 1963-2007.
- HÀNH HƯƠNG. Thơ. Vào đề của Vũ Đức Sao Biển. Bạt của Huỳnh Hay. Bìa của Bùi Liêm. Ký hoạ của Choé. Tái bản, nxb. Tôn Giáo, 2006.
- HÀNH HƯƠNG VỚI HÀNH HƯƠNG. Cảm nhận của nhiều tác giả, 2007. Bìa của Bùi Liêm.
- NHỮNG THÁNG NGÀY KHÔNG QUÊN.

Sổ tay Hát Lên Mừng Chúa - Bút hiệu Lê Quán Thư. Ghi nhận mọi sinh hoạt lịch sử, sáng tác, hội thảo, biểu diễn, giảng dạy Thánh nhạc Thánh ca qua những chặng đường lịch sử từ 1990.

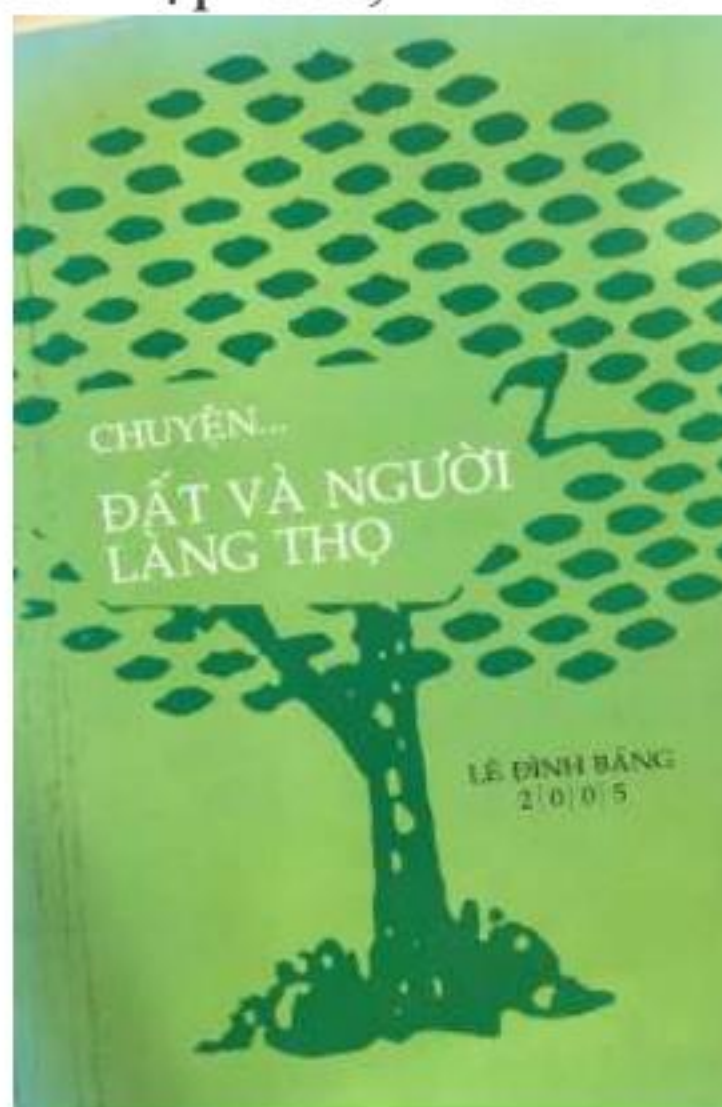
- KINH TRONG SƯƠNG. Tuyển tập thơ Công giáo. Hợp soạn với Trăng Thập Tự, Phan xi cô, Cao Huy Hoàng, 2007.
- CÁC GIÁM MỤC NƯỚC NGOÀI PHỤC VỤ TẠI VIỆT NAM. Biên khảo lịch sử Công giáo. Hợp soạn với Lê Ngọc Bích và Lê Thiện Sỹ, nxb. Tôn Giáo, 2009.



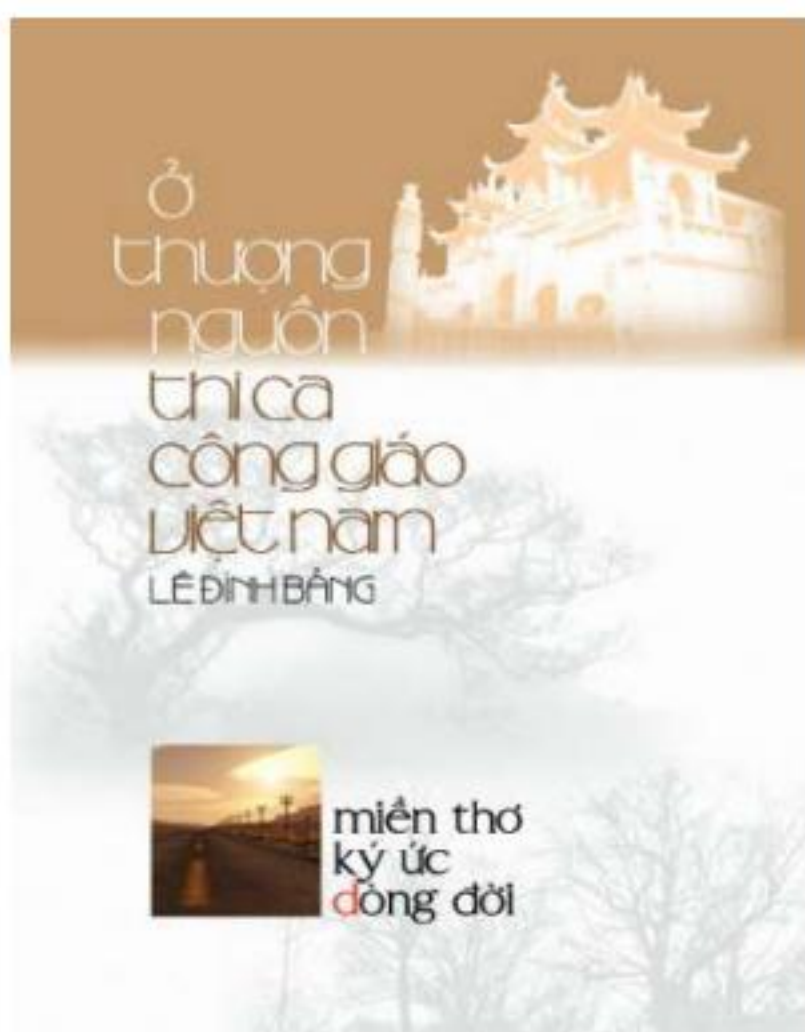


- Ở THƯỢNG NGUỒN THI CA CÔNG GIÁO VIỆT NAM. Suu tầm, nghiên cứu, giới thiệu thi ca Công giáo Việt Nam từ khởi thủy (thế kỷ XVI) đến hiện đại. Toàn bộ gồm 6 Tập, trên 4000 trang, với 6 chủ đề: Thơ trong Kinh nguyện; thơ cầu nguyện; thơ Phúc Âm diễn ca; thơ Huấn ca; thơ Ký Ưc dòng đời và thơ trong Thánh nhạc thánh ca. Vào đề của Linh mục Vĩnh Sang. Bạt của học giả Hoàng Xuân Việt. Nxb. Tôn Giáo, Đông Phương, 2009. Bìa của Mt. Đoàn Minh.
- CHUNG MỐI ĐỒNG CẢM. Cảm nhận của nhiều tác giả, 2009.
- QUỲ TRƯỚC ĐỀN VÀNG. Thơ. Vào đề của Đức Tổng giám mục Huế, Tê pha nô Nguyễn Như Thể. Bạt của nhạc sỹ Phan xi cô, nxb. Tôn Giáo, 2010. Bìa của Quốc Dũng.
- VĂN HỌC CÔNG GIÁO VIỆT NAM - NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG. Biên khảo Lịch Sử Văn Học Công giáo Việt Nam từ khởi thủy (thế kỷ XVI) đến hiện đại. Vào đề của Đức Giám mục Micae Hoàng Đức Oanh, Giám mục giáo phận Kontum, Chủ tịch Ủy Ban Loan Báo Tin Mừng của Hội Đồng Giám mục Việt Nam, nxb. Từ Điển Bách Khoa, 2010. Bìa của Quốc Dũng.
- NHƯ HƯƠNG TRẦM BAY LÊN. Biên khảo về Hàn Mạc Tử. Hợp soạn với Võ Long Tê và Phạm Đình Khiêm, 2010. Bìa của Phan xi cô.

- NHÃ CA LA VANG. Tuyển tập thi ca về Đức Mẹ La Vang (1901-2014). Hợp soạn với Trần Quang Chu, 2011. Bìa của Quốc Dũng.
- GẶP GỠ NHỮNG DÒNG SÔNG. Tập bút, nxb. Tôn Giáo, 2012. Bìa của Nguyễn Hà.
- VỀ BÊN MẸ - VÀO ĐỜI - NÓI VỚI NHỮNG NGƯỜI ĐANG YÊU. Bút ký, tâm tình với khách hành hương La Vang (1998-2014). Giáo trình giảng dạy các lớp Vào Đời, Nhân Bản và Giáo Lý Hôn Nhân (1988-2016) tại các nhà thờ giáo xứ tại Sài gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Xuân Lộc, Đà Lạt, Bình Dương, Long Xuyên, Nha Trang, Qui Nhơn, Huế...
- LỜI TỰ TÌNH CỦA BÊN TRẦN GIAN. Thơ. Vào đề của Nguyễn Quang Thiều, nxb. Tôn Giáo, 2012. Bìa của Nguyễn Hà.
- ĐỘI ƠN LÒNG CHÚA BAO DUNG. Thơ, 2012. Bìa của Nguyễn Hà.
- LỜI KHẤN NHỎ CHIỀU CHÚA NHẬT. Thơ, nxb, Tôn Giáo 2012. Bìa của Nguyễn Hà.
- VỀ CÔI TRỜI MỆNH MANG. Thơ, nxb. Tôn Giáo, 2012. Bìa của Nguyễn Hà.
- HÀNH TRÌNH MỘT TRĂM NĂM (1908-2008) BÁO CHÍ CÔNG GIÁO VIỆT NAM. Biên khảo về Lịch sử Báo chí Công giáo Việt Nam từ khởi thủy đến hiện đại. Giới thiệu của Đức Giám mục Giuse Vũ Duy Thống, Giám mục giáo phận Phan Thiết, Chủ tịch Ủy Ban Văn Hoá của Hội Đồng Giám mục Việt Nam. Bìa của Phạm Lê Thụy Nhi, 2008-2012.



- NỬA VÒNG TRÁI ĐẤT VỪA XA VỪA GẦN. Tập bút du ký Hoa Kỳ, nxb Tôn Giáo, 2014 bìa của Nguyễn Hà.
- ƠN ĐỜI MỘT CÔI MÊN MANG. Thơ, nxb Tôn Giáo, 2014. Bìa của Nguyễn Hà.



- ĐỒNG DAO NƯỚC TRỜI. Tuyển tập Thơ và Nhạc với Nhạc sỹ Hồ Đăng Tín, nxb Tôn Giáo, 2014. Bìa của Quốc Dũng.
- VỀ VĂN CA NGÂM CÔNG GIÁO VIỆT NAM. Biên khảo, nxb Đồng Nai, 2015. Bìa của Nguyễn Hà.

Sẽ xuất bản:

- Quê Người. Thơ.
- Dân Hoa Toàn Tập. Biên khảo.
- Lục Bát Thương Hồ. Thơ.
- Dặm Dài Nghêu Ngao. Thơ.
- Ca Dao Mẹ. Thơ.
- Văn Hoá Lễ Hội Công giáo Việt Nam. Biên khảo.
- Ở Một Cõi Nào. Thơ.
- Tản Mạn Chuyện Văn Hoá Công giáo. Tập bút.
- Lòng Đạo Dân Gian Của Người Công Giáo Việt Nam. Biên khảo.

Người Sông Hoá



*Một thoáng nhìn
vào bộ sưu khảo*

"Ở Thượng Nguồn Thi Ca CGVN"

của Lê Đình Bảng

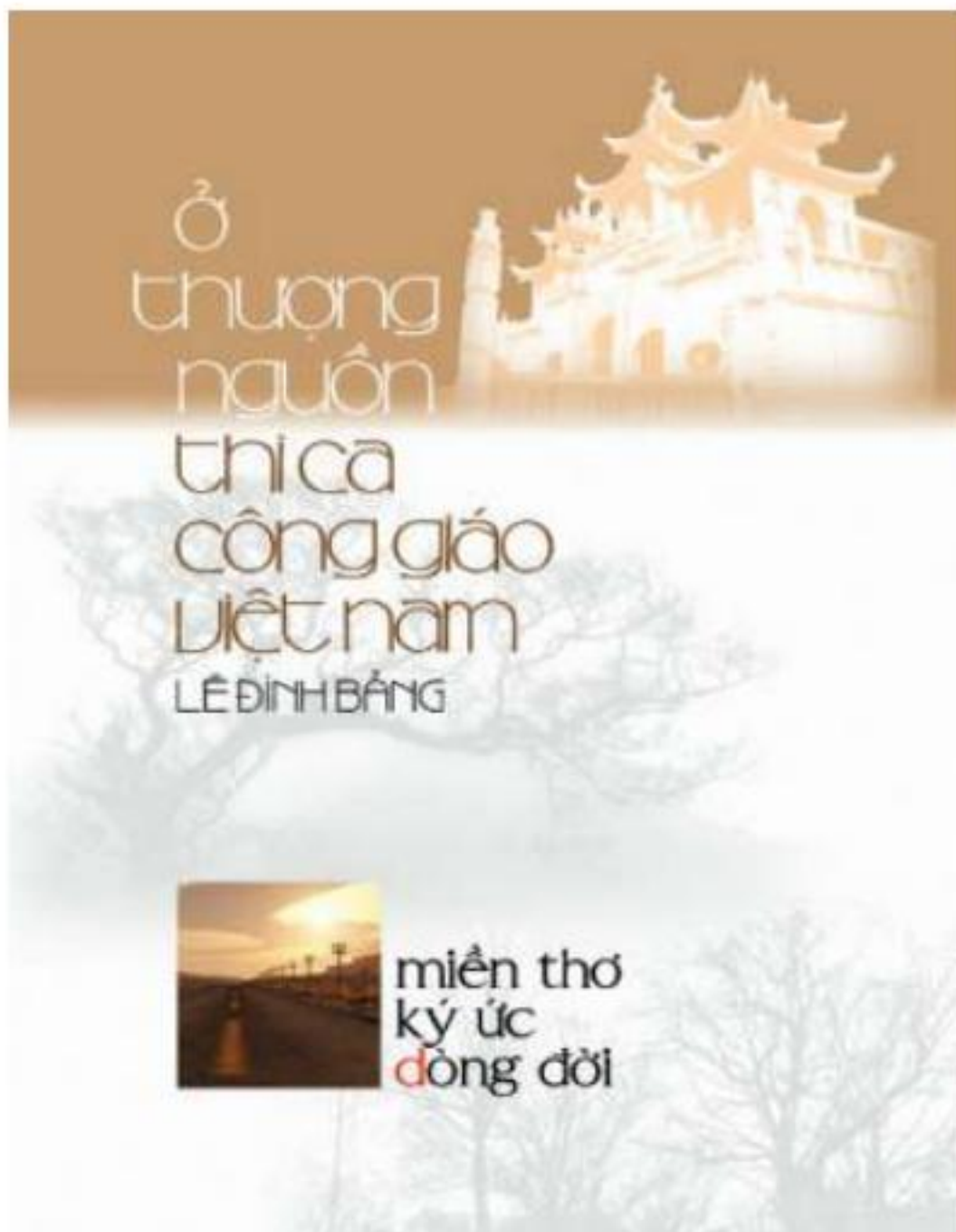
TRẦN PHONG VŨ

Tôi đang có trên tay tập sách trong bộ sưu khảo hơn 4,000 trang, một công trình tim óc lớn của nhà thơ Lê Đình Bảng do tác giả ký tặng. Bộ sách quý có tên chung là *"Ở thượng nguồn Thi Ca Công Giáo Việt Nam"*. Mỗi tập được mệnh danh là một *"Miền"* dưới cái dù kẻ trên:

Đó là Miền Thơ Phúc Âm Diễn Ca, Miền Thơ Ký Ưc Dòng Đời, Miền Thơ Huấn Ca, Miền Thơ Trong Kinh Nguyên, Miền Trong Thánh Nhạc Thánh Ca, và Miền Thơ Kinh Cầu Nguyên.

Thứ tự này không thấy tác giả chỉ ra mà do người viết dựa vào cách xếp đặt của Linh Mục Vĩnh Sang là bút danh của

cha Phạm Trung Thành, nguyên Bề Trên Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam trong Lời Tựa của cha được tác giả đưa vào đầu mỗi tập (*hay mỗi miền*).



Trong bài viết giới hạn này, chúng tôi không có tham vọng đào sâu vào nội dung để khai quật được những giá trị tiềm tàng trong tác phẩm biên khảo đồ sộ và đa dạng của tác giả, một nhà thơ, một nhà giáo đã từng một thời làm

việc chung dưới mái trường Trung Học Nguyễn Bá Tòng, Sài Gòn ngọt nửa thế kỷ trước.



Giáo Sư Lê Đình Bảng từ VN qua, phát biểu trước Đại hội, phía sau là hình một phần Trường Trung Học NBT Saigon và hai MC. Kim Chúc, Tuyết Lan. (Thanh Phong/ Viễn Đông)

Về hình thức, đây là một bộ sách được chăm chút kỹ lưỡng. Bìa cứng, giấy láng, mỏng nên không quá dày cho mỗi tập, hầu hết đều khoảng 700 trang, được trình bày trang nhã, bắt mắt. Mẫu bìa mang tấm hình nhà thờ đá Phát Diệm với đường nét đẹp cổ kính, truyền thống chụp lúc hoàng hôn, choán $\frac{1}{4}$ góc trên bên phải. Phía dưới nổi bật luồng sáng vàng mặt trời chiều trên mặt hồ. Sâu phía dưới sát góc bìa phải, cuối luồng sáng, nhô ra một mũi thuyền màu nâu đậm có bóng một ngư phủ không rõ mặt, làm nên một độ nặng vừa đủ cho sự quân bằng, cân đối với mảng đen kéo dài gần nửa mặt bìa trước từ trên xuống, nổi qua gáy ôm kín mặt bìa sau.

Mảng đen này được thay đổi nơi bìa trước, bìa sau mỗi miền còn lại, với tông màu đậm đặc: tím, nâu, xanh rêu.... Tất cả toát lên một không khí u trầm, cổ kính, đầy nghệ thuật.

Mở vào nội dung, trước hết người đọc sách ngừng lại gần 8 trang Lời Tựa của Linh Mục Vinh Sang mà cha khiêm tốn ghi là Vào Đề, vừa giản dị vừa thân mật.

Dù gọi tên là gì thì những trang giới thiệu nghiêm túc này cũng mang giá trị thông điệp của những con chữ giúp độc giả làm quen với người khai sinh bộ sách. Nếu không phải là chân dung thật ngoài đời thì thấp thoáng trong đó cũng hé cánh cửa cho người ta thấy được ít nhiều về con người, hành trạng, nhân thân tác giả, và nhất là nội dung tác phẩm.

Nhờ mối liên hệ thân tình với nhà thơ Lê Đình Bảng kéo dài trên ba mươi năm, từ thập niên 70 thế kỷ trước cho tới những năm đầu đệ tam thiên niên, người viết tựa cho bộ sách lớn

này đã bắt gặp rất sớm những ưu tư, trăn trở in hằn trên khuôn mặt –và có lẽ cả trong tâm hồn- tác giả điều cha gọi là ”những món nợ nhân gian, nợ đức tin, nợ văn hóa”

Ngược về quá khứ với thời gian trước sau 30-4-75, Linh Mục Vĩnh Sang viết:

“Những hoảng loạn trong thập niên 70 như một cơn địa chấn chôn vùi bao nhiêu công trình trong quá khứ. Bao nhiêu tài liệu từ các thư viện danh giá một thời ra nằm ngoài phố chợ, Bao nhiêu chắt chiu dành dụm, vì những nhận định sai lầm kể cả của chủ sở hữu lẫn của các tác động bên ngoài, đã cam chịu thân phận bụi tro, vùi lấp tưởng không bao giờ tìm thấy”

Người viết tựa vẽ lại cái cảnh thời buổi đi tìm hạt cơm trong chén ăn hàng ngày cho bản thân, cho vợ con đã khó khăn như thế nào, ấy vậy mà:



Với chén thủy tinh cao cấp – Hạt cơm trắng tròn là hạt cơm ngon,
Sapatkitchen.vn

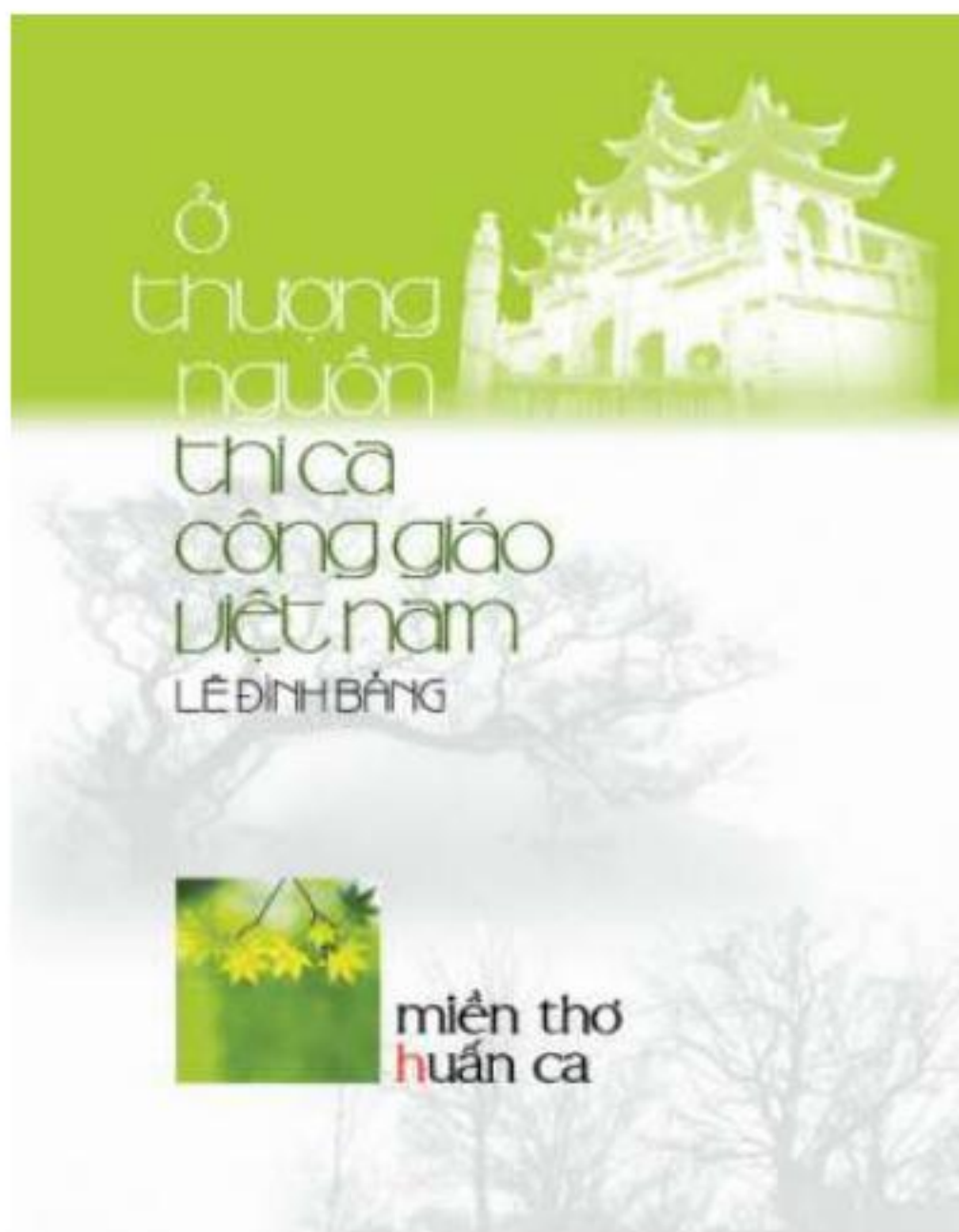
“Tôi đã thấy ông, thấy nhà thơ Lê Đình Bảng ngẩn ngơ trên đồng phế tích như người mất hồn, để rồi sau những dư âm của cuộc địa chấn, ông lại cắm cúi đào bới trong đồng hoang tàn đó để tìm thơ, tìm những gì đang tàn lụi, nhạt nhòa, bị xem thường như những rác rưởi bỏ đi.

Phải thấy cái cảnh ông miệt mài ngày đêm bên những chồng sách báo cũ nát, bất kể thời gian bên ngoài đang trôi đi như thế nào và bất kể thời gian ấy với những nghiệt ngã của nó, ông vẫn đứng đĩnh làm công việc đào bới, gộp gom của mình. Phải thấy ông rong ruổi nơi này nơi nọ, tìm kiếm người này, người kia để truy cho ra những báu vật của kho tàng còn rơi rớt đây đó, bất chấp nắng, bất chấp mưa ông vẫn đi và vẫn tìm kiếm. Ông gọi đó là nợ...”

Nhớ lại những lần gián tiếp gặp nhau trên đường giây điện thoại viễn liên, hay tình cờ diện đối diện như cuộc tao ngộ không hề biết trước nhân đại hội thầy trò cũ trường Nguyễn Bá Tòng năm 2018 ở miền nam California do các cựu nữ sinh trường Nguyễn tổ chức mỗi hai năm một lần, tác giả đã kể vắn tắt cho người viết nghe về những năm tháng sau 30-4-75, miễn cưỡng phải rời bục giảng, đầu đội nón cối, miệng đeo khẩu trang, tối ngày đập xích lô kiếm sống. Và không ngờ rằng đây lại là thời gian ân sủng hiếm quý tạo cơ hội bằng vàng cho anh len lỏi vào những ngõ ngách, xó xỉnh tối tăm, nghèo nàn, những vỉa hè bày bán sách cũ của một Sài Gòn mất tên, để bỗng dưng khám phá ra những viên ngọc quý.

Cầm bộ sách đồ sộ hơn 4,000 trang trên tay. mở đọc Lời Tựa của Cha Vĩnh Sang tôi hiểu được viên ngọc quý ấy là những

tấm ảnh nhạt nhòa, những trang báo cũ, những tập sách hiếm nhàu nát may mắn còn rơi rớt lại sau cuộc phân thư kinh hoàng trong biến cố 30-4-75. Từ đây, như một phép màu, nhờ trái tim, khối óc của một người chưa quên những món nợ nhân gian, nợ đức tin, nợ văn hóa, nhà thơ, nhà giáo họ Lê đã nát óc, đổ mồ hôi chắt chiu gạn lọc, tác tạo thành những miền Thơ, Nhạc, khởi nguyên từ mạch nước mát nơi Thượng Nguồn Thi Ca Công Giáo.



Với một bài viết ngắn vài ba ngàn chữ về một bộ sách đồ sộ để đăng trên một tạp chí do người tín hữu giáo dân thực hiện từ hai thập niên qua ở hải ngoại, tôi tự biết sẽ không thể tham lam trảm mình vào tất cả sáu Miền

“Thơ Phúc Âm Diễn Ca”, “Thơ Ký Ưc Dòng Đời”, “Thơ Huân Ca”, “Thơ Trong Kinh Nguyện”, “Trong Thánh Nhạc Thánh Ca”, “Thơ Kinh Cầu Nguyện”. Vì thế, chúng tôi đành khiêm tốn chọn một *“Miền”* mà chỉ mới lướt qua tiêu đề và những trang đầu, đã vang vọng trong ký ức tôi nhiều kỷ niệm thân thương, thánh thiện từ thuở ấu thơ còn cặm kề bên gối mẹ trong những giờ kinh tối dưới mái ấm gia đình, hoặc những buổi dâng hoa ở nhà thờ trong những tháng Mân Côi. Đó là miền *“Thơ Trong Kinh Nguyện”*. Lý do chúng tôi lựa

“*miền*” này giản dị vì những gì chứa đựng trong đó rất gần gũi với đại đa số độc giả Công Giáo có bề dày đáng nể trong đời sống cầu nguyện. Hy vọng qua bài viết, dù giới hạn vào nội dung một “*miền, độc giả vẫn có thể hình dung được phần nào giá trị của 5 “miền” còn lại.*

Không còn gì chính xác hơn hai từ “*Thơ-Kinh*” (*Kinh nguyện được truyền bá & diễn đọc dưới dạng những vần thơ*) khi nói về những lời kinh nguyện hàng ngày của những thế hệ tín hữu buổi sơ khai kéo dài cho tới những thập niên đầu thế kỷ thứ 20. Dĩ nhiên, với sự chuyển dịch của thời gian qua các thời đại, thơ kinh cũng biến thiên và thay đổi theo với giòng tiến hóa của dân tộc. Nhờ vậy thế hệ tuổi thơ tôi của những năm 30 thế kỷ trước cho đến nay dù đã bước vào tuổi xấp xỉ 90 vẫn nhớ như in trong khối óc mỗi mòn những lời kinh viết theo thể thất ngôn (*bảy chữ*), lục bát (*sáu/tám chữ*), hoặc lục bát gián thất (*một cặp lục bát tiếp theo một cặp bảy chữ*).

Vừa bước vào những trang đầu tập sách, tôi bàng hoàng bắt gặp một trích đoạn những vần thơ bảy chữ, mà vào thời đại tân tiến sau này được diễn thành văn xuôi với nội dung ứng hợp với các ngôn ngữ tiên tiến trong thế giới Công Giáo, để diễn tả tâm tình cầu nguyện của người tín hữu Việt mọi thời qua các mùa Vui-Thương-Mừng quen thuộc.

Mở trang 159 tôi bắt gặp Văn Côi Thập Ngũ Sự Thi Ca của tác giả Phạm Trạch Thiện với 15 sự Vui-Thương-Mừng được diễn thành thơ thất ngôn và bốn câu kết theo thể lục bát cầu xin Đức Trinh Nữ Maria cho mỗi Mùa.

**Mùa Vui:*

1.- Chúa toan cứu chuộc các sinh linh

Sai sứ truyền tin Thánh Tử sinh

Thánh Mẫu dâng mình theo ý Chúa

Chịu thai nguyên vẹn đức đồng trinh

Lạy ơn Đức Mẹ nhân thay

Xin vì sự nhiệm mầu này, rủ thương

Cho con lòng vững đá vàng

Vâng theo ý Chúa mọi đường đừng sai

2.- Isave thánh đà già cả

Chúa định mang thai con cách lạ

Đến viếng thăm con khỏi tội truyền

Con trong lòng mẹ liền mừng tạ

Lạy ơn Đức Mẹ nhân thay

Xin vì sự nhiệm mầu này, rủ thương

Cầu xin Chúa Cả Thiên Đường

Cứu con cho khỏi các đường tội khiên

3.- Bê-lem phong cảnh cực trần ai

Chúa chọn sinh nơi khốn khó thay!

Máng cỏ bò lừa quỳ thờ ắm

Thiên Thần mừng rỡ Chúa ra đời

Lạy ơn Đức Mẹ nhân thay

Xin vì sự nhiệm mầu này, rủ thương

Cho con được ở khiêm nhường

Chớ yêu chuộng sự vẻ vang trên đời

4,- Mẫu Hoàng vâng giữ lời truyền dạy

Đem Chúa vào đền xin chuộc lấy

Thầy Cả xưng ra thật Chúa Trời

Liên xin ẵm lấy cùng thờ lạy

Lạy ơn Đức Mẹ nhân thay

Xin vì sự nhiệm mầu này, rủ thương

Cho con thủ tiết băng sương

Đáng lên hưởng phúc Thiên Đường mai sau

5.- Lẽ rồi con lạc, Mẹ tìm con

Lòng Mẹ ba ngày rất héo hon

Đoạn trở về Đền tìm lại thấy

Con về thảo kính đến khi khôn

Lạy ơn Đức Mẹ nhân thay

Xin vì sự nhiệm mầu này, xuống ơn

Cho con lòng thật ăn năn

Soi gương phúc đức, siêng năng, vâng lời

**Mùa Thương:*

1.- Sự vui qua sự sầu lại kể

Lòng Đức Bà như bể giạt dào

Khi thấy con chịu khốn khó bao

Thì Người cũng phải đau đớn hết

Chứa vào câu nguyện trong vườn Giết

Thấy tội loài người lòng thảm thiết

Máu lộn mồ hôi đổ tóa ra,

Phó mình vào nộp tòa quan xét

Lạy ơn Đức Mẹ nhân thay

Xin vì sự nhiệm mầu này, thấm thương

Cho con lòng vững đá vàng

Chịu nhiều sự khó Chúa thường định cho

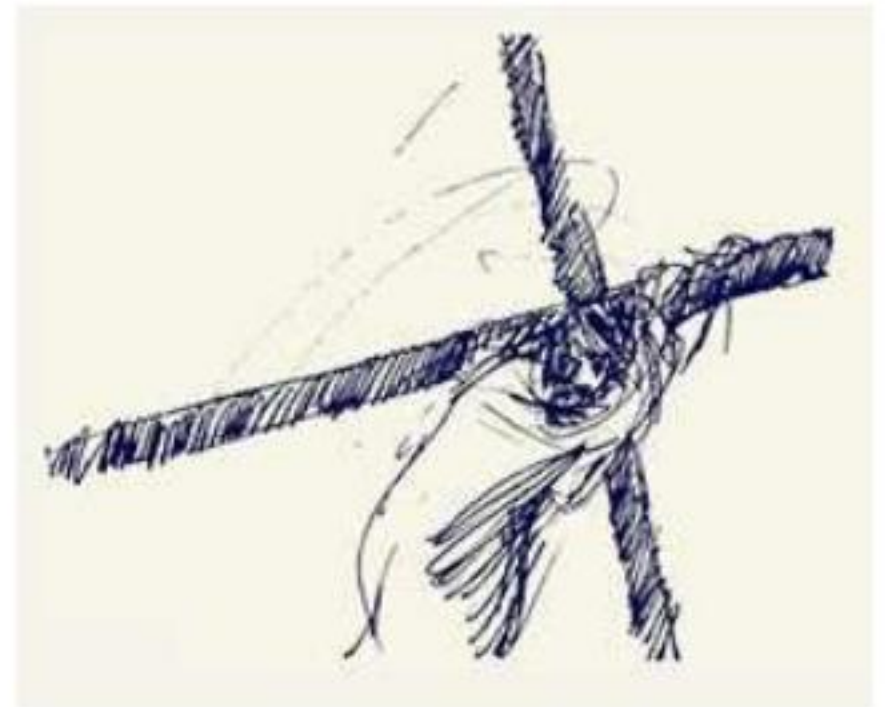
2.- Chịu khốn đau đêm rất nhuốc nha

Sáng ngày, dinh trấn giải vào tra

Dạy đưa cột đá đem dây trói

Đánh cả và mình thịt nát ra

Lạy ơn Đức Mẹ nhân thay



Xin vì sự nhiệm mầu này, thâm thương

Soi cho con mọn biết đường

Trách mình vì tội đã thường phạm liên

3.- Mặc cho áo đỏ như Vua giả

Đầu đội mào gai thấu suốt cả

Máu chảy ròng ròng mặt chứa chan

Lại quỳ gối nhạo, giơ tay vả

Lạy ơn Đức Mẹ nhân thay

Xin vì sự nhiệm mầu này, thâm thương

Cho con được đức khiêm nhường

Hằng bằng lòng chịu trăm đường nhục nhạ

4.- Khi quan luận giết, án đà phê

Thánh Giá đem cho vác nặng nề

Đau đớn và đi và ngã xuống

Hung đồ buộc cổ kéo lôi đi

Lạy ơn Đức Mẹ nhân thay

Xin vì sự nhiệm mầu này, thâm thương

Giữ con đừng để ngang tàng

Cứ nương Thánh Giá theo đàn Chúa đi

5,- Thảm thay xô ngã trên Thánh Giá!

*Kéo dẫn chân tay đánh đống cả
Chúa chịu đền thay hết tội đời
Mẹ như dao sắc thấu qua dạ
Lạy ơn Đức Mẹ nhân thay
Xin vì sự nhiệm màu này xuống ơn
Tha con khỏi các nợ nần
Khi hồn lìa xác khỏi quân giặc thù*

Mùa Mừng:

*1,- Sự thương khó đã qua khỏi lúc
Những sự mừng bỗng chốc tiếp theo
Vì các ơn rất cả, rất nhiều
Đức Mẹ được, kể sao cho xiết
Xác quàn hang đá khỏi ba ngày
Sống lại uy nghi sáng láng thay!
Đức Mẹ thấy con, mừng quá bội
Tông Đồ mặt ủ, bỗng nên tươi
Lạy ơn Đức Mẹ nhân thay
Xin vì sự nhiệm màu này, đoái thương
Cho con sạch tội mọi đàng*

Cùng tin mọi sự tỏ tường ngày sau

2.- Cứu chuộc Chúa đã xong mọi sự

Dặn dò Thánh Mẫu cùng đệ tử

Khuyên còn ở lại Chúa lên Trời

Bên hữu Đêu Cha tòa Chúa ngự

Lạy ơn Đức Mẹ cam thay

Xin vì sự nhiệm mầu này, đoái thương

Cho con lòng mến Thiên Đường

Hằng hằng ra sức tìm đang để lên

3.- Thánh Mẫu, Tông Đồ hội họp nhau

Thánh Thần lười lửa xuống trên đầu

Soi cho biết tiếng muôn vàn nước

Ban sức thiêng liêng giảng Đạo Mầu

Lạy ơn Đức Mẹ cam thay

Xin vì sự nhiệm mầu này, đoái thương

Cho con sức mạnh vững vàng

Xưng ra Đạo Thánh sửa sang trong ngoài

4.- Nữ Vương đến tuổi đầy ơn phúc

Thánh Tử, Thiên Thần đều xuống rước

Hồn xác lên Trời rất tốt lành



Hưởng muôn ơn phúc, ai suy được?

Lạy ơn Đức Mẹ cam thay

Xin vì sự nhiệm màu này, đoái thương

Đến cơn nhất đán phi thường

Cho con khỏi mắc chước phùng Satan

5.- Chúa Cả Ba Ngôi thương Nữ Vương

Ngự trên Thân Thánh nước Thiên Đường

Ban quyền coi sóc loài người thế

Làm Mẹ cầu bầu để Chúa thương

Lạy ơn Đức Mẹ cam thay

Xin vì sự nhiệm màu này, xuống ơn

Cho con lòng giữ trung cần

Đáng lên châu chực hưởng phần phúc riêng

Những dòng chữ nhảy múa trong mắt tôi.

Tôi không đọc. Nhưng từ sâu thẳm của linh hồn tôi nghe âm vang những lời kinh từ môi miệng mẹ tôi, các chị tôi như những tiếng nhạc trầm bổng vọng về từ một dĩ vãng xa xăm.

Điều kỳ diệu là cho đến nay, ở tuổi ngót 90, tôi vẫn còn nhớ khá nhiều.

Thái Bình, quê tôi vốn chịu ảnh hưởng nhiều bởi Dòng Thánh Đa Minh, nên đa số những tín hữu phái nam, trong đó thân phụ tôi và bản thân tôi đều chọn Thánh Đa Minh (Dominique) làm bổn mạng. Vì thế, công trạng của vị Thánh này đã đưa vào kinh nhật tụng qua bài thơ dài bảy chữ, phân đạo đầu cho tràng chuỗi Mân Côi.

*“Vườn Rosa bao quanh trái đất,
Cảnh thiên nhiên thật rất diệu huyền
Thử truy cùng cho đến căn nguyên
Xem ai đã gây nên vậy tá?
Bởi ông Thánh Đa Minh Cha Cả
Thấy ruộng thiêng cỏ rả mê man
Người lo buồn nguyện ngắm kêu van
Xin Đức Mẹ cực khoan thương đoái
Đức Mẹ thương xuống ơn rộng rãi,
Trao tràng châu truyền hãy giảng khuyên...”*

Mở vào những trang 129/130, lập tức ký ức tôi sống dậy những buổi chiều vào tháng 5, tháng Đức Mẹ, theo các chị tới họ đạo Kính Danh thuộc Giáo Xứ Đông Thành, Tiền Hải, Thái Bình quê nội tôi, (hoặc theo bà ngoại, các chị họ thuộc Giáo Xứ Trung Đông, cách Đông Thành khoảng 3 cây số, gần 2 dặm) coi đoàn Nghĩa Binh nữ tập Dân Hoa mừng kính Đức Maria.

“Đền vàng quỳ trước dâng hoa,
Trông lên tháp bảo thấy tòa ba ngôi.
Mười hai nhân đức gương soi,
Kính dâng Đức Mẹ đời đời ngửa trông”

....

“Đức Bà thờ Chúa một bệ,
Hoa Quỳ chăm chăm hướng về thái dương.
Tội nguyên không nhiễm khác thường
Hoa Sen trên nước chẳng vương bùn lấm
Lòng đầy Thánh Sủng giáng lâm,
Hoa Lê tuyết đượm mùi thơm khác vời...”

Qua những trang sưu khảo về tác giả Phêrô Phạm Trạch Thiện, tức cụ Cử Thiện, quê làng Cốc Thành, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, tác giả bàn sâu vào nguồn gốc văn dâng hoa kèm theo những đoạn trích dẫn trên đây, hoặc văn kinh cầu Đức Bà:

“Mẹ như sao ngự giữa trời
Chính bên phương bắc các ngôi sao châu

...

Kéo con lạc lối, sa vào trầm luân...”



Truy tầm danh tính tác giả bản kinh cầu chữ (*Nho*), tức Kinh Phục Dĩ còn được gọi là “*Cảm Tạ Niệm Từ*”, tác giả đề cập danh tính một Linh Mục mà bản thân tôi không chỉ nghe danh mà còn quen biết cha. Đó là Linh Mục Giuse Maria Phạm Châu Diên,

thuộc địa Phận Bùi Chu tác giả bài Hồn Thơ Công Giáo được in trong sách Toàn niên Kinh Nguyên. Tuy sinh quán huyện Tiên Hải thuộc địa phận Thái Bình, nhưng thuở nhỏ tôi từng ở trong Ký Túc Xá tiểu chủng viện Trung Linh thuộc Giáo Phận Bùi Chu mấy niên khóa nên quen biết nhiều Linh Mục, trong số ngoài cha Diên còn có các cha Trần Đức Huynh, Trần Đức Huân, Trần Văn Hiến Minh, Đỗ Quang Chính, Đỗ Đình Tiệm v.v... Tôi cũng thân với ông Minh Châu Đỗ Viết Phúc, chủ bút tạp chí Thời Mới mà nhà thơ Lê Đình Bảng có đề cập trong bộ sách của ông (*sau năm 1954 ông Đỗ Viết Phúc đăc cử vào Quốc Hội Lập Hiến thời Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam*). Tôi cũng là tác giả có nhuận bút một số bài thơ Công Giáo đăng trên tờ Thời Mới trong những năm 1950/53.

Ngoài chứng từ của cha Maria Giuse Phạm Châu Diên, tác giả còn tham khảo thêm nhiều tư liệu khác để đưa tới kết luận: chính cụ Cử Thiện cũng là tác giả Kinh Phục Dĩ, một

bản kinh chữ Hán viết theo thể văn tế. Sau đây là trích đoạn một số câu trong đoạn đầu:

“Phục dĩ

1/ Chí tôn chân Chúa cứu trùng cao ngự chi thiên

Khả tiêu phạm khu vạn vạng hữu sinh chi địa

2/ Chiếu lâm bất sáng. Phú tái vô tư

3/ THÂN ĐẲNG THIẾT DUY

Linh giác tiên nguyên. Hồng mộng thủy phán

4/ Tổng huyền khu nhi tạo hóa: Tri diệu pháp dĩ thi hành

5/ Sinh thiên, sinh địa, sinh nhân, cập vật giả. Thánh Phụ chi năng toàn

Thụ khổ, thụ nạn, thụ tử, giáng thế giả. Thánh Tử chi duy nhất

6/ Chí nhược linh hồn sung mãn - Sử tri đức nghĩa phú siêu

7/ Hiện hách Thánh Thân; uy linh hiện hóa

8/ Phán nhiên vị tam tuy dị. Hợp chi thể nhất tương đồng

9/ Nhất trí, nhất hiếu, nhất năng, đồng công vô gián, chí thiện, chí nhân, chí mỹ, thậm thị linh thông

10/ THIẾT NIỆM LINH HỒN (Mỗ)

Tự tông, sinh tiên: Chí kim tử hậu

.....

Kinh Phục Dĩ (*Cảm Tạ Niệm Từ*) nguyên văn chữ Hán được phiên âm tiếng Việt. Trên đây là 10 câu đầu trong số 29 câu theo cách sắp xếp của tác giả bộ sách. Ngoài phần phiên âm, anh còn đưa vào sách nguyên bản chữ Hán kèm theo bản diễn nghĩa, đây là chưa nói tới việc tác giả còn cẩn thận ký âm cách đọc của người xưa bằng những khuôn nhạc, không chỉ riêng cho Kinh Phục Dĩ mà cho hầu hết những kinh thơ khác. (*Đây là phương cách duy nhất giúp người quốc hoặc giới trẻ Việt sau này muốn biết về cách phát âm đặc thù của giáo dân hồi đầu thế kỷ 29*). Ngoài ra, Kinh Phục Dĩ còn được các thức giả đương thời diễn nôm theo vần thơ lục bát mà người bình dân quen gọi là Kinh Cao Sang. Dưới đây là mấy câu đầu.

”1.- *Lạy ơn Thiên Chúa cao sang,*

Chín tầng ngự trị Thiên Đàng liên liên.

Loài người mọn mảy phàm hèn,

Cùng chung muôn vật ở trên địa cầu

2.- *Tính thiêng soi thấu khắp thân*

Suốt thông mọi sự lâu lâu không sai

Rất công chẳng chút riêng ai

Khắp hòa che chở chẳng ngoài càn khôn

3.- *Chúng tôi chút phận riêng con*

.....”

Những mộc bản minh họa bìa sách của các tác giả xưa cũng được nhà thơ Lê Đình Bảng làm phóng ảnh để trình bày kèm trong các tác phẩm của các vị ấy.

Các tác giả được trích dẫn trong miền “*Thơ Trong Kinh Nguyễn*”, ngoài cụ Cử Phạm Trạch Thiện, còn có Thầy Giảng Phan Chi Cô, Lm. Giuse Vũ Đức Trinh, Lm. Giuse Vũ Ngọc Bích, Lm. Giacôbê Đỗ Minh Lý.

Cuối cùng là Phần Phụ Lục 1 và 2 trong đó tác giả tản mạn về nhiều đề tài khác nhau. Từ chuyện hội nhập văn hóa dẫn khởi qua góc nhìn bác học với những tư liệu Hán Nôm viết về Công Giáo Việt Nam tới những ca, vè, vãn, những câu ca dao, tục ngữ của giới bình dân mà nội dung nói lên niềm tin của người tín hữu Chúa Kitô. Thí dụ

❖ Về đôi nhân xử thế có những câu:

Rộng rãi, Chúa đãi của cho / So đo, Chúa co của lại

Mặc ai chuốc lợi mua danh / Còn ta học đặng Đạo lành thì thôi

Thiên đàng, địa ngục đôi quê / Ai khôn thì về, ai dại thì xa

❖ Về niềm tự hào là con nhà có Đạo:

Anh em bốn bể còn xa / Cùng chung một hội Y-Ghê-Xa mới gần

Thứ nhất đền Thánh Phapha / Thứ hai Cửa Bạng / Thứ ba Thần Phù

Con Đức Bà là con nhà Thiên quốc

Con Đức Chúa Trời là con Nước Thiên Đàng

❖ Về các lễ hội trong năm:

Ba Vua, lễ nén, Tết đến sau lưng

Chúa Nhật lễ lá, ném đá, Phục Sinh

Tháng Giêng ăn Tết ở nhà

Tháng Hai ngắm đống, tháng Ba ra mùa

Tháng Tư tập trồng, rước hoa

Đốt đèn, làm tạm, châu giời tháng Năm



Trong Phụ Lục 2, tác giả ghi lại nội dung những bản Kinh cần thiết cho đời sống cầu nguyện của người tín hữu Chúa Kitô, trong đó có những kinh cả cũ lẫn mới nhưng rất quý đối với nhiều người mà vì một lý do nào đó, thí dụ với bà con giáo hữu trong nước vì những cấm đoán của nhà cầm quyền CS lâu ngày không đọc, khi có cơ hội, muốn đọc nhưng không còn nhớ. Riêng với bà con di tản ra hải ngoại, vì tản mát nơi xứ lạ quê người, kinh sách không mang theo, sau khi ổn định cuộc sống nhớ lại những kinh thường cùng vợ con đọc trong gia đình nhưng chỉ nhớ mang máng, câu được câu chăng... nay nhờ tập sách mà có được những bản kinh cần thiết.

Trước khi kết thúc bài đọc sách kiểu “*cưỡi ngựa xem hoa*” này, chúng tôi xin ghi lại đây những tác giả đã có tác phẩm được nhà thơ họ Lê đưa vào từng tập (*miền*) trong bộ sách dày hơn 4,000 trang của ông.

❖ Miền Thơ Phúc Âm Diễn Ca.- Lữ-Y-Đoan, Tổng Viết Toại, Mai Lâm, G. Gagnon, Trần Đức Huân, Nguyễn Thế Thuần, Long Giang Tử, Nguyễn Xuân Văn, Đinh Cao Thuần, (*Xuân Ly Băng, An Sơn Vị, Cao Vĩnh Phan, Phạm Xuân Thu, Lê Quang Trình, Kim Chi...*)

- ❖ Miền Thơ Ký Ước Dòng Đời. Philipê Bình, Nguyễn Trường Tộ, Đặng Đức Tuấn, Petrus Ký, Paulus Của, Nguyễn Hữu Bài, Mai Lão Bạng, Nguyễn Bá Tòng, Nguyễn Văn Bình, Lê Quang Oánh, Nguyễn Ngọc Quang, Nguyễn Quang Tuyền, Lê Vĩnh Khương, Trần Thanh Khâm...
- ❖ Miền Thơ Huân Ca.- Thánh Philipphê Phan Văn Minh, Trần Lục, Hồ Ngọc Cẩn, Trần Văn Trang, Lê Thiện Bá, Trần Văn Thi, Đoàn Văn Hàm, Phạm Đình Tụng...
- ❖ Miền Thơ Trong Thánh Nhạc Thánh Ca.- Cha già Vượng, Phaolô Qui, Phaolô Đạt, Hồ Ngọc Cẩn, Nguyễn Văn Vinh, Hải Linh, Hùng Lân, Ngô Duy Linh, Hoài Đức, Tâm Bảo, Thiên phụng, Trinh Cát, Tiến Dũng, Nguyễn Khắc Xuyên, Hoài Chiên, Phương Linh, Huyền Linh, Chính Trung, Hoàng Kim, Vinh Hạnh, Viết Chung, Nguyễn Duy Vi, Duy Ân Mai, Hoàng Diệp, Trịnh Văn Cẩn, Nguyễn Khắc Tuấn, Hoàng Ngô... *(Chưa kể những tên tuổi đương đại như Nguyễn Văn Hòa, Kim Long, Xuân Thảo, Hải Triều, Ân Đức, Ngọc Linh, Oanh Sông Lam, Minh Kông, Mi Trâm, Phanxicô Dao Kim, Văn Chi, Nguyễn Duy, Anh Tuấn, Duy Thiên, Thế Thông, Phạm Liên Hùng, Thành Tâm, Vũ Khởi Phụng, Tiến Lộc, Trâm Hương...)*
- ❖ Miền Thơ Kinh Cầu Nguyện.- Nguyễn Văn Thích, Đỗ Đình, Hàn Mạc Tử, Bàng Bá Lân, Phạm Đình Tân, Bùi Tuấn, Hồ Dzếnh, Nguyễn Duy Diễm, Vũ Đình Trác, Ngọc Minh, Trần Thị Hoa, Huỳnh Thị Kim Hải, Lê Minh Bình Dương, Trăng Thập Tự, Đơn Phương, Nguyễn Tâm Thường, Mai Đình, Bạch Lạp, Trương Đình Hoè, Quách Thoại, Nhất Tuấn, Lê Khánh...

Trân trọng

*Nam California, ngày Lễ Các Thánh năm 2019 – TPVũ
(Diễn Đàn Giáo Dân số 2017, 12.2019)*



Trong một dịp trao đổi qua email, tôi hỏi tác giả muốn nhắn gửi gì với bà con tín hữu độc giả nguyệt san

Diễn Đàn Giáo Dân, nhà thơ Lê Đình Bảng hồi âm cho tôi mấy dòng sau đây:

Tạ ơn Chúa. Cảm ơn Anh. Tôi, chỉ xin có vài gợi ý nhỏ sau đây:

1. *Được ra mắt, làm quen và kết thân với độc giả Diễn Đàn Giáo Dân nói riêng, và bà con người Mỹ gốc Việt CG tại đây cũng như ở hải ngoại khắp nơi, là niềm hân hạnh cho tôi.*
2. *Trọn bộ tác phẩm này - bộ sách 6 Quyển hơn 4.000 trang - và 25 tác phẩm khác, đều có nội dung “sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu và giới thiệu Lịch Sử, Văn Học Công Giáo Việt Nam từ khởi thủy đến hiện đại”. Sách đã xuất bản, phát hành rộng rãi, bày bán tại các Nhà Sách Công giáo tại Việt Nam, từ 1996.*
3. *Do đó, nếu quý vị muốn có, chúng tôi xin Quý vị vui lòng liên lạc với Nhà Sách Đức Mẹ, 38 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Sài Gòn (**Dòng Chúa Cứu Thế**) ĐT.38439540 và 38438607; Email: nsachdcct@gmail.com. Hy vọng trong nay mai, chúng tôi sẽ có đủ điều kiện phục vụ Quý vị ngay trên đất nước này.*

Trân trọng.

francis assisi Lê đình bảng.



Đinh Ngọc Oanh



Văn học nghệ thuật là một hệ hình mỹ học chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng triết học. Vì vậy, cái tôi trong quan niệm triết học ảnh hưởng đến văn chương trong việc tạo lập cái tôi trữ tình. Đó là sự tổng hòa các phương diện:

chủ quan cá nhân; xã hội và thẩm mỹ trong mối tương quan với tác phẩm. Cái tôi trữ tình là trung tâm sáng tạo và tổ chức tác phẩm trữ tình. Nếu quan niệm một tác phẩm trữ tình là một hệ thống với các cấp độ, các kí hiệu thì có thể nói mọi thành tố cấu tạo nên bài thơ, từ biện pháp tu từ cho đến thể

thơ, nhịp và vần điệu... đều nằm trong ảnh hưởng của một trung tâm quy chiếu là cái tôi trữ tình.



Văn chương không chỉ là bức tranh đời sống mà còn là bức chân dung tinh thần của chủ thể sáng tạo. Chủ thể không chỉ là người sáng tạo ra giá trị tinh thần cho tác phẩm mà ở một khía cạnh nào đó còn được xem như phương tiện để nội dung tác phẩm được biểu lộ. Ở những nhà thơ có cá tính sáng tạo độc đáo, dấu ấn thi nhân còn in đậm trong từng hình ảnh, từng từ, từng dòng thơ, bài thơ.

Cái tôi nhà thơ có mối quan hệ trực tiếp và thống nhất với cái tôi trữ tình trong thơ. Nhà thơ là hình bóng trung tâm, là cái tôi bao quát trong toàn bộ sáng tác, có lúc thể hiện trực tiếp qua những cảnh ngộ riêng, giải bày những nỗi niềm thầm kín; có lúc qua cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm trước thế giới thơ. Những sự kiện, hành động, tâm tình và kí ức trong cuộc đời riêng nhà thơ vì vậy in đậm nét trong thơ.

Tuy nhiên, cái tôi trữ tình trong thơ và cái tôi của nhà thơ không đồng nhất. Cái tôi của nhà thơ ngoài đời thuộc phạm trù xã hội học, còn cái tôi trữ tình trong thơ thuộc phạm trù nghệ thuật. Cái tôi nhà thơ là hiện hữu của con người nhà thơ

với dáng vẻ, cử chỉ, điệu bộ và những mối quan hệ xã hội cụ thể; còn cái tôi trữ tình là cái tôi đã được nghệ thuật hóa theo quy luật sáng tạo. Nó thể hiện tư tưởng thẩm mỹ, quan niệm nhân sinh của nhà thơ về thế giới.

Tiếp cận những vần thơ Công giáo của Lê Đình Bảng, Vũ Đức Sao Biển trong lời tựa tập *Hành hương* đã viết: *"Ta có thể tìm thấy trong 'Hành hương' của Đình Bảng niềm tin mãnh liệt vào Chúa Kitô"* [2; tr.9]. Dưới góc nhìn của Vũ Đức Sao Biển, Đình Bảng là một nhà thơ cuu mang trái tim nhạy cảm, *"căng lên như một sợi dây đàn lên đúng độ cao, chỉ cần một cơn gió thoảng nhẹ là rung lên thành âm tơ"*. Nguyễn Quang Thiều, Phó chủ tịch hội Nhà văn Việt Nam trong Lời tựa Lời tự tình của bên trần gian của Đình Bảng chia sẻ chân thành: *"Trước khi đọc tập thơ này, tôi nghĩ có lẽ mình sẽ đọc những câu thơ, bài thơ minh họa cho một số điều trong Kinh Thánh,... nhưng ý nghĩ ban đầu của tôi đã sai. Nhà thơ Lê Đình Bảng đã không làm như vậy, bởi ông thực sự thấu hiểu chốn cao xanh kia và nơi mặt đất này"* [3; tr.5]. Với Nguyễn Quang Thiều, thơ Đình Bảng rẽ một cõi riêng hướng về nẻo nhân sinh từ mạch chung dòng thơ Công giáo truyền thống; với Vũ Đức Sao Biển, những dòng thơ ấy là điệu rung của một trái tim *"nhạy cảm"* đang độ *"căng lên"*. Hai cái nhìn của hai nhà phê bình về một đối tượng bổ sung cho nhau, như một điểm tựa giúp người nghiên cứu khám phá ra cái tôi trữ tình trong những vần thơ Công giáo Đình Bảng. Phải chăng vốn sống và tuổi đời của Đình Bảng đã trở nên chất liệu cho thơ ông có hơi hướm hiền triết? Đặt vấn đề như vậy bởi tuy là thơ Đạo, một thể loại xưa nay vẫn thường được coi là *"dễ cảm"*, nhưng ở thơ Lê Đình Bảng lại có những bài như thách đố người đọc nếu muốn đụng chạm đến tầng sâu mĩ cảm.

Vì lẽ đó, có thể nói *cái tôi trữ tình trong thơ ông chẳng như một mỏ than lộ thiên vừa đọc đã thấu, vừa nghe đã cảm. Đó là một cái tôi ẩn dưới lớp kí hiệu ngôn từ cần những thao tác giải mã lịch sử và văn hóa ở một mức độ nhất định.* Chọn ba bài thơ trong tập Hành Hương: *Tháng Giêng Ở Vùng Vịnh, Người Hát Rong Trên Đồng Cỏ, Xuất Hành* làm đối tượng nghiên cứu, dụng ý của người viết hướng đến một cuộc truy tìm cái tôi trữ tình trong ba bài thơ này. Theo chủ quan của người viết sau khi khảo sát các tập thơ của Đình Bảng, cái tôi trữ tình trong ba bài thơ vừa nêu có thể tin tưởng được trong vai trò đại diện cho cái tôi trữ tình trong thơ ông.



- 1) **Cái tôi thấm thía nỗi đau phận người trong Tháng Giêng Ở Vùng Vịnh.** Đặt ba câu hỏi "Sao em không về?" ở ba vị trí trọng yếu của bài thơ: mở đầu, giữa và gần cuối, bài thơ nhuộm màu chất vấn. Mở đầu bằng câu hỏi "Sao em không về?" nhưng "tôi" chẳng phải muốn được trả lời, một chỉ muốn báo cho "em" biết những cơn đau của vùng Vịnh:

"Vùng Vịnh tháng Giêng bão táp

Vùng Vịnh nửa đêm quặn đau theo

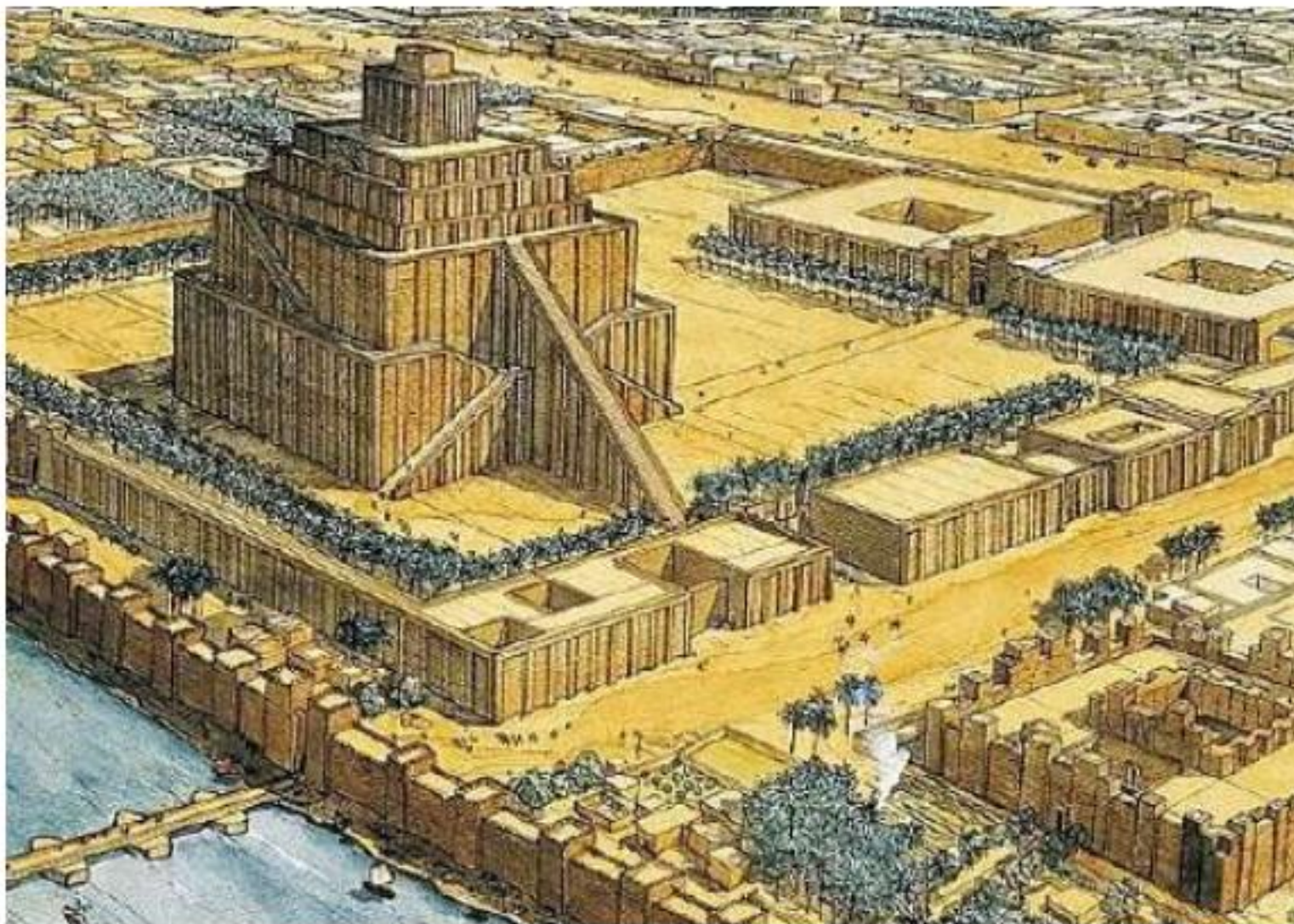
Từng hồi còi báo động

Lưới lửa đầy trời, chòng tỉnh cơn mê?"

"*Vùng Vịnh*" vào một tháng Giêng gặp bão táp, quặn đau, thảng thốt từng hồi còi báo động lúc nửa đêm. Cảnh tượng này dễ mở lối, dẫn dắt tâm trí người ta liên tưởng đến thực tại diễn ra vào tháng giêng năm ấy nơi vùng Vịnh địa lý đời thực - sự kiện chiến tranh năm 1991, một cuộc xung đột giữa Iraq và liên minh do Hoa Kỳ lãnh đạo xoay quanh tranh chấp về "*giếng dầu*" giữa họ. "*Em*" – đại diện cho tính nữ, câu thơ nhìn thực tại chiến tranh dưới góc nhìn tâm lý nữ "*quặn đau*", xót xa, thương cảm, bất ngờ hốt hoảng trước tai họa; không âm hưởng hào sảng, không sục sôi khúc quân hành kiểu "đường ra trận mùa này đẹp lắm".

"Quê em đó, cổ thành Babylon,

Công viên, nhà ga, hàng quán"



Babylon – Thành phố của nền văn minh Babylon –

Bachkhoatoanthu24h.com

"*Em*" là ai? Có phải "*em*" là hồn đất nước, hồn quốc gia dân tộc? Hóa ra cổ thành Babylon là quê quán của "*em*". Từ "*cổ thành*" đưa ta về bầu khí Babylon dưới triều vua

Nebuchadnezzar II hùng mạnh, văn minh trước khi thất thủ bởi vị vua Ba Tư tài trí Cyrus Đại đế. Ngày nay, những gì còn lại của thành phố ban đầu của Babylon cổ đại nổi tiếng chỉ là hoang phế, vắng lặng với vùng đất hoang mạc đầy gió cát giữa hai dòng sông Tigris và Euphrates. Sự hoành tráng, đồ sộ nguy nga của thành cổ Babylon nay trở thành huyền thoại, hậu thế nhắc lại trong nỗi niềm tiếc nuối, còn đâu nữa những công viên, nhà ga, hàng quán,.. Giữa những đổ nát đó,

"Tôi hằng đợi em, ời người thiếu phụ Ninive"



*Dân Ninive tin vào Thiên Chúa – Suy niệm 13-3-2019 –
daminhtamhiep.net*

Hóa ra *"em"* là một *"thiếu phụ"*. *"Thiếu phụ"* thường được hiểu là người phụ nữ trẻ vắng chồng. Nghĩa văn chương còn cho phép liên tưởng rằng người đàn bà, con gái đó bé bỏng đáng thương cần được bảo vệ. Ninive tọa lạc trên bờ đông của sông Tigris, đã từng là thành phố lớn nhất trên thế giới trong vòng năm mươi năm trước khi bị cướp phá năm - 612. Quê *"em"* ở Babylon và *"em"* lại được gọi là *"thiếu phụ Ninive"*. Phải chăng, *"em"* là hiện thân của sự nuối tiếc dĩ vãng *"vang bóng một thời"*. Gặp *"em"*, người ta tưởng như gặp một hoài niệm xót xa.

"Em" có nét gì đó giống với *"Người thiếu phụ"* trong ca khúc cùng tên được ca sĩ Thanh Thúy cất lên như than như khóc, nghẹn ngào nức nở:

"Chiều đã buông xuống dần,

từng cánh chim bay về phương trời xa xăm.

Kìa bóng người thiếu nữ bơ vơ đi trên chiếc cầu băng khuâng..."

Giữa bầu trời rực *"lửa"* tháng Giêng, hiện thực phũ phàng hiện ra với bộ mặt rũ rượi:

"Những vai cầu cúi mặt, khăn sô

Gửi tặng em, một manh áo vải thô,

"Khăn sô" là hình ảnh của khăn tang, chiếc khăn than khóc người thân qua đời. *"Khăn sô"* đi liền với *"vải thô"* trong tư thế *"cúi mặt"* là thông điệp của một nỗi đau ôm trọn vào lòng. Nhã Ca trong tác phẩm Dải khăn sô cho Huế của Nhã Ca cũng đã gửi nỗi đau thương vào hình ảnh *"khăn sô"* như thế. Tháng Giêng năm 1968, trong khi cư dân Huế sửa soạn mừng Tết, thành phố đẹp đẽ bị tàn phá và hàng ngàn người chết. Dải khăn Sô Cho Huế kể lại những chuyện đã xảy ra trong cuộc Tổng công kích dữ dội của miền Bắc Việt Nam. Nhã Ca đã viết tác phẩm như *"một bó nhang đèn góp giỡ"*. Khi sợ hãi mạnh hơn tất cả, con người dường như không còn thiết tha điều gì nữa. Những trái tim son trẻ bỗng trở nên già cỗi: ***"Phong kín nửa mùa chẵn gối"***.

Nỗi niềm tiếc nuối trên quê hương vùng Vịnh *"tôi"* gửi cho *"em"* hiện ra thật rõ nét:

"Đã đi qua một tháng Giêng làm lỗi

Ôi tháng Giêng, tháng Giêng xanh mướt

mái đôi cổ non

Khâm liệm dưới mặt hồ lệ đá!"

Tháng Giêng – tháng đầu tiên trong năm, biểu hiện cho sự tinh khôi của đất trời, nhưng sao lại là "tháng Giêng làm lỗi". Tháng Giêng xanh mượt dưới đôi cổ non lại bị khâm liệm dưới "hồ lệ đá"? "Lệ" là từ Hán Việt nghĩa là nước mắt và nói đến đá, người ta nghĩ đến sự vô cảm, lạnh lùng; "Lệ đá" nghĩa là nước mắt của đá. Mái đôi cổ non bị khâm liệm dưới hồ lệ đá diễn tả nỗi đau xót trước những nhót nhúc của yếu tố tinh khôi đến mức đá cũng phải nhỏ lệ. Thả hồn phiêu du chốc lát với ca khúc "Lệ đá" do ca sĩ Khánh Ly thể hiện, ta phần nào cảm được ý nghĩa cơ bản đó:



*"Hỏi đá xanh rêu bao
nhiều tuổi đời*

*Hỏi gió phiêu du qua
bao đỉnh trời*

*Hỏi những đêm sâu
đèn vàng héo hắt...."*

Thở than, kinh hãi tiếp
ngay sau những nuôi
tiếc:

*"ngôi nhà xưa ngó ra
biển cả*

*Chập chờn đầy lũ ma
trời"*

Tìm đâu nữa ngôi nhà tổ quốc dân tộc, đất nước thuở
bình yên ngó ra bờ sông Tigris êm đềm. "Ma" là cái hồn

của người đã chết. "Ma trời" chấp chờn cho thấy một thế giới không còn sức sống con người, thế giới đó đã thuộc về cõi âm, cõi chết chóc. Một cái nhìn rệu rã hiện hình thành thơ: tàn khốc và dữ dội. Chiến tranh đôi khi giết chết con người ta từ trong suy nghĩ. Đâu chỉ có máu và thuốc súng, những tâm hồn rệu rã trong tuyệt vọng, đau thương và chết chóc. Một cảm nhận thật tinh tế giữa bối cảnh này:

"Bốn phía rừng dương tơi tả"

Dương liễu là biểu tượng của chia li, của khổ biệt. Trong văn học trung đại, chỉ một cành dương liễu cũng đủ thể hiện biết bao nỗi sầu muộn trong lòng người đi kẻ ở, vậy mà ở đây hiện lên cả "rừng dương tơi tả" ở cả "bốn phía". Vì vậy bối cảnh bài thơ nhuộm sắc thái "khổ", "thương tâm", "sầu", "cay đắng" đầy ứ bầu trời. Hình ảnh này giữa mạch cảm xúc trở thành biểu tượng nghệ thuật chuyển tải những nỗi niềm của người sống trong cảnh "muôn trùng xa cách".



Hình sưu tầm: voh.com.vn

"Đâu những mẹ già, vợ góa, con cô?"

Và trẻ thơ chưa kịp làm người

Gục chết trong hầm trú ẩn

Đạn nổ bom rơi"

Một tiếng kêu than vô vọng, một dấu chấm hỏi tra vấn kiếp nhân sinh giữa những khốc liệt, dữ dằn, đau thương, mất mát. Những mẹ, vợ và con là hiện thân cho phái yếu, cho những kiếp người khốn khổ cũng chẳng được bom đạn buông tha. Lốp lốp người "gục chết" trở thành những bóng ma, tiếp tục ám ảnh những người đang sống sót với số phận mong manh. Đó chính là đỉnh điểm của bi kịch, của bất hạnh, đến nỗi:

"Người ta xô nhau xuống hố sâu vực thẳm

Ở lứa tuổi đương yêu

Như cây vĩ cầm dở dang nốt nhạc"

Ai xô ai xuống hố sâu cái chết? Đôi phương xô ta hay chính những đồng bào xô nhau để níu lấy mạng sống mình trong bối cảnh khốc hại? Chẳng thể có một nguyên tắc đạo đức nào được tuân thủ trong hỗn loạn chiến tranh như khi ta giảng giải lúc hòa bình. "Ở lứa tuổi đương yêu" - lứa tuổi đẹp nhất đời người cũng không tránh phải hứng chịu cái khốc hại thời cuộc, xót xa như cây vĩ cầm đang rung lên nốt nhạc dở dang phải cắt dây. Đang hướng về kiếp nhân sinh, dòng thơ đột ngột hướng vào thế giới tâm tưởng:

"Tôi vẫn đợi em, từng phút từng giờ,

bồ hòn mặt đắng

Dù đêm đêm

Ô cửa chực chờ"

"*Bồ hòn*" và "*mặt đấng*" đều mang nghĩa đấng cay. Thương vong của cuộc chiến tranh vùng Vịnh ước đoán có đến trăm ngàn người thiệt mạng. Khuôn mặt dòng sông Tigris trở nên dị dạng bởi sự bắt bớ của chất độc chiến tranh. "*Tôi*" giữa "*bồ hòn mặt đấng*", vẫn từng phút từng giờ đợi "*em*", nghĩa là "*tôi*" khao khát thanh bình cho quê hương "*em*", khao khát trong cả tiềm thức.

"Sao em không về

Bản chúc thư chưa ai kịp đọc

Trên nhánh cây vả chết khô

Đêm nay sóng vẫn hò reo từ phía Biển Hồ



"*Chúc thư*" là lời trần trối muốn người sống thực hiện. "*Tôi*" mong "*em*" về để trao lại "*chúc thư*". Vậy hóa ra "*tôi*" đã trở thành chứng nhân của những đau thương. "*Tôi*" có nhiệm vụ trao lại cho em nỗi khát khao của những con người ngã xuống giữa bom đạn. Nhưng chúc thư ấy lại đặt trên một cành cây chết khô, số phận bản chúc thư ấy sẽ ra

sao? "*Sóng vẫn reo từ phía Biển Hồ*" đêm nay, sóng thì chông chênh, chòng chành. Bản chúc thư đi liền với hình tượng sóng phải chăng cũng chung một số phận: vỡ vụn. Tứ thơ phát triển theo mạch hướng về về tương lai:

ơì, còn đâu hò hẹn

Những hạnh phúc sinh hoạt đời thường một thời nắm giữ - thứ mà con người đời nào cũng khao khát, luôn nỗ lực

tìm kiếm, mong mọi tất yếu trong cuộc sống con người. Thế nhưng chiến tranh đã lạnh lùng cướp nó đi.

Bờm ngựa rung mịt mù ải xa

Đâu đây lũ côn trùng, hơi ngạt quanh ta

Tiếng bờm ngựa ở xa xa. Đó là tiếng địch quân hay tiếng dân mình chẳng ai biết được, nhưng chắc chắn không phải là tiếng bình yên. Đó là tiếng chết chóc cùng với "hơi ngạt" sát hại bao kiếp người. Thế nhưng, cái tôi trữ tình vẫn níu giữ một niềm tin bất chấp:

"Tôi vẫn đợi em về

Dù cổng thành Ninive không mở"

Chiến tranh giống như một trận cuồng phong, lạnh lùng cuốn phăng tất cả những gì xuất hiện trên đường đi của nó. Tuổi trẻ, hạnh phúc, mơ ước hoài bão và cả mạng sống con người... bỗng chốc hóa thành hư vô, tang tóc. Cánh cổng Ninive vẫn đóng, lòng người vẫn khép chặt với những tư lợi quốc gia trong cuộc chiến vùng Vịnh, nhưng "tôi" vẫn hằng chờ "em", mãi mòn. "Em" hiện thân của hòa bình vẫn hi vọng trở về trong khao khát của "tôi". Thật vậy, có một cái tôi trữ tình đau đớn trước kiếp người trong Tháng giêng ở vùng Vịnh. Sự chà đạp lên số phận, lên quyền sống con người trong chiến tranh hiện ra giữa những dòng thơ đầy khắc khoải, tứ thơ có lúc nhạy cảm đến nao lòng. Một khát vọng về đời sống thái bình, hạnh phúc cho con người là tiếng nói của cái nhân vật trữ tình, không chỉ qua hiện thực chiến tranh mà cho hết thấy những số phận bất hạnh.

2) Cái tôi hoài niệm đức tin trong Người hát rong trên đồng cỏ

Cái tôi trữ tình trong thơ ca Công giáo truyền thống đã phân hiện ra trong hình hài con chiên ngoan đạo, ý thơ nghiêng về hướng chúc tụng, ngợi khen các vị thần thánh.

"Như song lộc triều nguyên ơn phước cả

Dâng cao dâng thân nhạc sáng hơn trăng

Thơm tho bay cho đến cõi thiên đàng

Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể" [7]



Hàn Mạc Tử trong Ave Maria tựa như một con chiên ngoan đạo đắm chìm trong cầu nguyện với Đức Trinh Nữ, khát khao sống và khát khao được cứu rỗi. Giữa cái nguồn chung thơ đạo, Lê Đình Bảng trong Người hát rong trên đồng cỏ dường như rẽ qua một ngõ nhỏ khác. Dòng thơ ông chan chảy cái khát vọng thành thực, khát vọng của kiếp nhân sinh, hiện sinh. Khi vừa tiếp xúc tựa bài thơ "*Người hát rong trên đồng cỏ*", bạn đọc dễ tưởng đó là một cuộc rong chơi với những vui thú kiếp đời thường. Tuy nhiên, không phải vậy. Ngay những câu đầu bài thơ đã trực trào nỗi khao khát, ước ao:

"Tôi van lơn, lời kinh trầm thống

Xin mặt trời dừng lại bên sông!"

"*Lời kinh*" là kí hiệu của bối cảnh cầu nguyện. Và trong bối cảnh ấy, "*tôi*" cầu xin cho "*mặt trời dừng lại*". "Mặt trời" lên xuống là bước đi của thời gian, phải chăng "*tôi*" đang đặt mình trước đôi bờ thời gian tương lai và quá khứ để hoài niệm về chặng đường lịch sử cứu độ, tứ thơ phát triển từ Cựu ước đến Tân ước cùng với những biểu tượng tôn giáo hiện ra sinh động.

"Hãy lặng thinh, ngôi đền cổ Pharaon

Một nửa cầu vòng vắt ngang biển Đỏ"

"*Ngôi đền cổ Pharaon*" nhắc nhớ về các vị Pharaon Ai Cập cổ đại. Liên quan tới các vị vua này, dân tộc Israel đã được kiên vững niềm tin vào Đức Chúa nơi các phép lạ Đức Chúa làm để cứu thoát dân. "*Biển đỏ*" là chứng nhân hùng hồn nhất biểu dương quyền lực của Đức Chúa ở sự kiện nước dựng đứng như bức tường thành hai bên tả hữu cho Israel đi qua lòng đại dương khô cạn. Biển đỏ hiện ra trong tư thế nằm dưới vòm cầu vòng vắt ngang qua thật kì thú, diễn tả sự đong đầy, tiếp nối của ân sủng. Theo Kinh thánh, loài người đã trải qua một trận đại hồng thủy vô cùng khủng khiếp. Cầu vòng là lời nhắc nhớ của Đức Chúa về lời thề: mãi mãi nước sẽ không bao giờ quét sạch con người và mọi sinh linh khỏi mặt đất nữa. Hoài Thanh trong Thi nhân Việt Nam đã viết: "*Đời sống của cá nhân cần phải vin vào một cái gì đó thiêng liêng hơn cá nhân và thiêng liêng hơn sự sống*" [6; tr.119]. Thật thế, con người cần cơm áo và truyền thống văn hóa để sống cho ra người, người Ngoài những yếu tố đó, niềm tin người Kitô hữu chỉ tròn đầy nhờ những hoài niệm đức tin dọc theo dòng chảy ơn cứu độ, nô nức gọi là suy gẫm các sự kiện Kinh Thánh.

***"Em biết không, đêm qua
con bò vàng vỡ ra như cám
Tôi đợi Người suốt cả mùa đông
Lẳng nghe nhịp lũ sông Nil giục già"***

"Con bò vàng" là biểu tượng của ước muốn, ảo tưởng tự do, nó đã nô lệ hóa Israel một thời khắc nào đó trong sa mạc. Đối với phận người tham sân si, "bò vàng" có sức hấp dẫn của con rắn nhìn con chim con. "Con bò vàng" vỡ vụn cho thấy tình hiền phụ của Đức Chúa có khả năng trấn áp sự mê hoặc của thế gian, miễn là tôi nhẫn nại 7 "đợi Người" giữa những "mùa đông" hồn tôi. Dòng nước "sông Nil" biến thành máu đỏ giết chết toàn bộ cá và khiến cho đất đai bốc mùi tanh tưởi là đại dịch đầu tiên trong mười đại dịch Đức Chúa giáng xuống Ai Cập cổ đại, hòng lay chuyển lòng Pharaon chai đá.

"Sâu Cain, lòng tháp vắng mênh mông"

Cuộc hành hương lần ngược tới tận nguồn sáng thế với bộ mặt Cain. Đó quả là khuôn mặt "sâu", bộ mặt của "kẻ trốn chạy", "kẻ lang thang", bộ mặt của một con người hăng chịu lời nguyên vì đã đổ máu đồng loại, khiến mặt đất bị nguyên. Triết gia Philo giải nghĩa ẩn dụ từ bản Kinh thánh Hy Lạp rằng Cain phải hứng chịu nỗi sợ vô hồn của con người, bản Ngũ Kinh Samari và các bản Targum gọi cảm thức của Cain là "lưu vong và bất ổn". Theo một nghĩa nào đó, mặt đất phải "uống máu của Abel" nên trở thành tiêu sơ tựa "lòng tháp vắng mênh mông". Tình trạng đó kéo dài cho đến khi:

"Jerusalem mưa ngập trắng đồng"

Jerusalem được Thánh Vịnh 86 miêu tả như người mẹ và "Chúa yêu chuộng cửa thành/ Hơn mọi nhà của dòng họ

Giacop". Hình ảnh Jerusalem móc nối hai bờ Cựu – Tân ước. Đứng ở ngưỡng cửa Jerusalem với thái độ cung kính **"quỳ hôn nơi những dấu chân"**, những **"kỷ niệm một thời tuổi mọn"** thật đáng trân trọng. Dòng thơ bước qua một giai đoạn cứu độ của thời Tân ước:

"Khi Người đội vòng hoa phủ kín gai chông

Tôi đợi Người trên những chặng đường xuyên Á"

"Người" là một đại từ thay thế nhưng ở phía trước lại không có tên người được thay thế. *"Vòng hoa phủ kín gai chông"* đã bổ túc cho chỗ khuyết ấy như một dụng ý nghệ thuật. "Người" viết hoa ở đây màu nhiệm và khó nắm bắt khiến "tôi" phải rong ruổi tìm người dọc *"trên những chặng đường xuyên Á"*. Kinh nghiệm này trở nên thật thâm thía:

"Nơi thần tượng buồn rã mục trầm tư

Nỗi đoạn trường đi tìm một nơi cư ngụ

Như trẻ thơ tung tăng ngợi ca

lòng đạo đức tin"

"Buồn rã mục", *"nỗi đoạn trường"* *"tìm một nơi cư ngụ"*, những cụm từ này mang một nghĩa khái quát là sự dãi dầu của tâm trạng. Cảm thức sống kinh nghiệm đức tin của nhân vật trữ tình trong tứ thơ này gần gũi với cảm thức tha hương. Nhưng bởi là một cuộc lữ hành về với Đức Chúa nên nỗi *"trầm tư"* ở đây được nhân vật trữ tình nhìn dưới lăng kính *"trẻ thơ"*, ngợi ca trước ân phúc của Chúa mình:

"Từ vết máu trước cửa nhà mình, từ con sông, giếng thánh".

Sự kiện "vết máu" cứu thoát trẻ thơ Israel bên Ai Cập hay sự cứu thoát khỏi tội nguyên tổ qua phép rửa tội được nhìn nhận như con sông, giếng thánh cho cuộc đời.

"Từ manna, bánh miến, rượu nho

Ước chi tôi được ngồi chung

bàn tiệc tông đồ

Mang dấu tích mỗi dụ ngôn, ân sủng

Ở thượng nguồn, nằm chết như mơ"

Từ sự kiện Manna nuôi dân Chúa trong sa mạc, nhân vật trữ tình liên hệ đến Bánh thánh nuôi linh hồn được ban tặng bởi Đức Giêsu. Ước mơ được ngồi chung bàn việc tông đồ quả táo bạo nhưng diễn tả nỗi lòng thiết tha, khao khát lắng nghe từng "dụ ngôn" và lãnh nhận "ân sủng" của Chúa. Ở thượng nguồn ơn cứu độ, "tôi" mong được "nằm chết như mơ". Ý thơ đẹp đến nao lòng, "chết như mơ" là cái chạm đến vô biên, một sự chạm của trần trụi thực tại tới chân thiện mỹ cao xanh.

"Tôi uống no nê những lời hằng sống

Thuở đất trời vào hội mùa xanh

Khi đôi mắt mở ra long lanh

Em sẽ đọc thấy tên mình

giữa mười hai chi họ"

Nhân vật trữ tình bỗng trở nên hân hoan trong cảm thức no say "lời hằng sống" – lời cứu độ thuở ban sơ Tân ước. Đôi mắt long lanh là hình ảnh đẹp tựa như mắt trẻ thơ, mắt những cô gái xuân sắc. Nhìn ở góc nhìn ấy, "tôi" ngỡ ngàng nhận ra sự độc đáo của ơn gọi mình, trước ân sủng Chúa cũng sánh ngang với các chi họ Asher, Benjamin hay Dan,... của dân tộc Israel

"Cây Thánh giá nở hoa đào rực rỡ

Hãy thả bồ câu bay rợp đèn vàng"

Dưới góc nhìn Kitô giáo, chim bồ câu là biểu tượng của Thần khí thánh hóa, cũng có nghĩa là hòa bình. "Đèn vàng" được hiểu là Giáo hội, Đèn thờ nơi Thiên Chúa ngự. "Cây thánh giá" là biểu tượng Chúa Giêsu cứu độ. Ba hình ảnh thiêng liêng ấy trở thành cội nguồn tiềm thức trong lối sống đạo:

"Em sẽ gặp Người bằng thịt bằng xương

Ngã tư, ngã ba, không ánh đèn đường

Người chột đi chột đến

Như tia chớp lòe Nam Bắc Đông Tây"

"Bên đây bờ Tân ước", một Giêsu đã sống kiếp con người "bằng thịt bằng xương", nhưng "em" vẫn mang tâm trạng của người đứng giữa "ngã ba ngã tư không ánh đèn đường". Lối sống đức tin cần đến những thái độ lựa chọn quả không dễ bởi Đấng mà ta đặt niềm tin "chột đi chột đến" như ánh "chớp" giữa đời ta, thỉnh lạng giữa cuộc đời ta như nốt lặng dài giữa khúc nhạc.

"Nếu có một ngày

Tình cờ em gặp chàng thanh niên tóc bay tiền sử

Áo vải, chân không giữa đám trẻ thơ

Mùa sương sa, em về may áo mới

Gọi mưa trên bờ cuội trắng nhung tơ

Gió sa mạc cơ hồ

Đang thổi mấy chiều hơi nước"

"Chàng thanh niên tóc bay tiền sử" lẽ ra phải xuất hiện trong thiên tình sử kiểu *"Romeo và Juliet"* nhưng đây chàng lại chọn xuất hiện *"giữa đám trẻ thơ"* mộc mạc với *"áo vải, chân không"*. Có một qui luật tự nhiên nào đó bị đảo lộn và chỉ có thể là chàng Giêsu – Đấng *"phận là phận của một Vì Thiên Chúa, nhưng đã hạ mình trút bỏ vinh 9 quang, mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân, sống như người trần thế"*. Thế nên, *"em"* cũng phải *"may áo mới"* trong tinh thần, mới mong hứng được những *"mưa"*, những *"hơi nước"*, mới cảm được về *"nhung tơ"* của *"bờ cuội trắng"* ngay trên sa mạc cuộc đời. Triết lý *"Rượu mới phải đổ vào bầu da mới"* được tỏ bày trong tứ thơ. Thả lòng hoài niệm về những bến bờ in rõ nét dấu ấn lịch sử cứu độ, nhân vật trữ tình bỗng nhận ra chân dung mình trong thực tại:

"Tôi đợi Người

Miệng lưỡi khát khô".

"Khát khô" trong miệng lưỡi xuất hiện ở cuối mạch thơ khiến người đọc liên tưởng đến cái khát của một người treo trên cây thập tự, một nỗi khát vọng khẩn thiết đến đau đớn trong cõi lòng. Dấu chấm kết thúc dòng hoài niệm của nhân vật trữ tình hòa vào nỗi niềm khao khát của Đức Giêsu. Đức Giêsu khát con người và con người khát Chúa. Một sự giao cảm của đất trời thật trữ tình.

3) Cái tôi xốn xang hành hương trong Xuất hành

Trong tiếng La tinh cổ, từ *"hành hương"* thường được dịch là *"ngang qua cánh đồng"*. Vì thế người hành hương là *"người khách lạ"*, *"người lữ hành"*, gặp nhiều thách đố nhưng cũng đầy hy vọng. Thách đố vì cuộc hành hương đòi người ta phải dấn thân, phải dám băng qua những khó khăn về địa lý hay tâm lý. Hy vọng vì

đích đến là nơi người hành hương có thể gặp gỡ tha nhân và Đức Chúa. Trên đường đi, họ hát những bài ca vui tươi như người Do Thái hành hương về Đền Giêrusalem trong các dịp lễ, họ cất cao những bài thánh vịnh:

“Vui đường nào khi thiên hạ bảo tôi

Ta cùng trẩy lên Đền Thánh Chúa!

Và giờ đây, Jerusalem hỡi,

cửa nội thành ta đã dừng chân...” [8]

Xuất hành của Đình Bảng không phải là một chuyến hành hương địa lý nhưng là một cuộc hành hương trong tâm trạng, nghĩa là có diễn biến của chiều sâu tâm lí nội tâm. Xuất hành khởi đầu với những nét buồn:

"Tôi đợi mãi, bốn mùa sương khói ngát

Với tượng buồn và cổ mộ xanh rêu

Đã khép nghìn năm thăm thẳm rừng chiều

Cành rụng cành rơi, vai người thiếu phụ

Một chút nắng, một chút tình xưa cũ"

Những từ ngữ: sương khói, tượng buồn, cổ mộ, rừng chiều, cành rụng, vai người thiếu phụ, chút tình xưa cũ, xét ở nghĩa hàm ẩn đều chuyên chở nét buồn và sầu. Các hình ảnh này dồn dập xuất hiện chỉ trong mấy câu thơ tạo nên một trường nghĩa mang âm hưởng rầu rĩ, rệu rã. Yếu tố thời gian cũng xuất hiện với nhóm từ: bốn mùa, cổ, nghìn năm, xưa cũ. Nỗi buồn được diễn tả ở bề sâu và chiều dài như vậy thì quả là nỗi buồn thăm thẳm của kiếp người "tôi".

"Em còn yêu người du mục lang thang?

Bởi không áo xiêm, ra khỏi địa đàng

Babylon, những chiều đi, cúi mặt"

Nguyên nhân của nỗi buồn đã hiện ra. *"Tôi" hóa thân thành "người du mục" sau cuộc "ra khỏi địa đàng".* Người du mục là người nay đây mai đó, vất vưởng lang thang. Trở thành người du mục bởi bị đuổi ra khỏi địa đàng là hiện thân của ý tưởng tàn tạ. Phải chăng nhân vật trữ tình trong câu thơ mang vác tâm trạng của tội nguyên tổ để than khóc? Bên cạnh vườn địa đàng còn xuất hiện Babylon trong tư thế đi cúi mặt vào buổi chiều, một hình ảnh đắt giá của tứ thơ. Vua Nebuchadnezzar II thời Tân Babylon đã đánh thành Jerusalem và đày ải dân Israel của Đức Chúa sang đế quốc mình làm nô lệ. Đó là một trải nghiệm đau thương về *"liều thuốc đắng"* của Đức Chúa đối với dân Israel, là ngọn roi sửa dạy của Đức Chúa cho dân quay về nẻo chính đường ngay. Ở nơi viễn xứ, dân Israel rầu rĩ khóc than, kêu cầu Đức Chúa với tiếng khóc nỉ non: *"Bờ sông Babylon/ Ta ra ngồi nước nở mà tưởng nhớ Sion/ Liễu rủ ngành soi bóng, ta tạm gác cây đàn"*. Họ nhủ với nhau rằng nếu quên Jerusalem thì *"tay gãy đòn thành tê bại"* và *"lưỡi xương ca sẽ dính với hàm"*. Vì thế, họ hướng về Jerusalem như niềm vui tuyệt đỉnh của tâm hồn và họ thở than, hi vọng nơi Đức Chúa:

"Tại sao con phải than van?"

Hãy tin vào Chúa,

vì con luôn muốn cảm tạ Ngài,

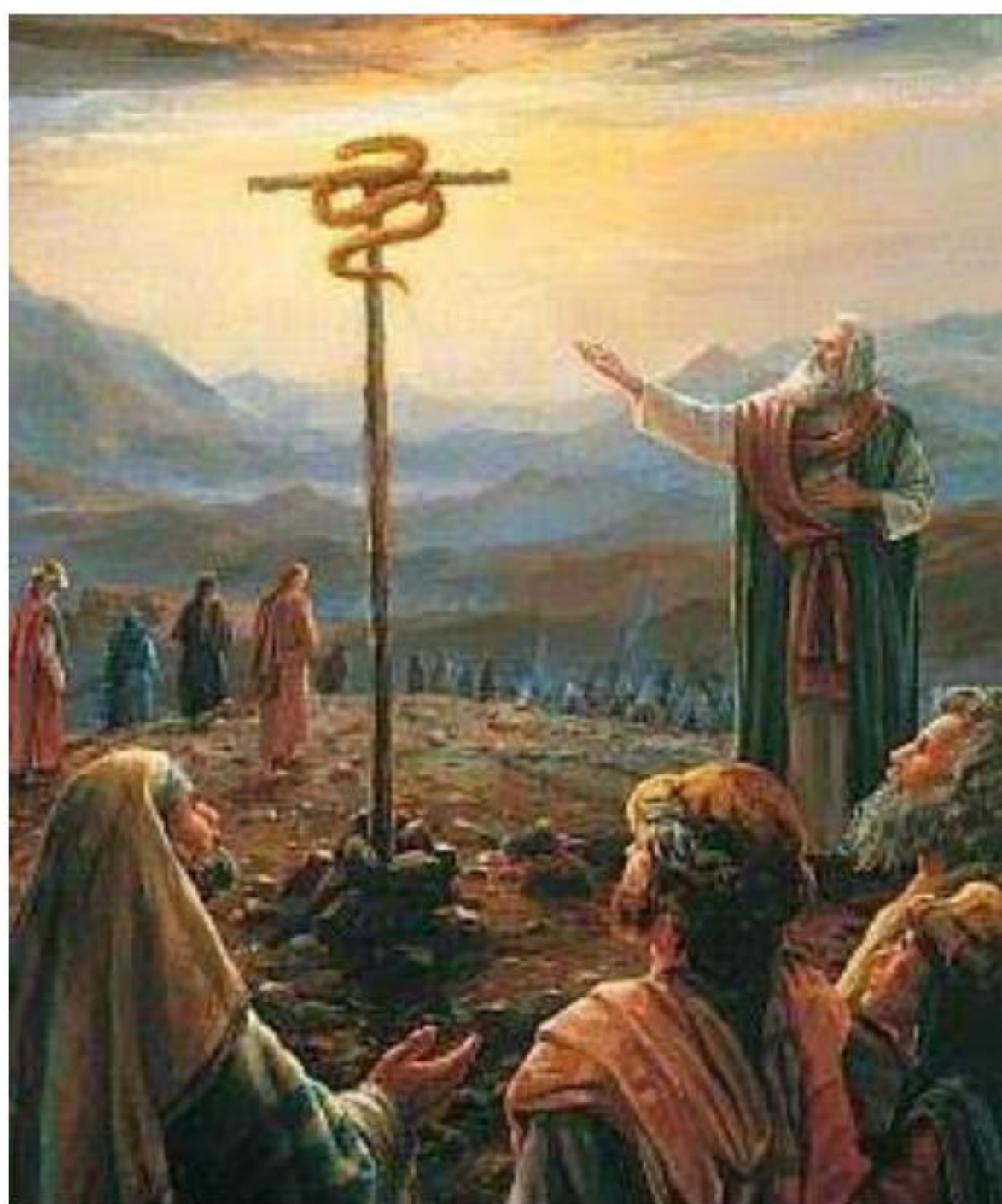
Ngài là Đấng cứu độ và là Chúa con" (TV 43) [8]

Tâm trạng hi vọng này được nhân vật trữ tình trong Xuất hành đồng điệu:

"Em có thấy cầu vồng lên bát ngát

Lớp lớp triều dâng, vách dựng song song"

Một lần nữa, *"cầu vồng"* và *"vách dựng song song"* xuất hiện. Nếu như ở Người hát rong *"trên đồng cỏ"*, đó là dấu chỉ ân phúc trong dòng hoài niệm của nhân vật trữ tình, thì ở đây nó hiện lên với khuôn mặt đầy hi vọng, sáng tươi rực rỡ hân hoan, thúc giục kẻ lữ hành hãy tin vào Đức Chúa. *"Cầu vồng"* đã lên cao cho *"em"* thấy lời hứa của Đức Chúa và triều dâng lớp lớp đó là bàn tay Đức Chúa ở giữa con cái mình, *"em"* có thấy không? *"Em có thấy"* – một cụm từ thật ý nhị, nó vừa duyên dáng về từ ngữ vừa thổ lộ niềm hân hoan, nội tâm như muốn vỡ òa tựa như lời ca tụng của Môisen và dân Israel trong sa mạc:



*"Lạy Chúa, tay
Chúa uy dũng,
đánh nát quân thù.*

*Ngài đã đánh ngã
kẻ thù bằng sức
mạnh phi thường;*

*Ngài phóng cơn
lửa giận dữ,*

*cơn giận đốt cháy
chúng như rơm..."*

[8]

Cái xôn xang hành
hương hiện rõ

trong tứ thơ Xuất hành:

"Sóng vỗ ngoài khơi, biển vẫn chập chùng

Mặt trời chói chang giữa ngàn sim mới

Sion đó, nhịp nơi đương vẫy gọi"

"Sóng" vẫn vỗ, "biển" vẫn đập chùng. Phận người vẫn bấp bênh, mệnh mang trôi nổi nhưng với sự xuất hiện của "mặt trời chói chang" và "sim mới", đã gieo một niềm hi vọng mãnh liệt, "sóng" và "biển" tìm thấy nguồn cội để trở về, đích đến để hướng tới. Sion đang vẫy gọi. Khuôn mặt Sion hiện rõ trong Thánh vịnh 86 của vua Đavit:

"Thành Sion được lập trên núi thánh

Chúa yêu chuộng cửa thành

Hơn mọi nhà của dòng họ Giacop" [8]

Thành Sion cũng chính là thành Jerusalem, nghĩa cơ bản có là "chiến lũy". Theo tiến trình Kinh thánh, từ "Sion" chuyển tiếp từ ý nghĩa là một thành phố vật chất đến một ý nghĩa linh thiêng. Gọi Jerusalem là Sion, ý nghĩa thần học của thành được chú trọng, ám chỉ vương quốc thiêng liêng Đức Chúa dành cho con cái Người.

"Em về đi, trong đôi mắt long lanh

Cờ xí tung bay trên khắp mặt thành

Đất chảy sữa và mật ong như suối

Em có nghe giữa hồn mình bão nổi

Xuống đời thơm, thơm dào dạt niềm vui".

"Cờ xí" - loại cờ được giăng trong các dịp lễ hội, cùng với "đất chảy sữa" và "mật ong như suối" em đã nhìn thấy qua đôi mắt long lanh hi vọng. Ngày hội của thành Sion đang chờ đón "em về". "Em có nghe" lòng mình xôn xang như bão nổi trước niềm vui dào dạt không? Trong cái xôn xang hành hương ấy, nhân vật trữ tình phóng một ánh nhìn trực diện về cõi thiên thu:

"Lạy đức Giavê, tôi nguyện một đời

Xin nường nấu trong vườn nho cổ thụ

Dưới bóng cây, tôi nằm ru giấc ngủ

Reo vang hoài nhã nhạc những mùa xanh".

Trong tâm tưởng nhân vật trữ tình, "vườn nho cổ thụ" có thể là vườn địa đàng mà cũng có thể là "vườn nho" trong Tin Mừng mà Đức Chúa trong vai chủ ngày ngày thuê giai nhân vào làm cho mình, hay cũng được hiểu là hình bóng Thiên đàng. Có thể như vậy và cũng có thể là không bởi hình ảnh trong thế giới thơ là hình ảnh mang nghĩa biểu tượng, nhưng chắc chắn rằng đó là một nơi chốn, một không gian hạnh phúc vĩnh cửu, khiến cho nhân vật trữ tình nguyện một đời nường nấu ở đó, mong ước ngủ vùi dưới bóng cây khi đang reo vang khúc nhạc tình yêu màu xanh bất tử.

Kết luận



Ta nhận thấy trong thế giới thơ Lê Đình Bảng một nhân vật trữ tình suy ngẫm cõi nhân sinh, về hạnh phúc và bất hạnh, đau khổ, về thời cuộc, niềm tin và hi vọng. Giọng thơ khi buồn lắng đọng, khi hân hoan như nhảy múa, giàu suy tưởng và vì

vậy thấm đượm ý nghĩa triết lý nhân sinh. Nếu bạn đọc thừa

nhận, đến với thơ Công giáo là để tìm một lời đồng điệu sâu sắc trong kinh nghiệm sống niềm tin vào Đức Chúa giữa kiếp người thì có lẽ đến với thế giới thơ Lê Đình Bảng, khoái cảm thẩm mỹ của bạn đọc sẽ được đáp thỏa. Tuy vậy, theo chủ quan của người viết, **vấn đề tiếp nhận thơ Đình Bảng vẫn cần thiết được đặt ra.** Khoảng cách thẩm mỹ giữa tác giả sáng tác và độc giả tiếp nhận liệu có chênh nhau quá xa? Để khám phá cái tôi trữ tình trong ba bài thơ tiêu biểu trong



tập thơ Hành Hương ở trên, người viết đã phải vận dụng khá nhiều kiến thức liên ngành lịch sử, văn hóa, thần học để có thể giải mã những kí hiệu ngôn ngữ dày đặc trong thế giới thơ. Bạn đọc tâm trung có lẽ khó có thể sở hữu những kỹ năng chuyên ngành

này nên nhiều bài thơ của Đình Bảng có thể bị giới hạn bạn đọc, kén chọn người tiếp nhận. Để hiểu được một số bài thơ của ông, cần những thao tác của nghiên cứu mới hiểu được ý tứ thâm sâu mang khát vọng nhân sinh; và để cảm được cái hồn của nhân vật trữ tình, bạn đọc cần thủ đắc phương pháp *"đọc chậm"*. **Thế giới nghệ thuật thơ Đình Bảng ở một số bài mà ba bài ở trên làm tiêu biểu, tựa như một "cõi", trầm sâu và xa vắng, tính chất đời thường chỉ phảng phất. Phải có một khoảng lặng, một sự suy gẫm đủ mới thấu cảm được quan niệm về nhân sinh trong thơ ông.**

Như vậy, đứng ở góc độ người nghiên cứu và đồng thời trong vai trò độc giả, phải nói rằng Hành hương vẫn là tập

thơ của một tín hữu Kitô giáo viết cho những Kitô hữu khác trước những biến đổi dâu bể của cuộc đời, những khắc khoải trước cuộc sống hiện tại. Trái tim nhân vật trữ tình có khi đón đau như kẻ thấu hiểu cõi đời, có lúc hồn nhiên như ánh mắt trẻ thơ, khi lại xôn xang thao thức chờ mong, khát vọng hành hương về nguồn cội niềm tin. Thơ Đình Bảng chuyên chở những suy tư sâu sắc nhuộm màu nhân sinh. **Đó là bộ mặt của cái tôi trữ tình được khám phá trong Tháng giêng ở vùng Vịnh, Người hát rong trên đồng cỏ và Xuất hành.** Nếu đặt thơ ông bên cạnh những nhà thơ Công giáo khác để tìm ra nét độc đáo thì có lẽ đây là điểm nhấn. Còn về thi pháp nghệ thuật thơ thì có lẽ cần bàn ở một công trình khác.

Đình Ngọc Oanh

Tài liệu tham khảo

1. Lê Đình Bảng (2010), Văn học Công giáo Việt Nam – những chặng đường, Nxb. Từ điển Bách khoa, Sài Gòn
2. Lê Đình Bảng (2011), Hành hương, Nxb. Công giáo, Sài Gòn
3. Lê Đình Bảng (2012), Lời tự tình của bến trần gian, Nxb. Tôn giáo, Sài Gòn
4. Trần Thái Đình (2008), Triết học hiện sinh, Nxb. Văn học, Sài Gòn
5. Phạm Ngọc Hiền (2018), Thi pháp học, Nxb. Tổng hợp, Sài Gòn
6. Hoài Thanh, Hoài Chân (2012), Thi nhân Việt Nam, Nxb. Văn học, Sài Gòn
7. Trăng Thập Tự (chủ biên) (2012), Có một vườn thơ đạo, tập 1, Nxb. Phương Đông, Sài Gòn
8. Tòa Tổng Giám Mục (1995), Các giờ Kinh Phụng vụ, Nxb. Thành phố Sài Gòn

MỘT TRỜI QUÊ HƯƠNG

Trang Thơ Lê Đình Bảng



Tôi ngỡ ngàng và sung sướng khi được đọc bài thơ "Tháng Giêng Với Vội Quê Nhà" của nhà thơ Lê Đình Bảng.

Bởi cả một trời quê hương đã được nhà thơ gói gọn rất thần kỳ, chỉ trong một bài thơ ấy.

THÁNG GIÊNG VỚI VỘI QUÊ NHÀ

*Gửi nhung nhớ, đã liền da, liền thịt
Gửi lòng ta nghiêng về phía quê hương
Từ giấc mơ, trong ký đậu, cân đường
Đến mặn, lạt, đất, và người miệt dưới
Trong chén chè trôi, rắc mè nóng hổi
Trong cặp bánh tiêu, bột lọc, nước dừa
Quanh năm, hai mùa đắp đổi, nắng mưa
Manh áo vắt vai, mình trần, chân đất
Oi, cô gái của đất đồng, trắng mặt
Chuyện yêu đương, sao dễ ợt, phở re*

Bởi bển quen hơi, tối ở, quên dzĩa
Mấy nhịp cầu tre kiu ca kiu kị
Thương chi lạ, những boòng boong, cam quit
Được mùa xoài, sai mùa lúa, xác xơ
Gạo chợ, nước sông. Cù bắt, cù bơ
Con rạch nhỏ, bắc sào lên, treo kiếng
Mỗi cơn gió cũng chở đầy kỷ niệm
Mỗi nhánh bần gie, đom đóm lập loè
Từng góc vườn, từng bụi chuối, bờ tre
Trẻ thơ biết ca, trước khi biết nói
Từ hoa trái, bốn mùa luôn réo gọi
Cho đến câu hò, điệu hát ru con
Trẻ, già mê toi vọng cổ, cải lương
Thằng Út, con Hai, tuổi ăn, tuổi lớn
Cây xa gốc, vẫn nhớ ngành, nhớ ngọn
Còn tươi nguyên, nên vừa ngọt, vừa giòn
Ôi, giọng kếp mùi, chàng Út Trà Ôn
Đã chặt lọc, đã thấm vào, bám riết
Mấy mươi năm, tưởng chừng như biên biệt
Có ngờ đâu? Còn đau đáu, tiếc thắm
Hủ tiếu, cháo lòng, đá nhện, sương sâm
Nhớ bữa canh chua, cá rô kho tộ
Cái nắm tay, thiết tình cờ giữa chợ
Một bước ra sông, đặt lọng, xúc vè
Đuôi vịt chạy đồng, vớt cá lia thia
Nghe lúp xúp, rặng mù u, dừa nước
Đâu cũng thấy, chỗ bà con, thân thuộc
Như cái chợ lông, cận lộ, cận giang
Ngồi lai rai trong quán cóc bên đàng

Trưa, hóng gió, được mát trời ông địa
Nhớ chén mắt chưng, thêm tô ba khía
Uống cà phê, đặt ghi sổ thiếu tiên
Như bao mối tình trai gái lên khên
Cứ núng nịu, thơm nồng, như mâm cúng
Có vội vã, có thương thâm, nhớ vụng
Có ngậm sâm, vẫn tiếc củ khoai hà
Áo váy, lụa là, vẫn nhớ bà ba
Cái duyên dáng của ruộng đồng, sông nước
Cái lấm láp của bùn non, bần đước
Ra đây hàng khơi, gió chướng lắt lay
Thương hộp quẹt diêm, đốt thuốc luôn tay
Ba mươi Tết, trở trời, mai bung hết
Lo cái lo của người quê chống rét
Lo cội mai già trăm tuổi hắt hiu
Bỗng xót xa nghe bìm bịp kêu chiều
Cái chơn chất rất thiết tha Nam bộ
Về họ đạo Cù Lao Giêng, đâu đó
Ngó lâu chuông, thăm làm dấu, cầu kinh
Sai Thánh Thiên Thần giữa ngõ, Truyền Tin
Đã thành nếp, mẹ dặt tay, đi lễ sớm
Trăng đầu ngõ, những đêm hè, mọc muộn
Giữa đồng không, nghe đất lở, trở mình
Xóm nhà ai, vắng vắng tiếng cầu kinh
Những vầng vát của một thời tít tắp...
Những mong ngóng, có một ngày, được gặp
Tháng Giêng ơi, vời vợi nhớ quê nhà...
*Francis Assisi Lê Đình Bảng
(Xuân Canh Tý, 2020).

Đọc xong bài thơ, tôi nghĩ một bài văn dài cũng chưa chắc đã "*nhốt*" đủ những dấu yêu, vương vấn, đợi chờ - mà chỉ ở quê hương mình, nơi mình đã sinh ra và lớn lên - mới có được.

Chẳng còn mấy ngày nữa là tới Tết. Đọc bài thơ khiến lòng người nôn nao, bởi có người khơi lại dĩ vãng cho mình - một cách kỳ diệu, nhẹ nhàng, êm ái - qua những lời thơ.

Cảm ơn Gs Lê Đình Bảng, người thầy dạy Việt văn của tôi.

Nhờ ông mà tôi không cần thêm những hình "*minh họa*", bởi đọc thơ ông đã chẳng thiếu thứ gì.

*Nguyễn Vy Túy, Australia





Hôm Nay Tôi Đi Học

Tuỳ bút của Lê Quán Thư.

Trích Trong Quyển Kỷ Yếu Đại Hội X Văn Đức 4-8-2019

1. Đến nay, đã gần hết đời người. Tôi vẫn không sao quên được cái cảm xúc rất đổi trẻ thơ, như còn văng vát, ràng riu đâu đó trong một bài chính tả đã thuộc nằm lòng, lớp đồng ấu, ở trường làng. Ôi, cái ông nhà văn Thanh Tịnh thuở ấy mới dễ thương và hồn hậu làm sao, khi đặt bút, viết thế này:”... Hằng

năm, cứ vào cuối Thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không trung có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nao nhớ đến buổi tựu trường... Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương Thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm lấy tay tôi và dẫn tôi trên con đường đầy gió lạnh... Hôm nay, tôi đi học...” Vâng, chỉ ngần ấy câu chữ mộc mạc, nhẹ tênh thôi, cũng đủ sức cảm dỗ, theo tôi đi hết tuổi thơ nhọc nhằn. Thuở ấy, tôi chỉ là cậu bé nhà nghèo, vừa chăn trâu cắt cỏ cho ông bác phú hộ, vừa ôm o, nhếch nhách, lôi thôi đến trường. Chẳng hiểu, có nhập tâm được chữ nào không? Nhưng cái câu văn ấy

đã gieo vào đáy
hồn tôi một dấu
ấn, một ám ảnh
khó phai mờ.
Người ta bảo,
thơ văn nó ám,
nó vận, nó nhập
vào mình, đổ
mà gỡ ra được.
Nói thế, là vì
chính mắt tôi
nom rõ ràng, mẹ
tôi có thói quen
bói kiêu, bói
kinh. Nghĩa là
mở sách Truyện
Kiều hoặc Sấm
Truyền cũ mới
ra mà đọc, gặp
câu nào thì gẫm
câu ấy, rồi suy
về lẽ đời, số
người và phận
mình sẽ may rủi
ra làm sao. Cứ
theo cái triết lý
tiền định thì
cũng chẳng sai
là mấy. Nói thật,

thậm chí, nó còn ghê gớm hơn
ta tưởng. Văn thơ, nó hết như
con rắn tinh quái trong Thánh
Kinh, thuở nguyên sơ của vườn
địa đàng, mật ngọt rót vào tai
nàng Eva. Khổ thân cho con
cháu loài người, từ ấy, mang
tội tổ tông truyền, phải đổ mồ
hôi, sôi nước mắt, lang thang
khắp đó đây, mới có manh áo.
miếng cơm, mới vớ được mảnh
tình vắt vai. Giờ à, nó quẩn
quýt lấy trí khôn và hoài niệm
của tôi, chẳng hiểu đến khi nào
mới buông tha? Mãi về sau,
khi chạy giặc lên thị xã Thái
Bình trọ học những năm 1946-
1953. Lại một phen mộng du,
nổi trôi vào cái thế giới bạt
ngàn mơ ước bướm hoa, cứ
ngỡ mình đang đứng trước
tượng đài phủ đầy lá vàng của
những Anatole France,
Alphonse Daudet... trong vườn
Luxembourg... Tha hồ ru đời
mình vào những trang tự sự rất
đổi mượt mà trong hàng loạt
tác phẩm, như *Le Livre de mon
ami*, *La Vie en Fleur*, *Le Petit*

*Chose, Lettres
de mon Moulin,
Les Etoiles...*
Nói thế cho oai,
chứ sự thật chỉ
thuần là một số
kiến thức hàm
thụ, ăn đong từ
những bài tập
đọc, rồi học
thuộc lòng.
Phải chăng, đó
là cơn bão rút từ
văn chương
Pháp còn vương
lại trong vòng
sân chật hẹp,
non nớt của cậu
bé nhà quê tôi,
dầu phôi pha,
nhạt nhoà.
Trong muôn
một, tôi vẫn
thăm cảm ơn
chuỗi tháng
ngày chập
chững, bước đi
ấy. Lớn lên một
tí, tôi biết rõ

hơn. Đó là khoảng trời xa xăm,
mướt xanh, là lạ, bước ra từ
những trích đoạn được thầy
giáo chặt lọc, chọn để tập làm
văn tiếng Pháp cho bọn tôi, vào
mỗi Thứ Năm ba xí ba tú khá
ồn ào. Lẽ đương nhiên, chỉ là
đầu hót thứ tiếng Tây giả cây -
mà ngày nay, gọi là Tây ba lô -
vì có chết ông Tây, bà đầm nào
đâu! Còn nữa, còn nhiều nữa.
Chồng chéo, xô bồ những mớ
ký ức pha tạp Hán Nôm, đông
tây, kim cổ. Nếu tôi nhớ không
nhầm thì ai nấy trong chúng ta
(*xin lỗi, nhé*) - ở cái ngưỡng
trên dưới 6, 7, 8 bó như kẻ viết
bài này - còn có chung một
khoảnh khắc, một rung động
đầu đời đẹp như mơ ấy.

Tôi muốn nói tới cái thế giới
chữ nghĩa và lễ độ giàu văn
chương thi phú rất tuyệt vời,
chuẩn mực, kỷ cương, tôn sư
trọng đạo của *Quốc Văn Giáo
Khoa Thư* và *Luân Lý Giáo
Khoa Thư* - bộ sách dạy làm
người xứng đáng *đội triều
thiên kinh điển về giáo khoa*,

một công trình
hợp soạn công
phu và chuyên
chở nhiều tâm
huyết

của nhóm tứ trụ
triều đình, có
một không hai,
là Trần Trọng
Kim, Nguyễn
Văn Ngọc,
Đặng Đình
Phúc, Đỗ Thận
ở thập niên
1930-1940. Và
sau đó là chút
hương hoa rứt
rè của con chim
mới ra ngoài bờ
tổ, mới tập bay
chuyên, khi tôi
đọc đi đọc lại
từng câu chữ
của quyển sách
loại bỏ túi, như
kiểu Bible để
gối đầu giường:
*Tâm Hồn Cao
Thượng (tác giả*

người Ý, Edmondo De Amicis)
bản dịch Việt ngữ của Hà Mai
Anh. May mắn cho kẻ hậu sinh
này, một hai lần, được phước
diện kiến và hầu chuyện trực
tiếp cả hai nhà giáo - nhà văn:
Hà Mai Anh và Bùi Văn Bảo
(*thân phụ của anh bạn học Văn
Khoa Sài Gòn, nhà báo Bùi
Bảo Trúc*). Đến nay, bài thơ
Khóc Bạn Hà Mai Anh của bác
Bùi, tôi còn giữ trong bộ nhớ,
vì hai ông là đồng hương đồng
khởi Thái Bình, là đồng nghiệp
gỗ đầu trẻ, tấm gương sáng để
tôi noi theo. Sang bên bờ này,
gặp lại bạn Văn Khoa cũ, được
nghe và ghi chép vào sổ tay
văn học luôn mang theo mình.
Bài thơ điều mà bác Bùi đọc
hôm tiễn đưa bác Hà ngày
20.8.1975 tại San Bernadino,
Hoa Kỳ. Xin dẫn ra đây, như
một nén hương tâm thành của
kẻ còn phiêu bạt chốn ta bà,
dâng lên nhị vị tiên sinh đã về
cõi trên:

*Thôi thế là xong nhé,
Bác Hà*

*Tâm Hồn Cao
Thượng, kiếm đâu
ra?*

*Tuổi Xanh, đất Mỹ,
đành thua thiệt*

*Sống Mới, trời Nam,
hắn xót xa?*

*Về Với Gia Đình,
sao vội vã?*

*Vòng Quanh Thế
Giới, há lâu la*

*Đồng hương, đồng
quận, thêm đồng
nghiep*

*Giọt lệ như sương,
khóc bạn già. (*)*

Thưa quý thầy cô ạ.
Nói nhỏ với các anh
chị em học trò, nhé.
Tôi biết, biết lắm.
Cái chòm ký ức văn
hoá mà tôi vừa mạn
phép kể trên, hẳn
chưa có gì rục rĩ,
hoành tráng như

chuyện phim ảnh Titanic hay Star Wars. Cũng hẳn chưa có gì mê
thiếp đến độ nồng nàn như Love
Story của những lứa đôi dậy thì,
của những hẹn hò lãng mạn, huê
tình. Mà chỉ là chút vụng dại, băng
khuâng, nhớ nhớ, vụt đến, vụt đi.
Nhưng hơi ấm và mùi thơm như
còn gửi gắm, chở chuyên trong tay
mẹ trên quãng đường về thôn, xanh
lá chàm. Hoặc là, như giọt nước
ngán đọng, bỗng ứa ra, lúc một
mình ở lại, tan loãng vào bầy bướm
trắng học trò ngây thơ kia. Có
chẳng, nên gọi là chút cỏ hoa tình
nghĩa giáo khoa thư một thuở một
thời? Lần đầu tiên, từ... hằng năm,
cứ vào cuối Thu... hôm nay tôi đi
học ấy, tôi xa mẹ, xa nhà, xa bắt lũ
trẻ con thả diều, đánh đu mỗi sớm
chiều nơi xóm ngõ quê mình. Rồi,
tan trường về, hụi hảnh, bởi chẳng
hiều có được thấy nụ cười mẹ giấu
thầm niềm vui qua mau trong vạt
áo? Có còn được ngồi kê bên nhịp
võng trưa hè đu đưa, thoảng đâu
đây mùi hương nhu, bồ kết ngút lên
từ nồi nước mẹ gội đầu ngoài mái
hiên? Những lúc ấy, tôi thường

nghe mẹ ngân nga
trầm bổng đượm
buồn, như làn chuỗi,
khán khứa, đọc kinh
chiều hôm sớm mai.
Có lẽ, có lần cả mùi
hoa xoan nở tím đầu
nhành, mỗi mùa
chay, mùa thương
khó xửa xua.

*Gió mùa Thu, mẹ ru
con ngủ*

*Năm canh chầy, mẹ
thức đủ năm canh*

Mãi sau này, lớn lên,
nhờ phần phúc của
tổ tiên bảy mươi đời,
cùng ơn nghĩa sinh
thành của cha mẹ,
với chút của mọn
chữ nghĩa và được
làm thầy, tôi lại
càng thấm thía cái
gánh nặng chung
thân về đường văn
hoá với bạn bè đồng
nghiep, đặc biệt với
các thế hệ học trò

thân yêu của tôi, xuyên suốt chiều
dài chặng đường từ 1961 đến nay.
Châm ngôn ấy là *thờ gia đình, mến
tổ quốc, phụng tổ tiên, tôn cổ điển*
(**). Thật tình cờ, như một hên hò
không định trước. Tự dung, bài ca
dao đầu tiên tôi dạy học trò, lại là
mấy câu hát đặc sệt mùi bùn đất
kinh mương của người Sài gòn, của
Nam bộ rộng rinh nắng gió, của ầu
ơ ví dẫu:



Ví dẫu, câu ván đóng đình

Cầu tre lắt lẻo, gập ghềnh khó đi

Khó đi, mẹ dắt con đi

*Con đi trường học, mẹ đi trường
đời.*

Hoá ra, gắm cho cùng, cả đời mình
vẫn quấn quanh với mẹ, với câu hát,
lời ru, với ruộng lúa, bờ tre, với dò
dọc dò ngang, với sách vở, với

trường, với lớp. Chạy cùng đường, không khỏi nắng, hết lên bờ, xuống ruộng. Hỏi chứ, có ai sống trọn mấy đời trong một kiếp? Cũng không sao hiểu hết những lời mẹ ru đâu. Cả đến bây giờ, gần đất và xa trời, đầu bạc trắng hoa lau, đất khách quê người, biết ai là bạn? Dầu tha hương, ngộ cố tri, có đôi khi, vẫn thấy mình lạc lõng, xa lắc xa lơ, mịt mù bóng chim, tăm cá. Thôi thì lòng bảo lòng thân cư hải ngoại, tâm tại cố hương. Hay tại mình trót vướng vào vòng bi lụy, sầu tình? Đôi khi, trong mơ, lúc tỉnh, tôi hỏi chính tôi, mà không sao

tìm ra được câu trả lời: Ở hay, mình đang ở đâu? Đồng đất chân quê hay phường phố, tỉnh thành? Nhà Bè nước chảy chia hai. Ai về Gia định, Đồng Nai thì về. Thì đi Boston, lên NY, đến Alaska hay quá bộ sang Toronto một chuyến với mù tời tuyết trắng? Về lại Florida nắng ấm tình nồng? Cali làm sao quên, nơi đông người, lắm chuyện? Chợt nhớ về bên kia bờ Thái Bình Dương, ghé vào Biển Đông đang lô xô sóng lớn. Để nhận ra Chí Hoà, Lê Văn Duyệt, Hoà Hưng, Công Bà Xếp, Lăng Cha Cả, hồ tắm Cộng Hoà, nghĩa trang Đô Thành, cư xá sĩ quan Bắc Hải, bệnh viện Thống Nhất, ngã Ba Ông Tạ, Ngã Tư Bảy Hiền? Ôi, cả một mạng lưới chập chùng duyên khởi những nơi chốn, những xứ đạo, nhà thờ nối tiếp nhau, như bát úp, chuông khánh, kinh kệ, khói hương, rước sách vang rền nền nầy: Nghĩa Hoà, Nam Hoà, Tân Châu, Sao Mai, Khiết Tâm, Tân Chí Linh, Tân Sa Châu, Vinh Sơn, Tân Dân, An Tôn, Tân Việt, Phú Trung, Mẫu Tâm... Ôi, con đường Thánh Mẫu quanh

co, vòng vèo, chạt chội, rất những ngõ cụt, chỉ len lỏi vừa một cặp đôi, một cái xe honda, lambretta. Tò mò ngó vào bên trong, nhà nào cũng bàn thờ Chúa, Mẹ hương hoa bát ngát. Biết ngay là... phe ta... Bắc kỳ... ri cư... công giáo... có khi lại là... Bùi Chu... ú u và Phát... Riệm nữa đây... Và ngạc nhiên chưa, có câu ví von rất ngộ “*trai Nam Thái, gái Lộc Hưng*”. Là tin vui, điềm lành? Là điều tiếng hay thị phi? *Kệ nó. Đất lề và quê thói nó vậy đấy.* Có gì mà âm ỉ? Còn nhớ xưa, những năm giặc giã, tản cư 1946-1953 ở vùng chiêm trũng Thái Bình - Nam Định -

Hải Dương, tôi đã nghe thuộc nằm lòng câu nói cửa miệng dân gian “*Gái Cổ Am, nam Hành Thiện.*”



Thế mới hay, chuyện vô Nam 1954 và chuyện hình thành các trại định cư - giáo xứ của một triệu đồng bào đi tầu há mồm từ miền Bắc đó đúng là danh bất hư truyền mang tính lịch sử, đội đá vá trời. Phải nói là, nhờ ơn Trên, phép lạ và vận nước, lòng người mới đúng. Bởi vì chỉ trong mấy năm sau, toàn miền Nam đã hiện ra vuông thành sắc cạnh như một bàn cờ thế, có quy hoạch kín kẽ nội ngoại, tứ phương ngũ hành. Những xứ đạo, nhà thờ, nhà cha, nhà xứ, nhà trường, nhà phước, nhà dòng, nhà thương. Ấy vậy cho nên, có ai kia dị ứng, bảo là Công giáo xây thành đắp lũy, dựng pháo

đài? Đúng hay không, xin nhường phần cho lịch sử và thời gian phê phán. Sở dĩ phải vòng vo tam quốc như trên, tôi muốn trở lại câu chuyện ban đầu: tình nghĩa thầy trò, chủ đề của Đại hội Văn Đức lần thứ 10 vào thượng tuần tháng 8 mùa Thu này, ở Trung Tâm Công Giáo, California, Hoa Kỳ.

2. Thế rồi... vận nước nổi trôi, ai ngờ? Lại một lần nữa?

Nửa vòng trái đất, vừa gần vừa xa. Để đến 10 năm gò lưng trên chiếc xích lô già nua, tội tình để kiếm sống qua ngày... Ai ngờ, đời nhiều dâu bể, đa đoan đến thế?

Hồi ấy, còn ở quê nhà, mấy năm đầu thập niên 1990. Hình như một, hai lần gì đó... không còn nhớ rõ lắm. Tôi được mời tham dự buổi gặp gỡ, một lần ở nhà thầy giáo kia, đứng ở cửa, nhìn ra Vườn Rau Lộc Hưng xanh mướt và bên ngoài nữa là Bưu điện Chí Hoà (*nhà dây thép gió, chằng chịt hàng rào kẽm gai*). Lần khác, có mặt đông đủ hơn, do cha xứ Tân Việt (*cha Nguyễn Văn Thủ?*) tổ chức.



Thầy Bảng & Ca Sĩ Phương Mai

Cũng tay bắt mặt mừng. Cũng chào mời, hỏi thăm, tin tức. Cũng ăn uống, cụng ly, hát hò tái ngộ, liên lạc, trao đổi, chụp hình lưu niệm, nước trong, nước ngoài đủ cả... Thế rồi, bao nhiêu bàn soạn, tính toán cho một gặp gỡ Văn Đức trong

ngoài nước trôi ra sông ra biển hết. Bốc hơi, đi đâu, mất tăm. Chả còn gì? Sang đến đây chưa được bao nhiêu, mà đi đứng gần xa đã khá bộn. Vừa đi, vừa nhìn, vừa nghe, vừa học. Như em bé ê a học đánh vần. Tiếng Mỹ của Mỹ trắng, Mỹ đen, của Latinos và của người Mỹ gốc... rau muống, giá sống, mắm tôm, phở, bún riêu, giò chả, ninh, mọc, húng quế, rau răm, ngò gai, dấp cá, tía tô.... Học, học mãi, học riết, mà chưa nên cơm, nên cháo gì!

Đúng là tôi mới chân ướt chân ráo, có ra tắm ra món gì? Xứ sở này bao la bát ngát quá. Một, hai

triệu người Việt mình có là bao, như muối bỏ biển. Bởi thế, tôi chỉ lặng thinh, lắng nghe, học hỏi, tập tành và theo dõi, để trái tim mình đập theo nhịp sinh hoạt của các Cộng đồng người Mỹ gốc Việt ở rải rác trên các tiểu bang của xứ sở Hoa Kỳ, đặc biệt tìm hiểu xem sinh hoạt của hệ thống các trường học cũ của mình trước đây ra làm sao? Từ trường công lập, bán công đến tư thục. Từ Đại học, Cao đẳng đến Trung tiểu học; của Công giáo, Phật giáo, Cao Đài, Tin Lành, Hoà Hảo. Từ Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định đến Biên Hoà, Mỹ Tho, Cần Thơ, Gò Công, Long Xuyên, Châu Đốc, Bình Dương. Từ Đà Lạt, Phan Thiết, Phan Rang, Nha Trang, Qui Nhơn, Tuy Hoà, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế, Quảng Trị và của những nhóm dân H' mong, Jarai, Tày, Nùng, K' ho, Lào, Cambodia v.v... Chờ mãi, đợi hoài, để xem những Văn Đức, Thánh Giuse, Mai Khôi, Đắc Lộ, Thánh Thomas, Lê Bảo Tịnh, Nguyễn Duy Khang, Chân Phước Liêm có nhúc nhích, động tĩnh gì không?

Chẳng lâu, tin vui từ khắp nơi ủa về, đến như miền Đông Bắc Hoa Kỳ lạnh buốt cũng không thể ngồi yên. 365 ngày dày đặc những lễ hội của người Mỹ, từ Độc Lập đến Tạ Ôn, Tưởng Niệm, Bầu cử Tổng Thống cho đến Ngày của Mẹ, Ngày của Cha, Ngày của Tình Yêu... Thậm chí, còn có ngày của con chó yêu, ngày của Rượu Vang, của Cheese, ngày của Cà Phê, ngày của... bánh trái bốn mùa hoa lá cành... Ôi, thôi, tôi tắt mắt mũi, đành bó tay, mặc cho thời gian lặng lẽ trôi qua. *Ngày thì như lá, tháng như hoa/ Chuyện nước,*

chuyện dân, đến chuyện nhà...

Đó là chưa nói đến cuộc sống tốc độ đến chóng mặt đang diễn ra từng giây từng phút ở chỗ này, nơi kia. Chẳng nơi chốn nào yên ả, bởi tự thân, người Mỹ và dân Mỹ nó vậy. Hợp chủng quốc mà lị. Mỹ trắng, Mỹ đen, Mỹ Latinh, Mỹ Phi châu, Mỹ châu Á và Mỹ gốc Annam ta nữa, chen chúc, hoà đồng giữa miền đất mệnh mông đa chủng tộc, đa văn hoá này. Mặt trời chẳng bao giờ lặn ở đây. Bởi vậy, mỗi sớm mai thức dậy, mở TV, mở iphone, ipad là thấy ngay nước Mỹ đang sôi sục những thời sự nóng hổi, giật gân, đau đầu: bắn sung, bạo loạn, kiện cáo, toà án, ranh luận, thuế má, ly dị, ly hôn, tiệc tùng, thời tiết nắng mưa, quảng cáo, tiếp thị, mua sắm, du lịch, xe cộ, y tế, thuốc thang, bảo hiểm, thời trang, công việc, dịch vụ, Walmart, Target... Made in USA nó vậy đấy. Một guồng máy khổng lồ, quay tít thò lò, cháy bỏng, đầy kịch tính, chuyển động khôn lường. Trong khi ấy thì, rải rác quanh năm, nhịp sinh hoạt của cộng đồng người Việt mình

cũng phải chạy theo vòng xoáy đó, không kém phần khởi sắc. Bên cạnh những hợp hành, tụ tập, xuống đường, hội luận về chính trị, về văn hoá, nghệ thuật, nghề nghiệp ở các vùng đông dân cư, như Nam, Bắc Cali, như Houston, Texas, như Illinois, Florida, Oregon, Virginia, Chicago, như Washington DC... TV, báo chí của người Việt tường thuật không thiếu một chi tiết nào về những hoạt động của Quân đội, của các tổ chức chính trị và đồng hương, của các tỉnh thành. Tôi có cảm tưởng choáng ngợp, như là cả miền Nam và Sài gòn đang cổ

bùng sống dậy. Hệ thống các trường học cũng chẳng chịu thua chi kém em. Nào La San hội ngộ; Khải Định, Đồng Khánh Huế; nào Chu Văn An, Võ Trường Toản, Petrus Ký, Nguyễn Trãi. Nào Trung Vương, Gia Long, Lê Văn Duyệt, Mạc Đĩnh Chi. Phía mạng lưới các trường tư thục Công giáo thì khởi nói. Từ Nguyễn Bá Tòng (Sài gòn), Nguyễn Bá Tòng (Gia Định) đến Saint Paul, Regina Pacis, Thiên Phước, Lê Bảo Tịnh, Chí Thiện, Nguyễn Duy Khang, Thánh Tâm, Chân Phước Liêm, Thánh Mẫu, Thánh Giuse, Văn Đức, Mai Khôi... Nói cho vui, là trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng, theo kiểu cổ vũ tuyên truyền của họ Mao, những năm 1960 của xứ Con Trời.

.... Đến năm ngoái, hình như vào tháng 7.2018, cũng ở California.... Từ bên này bờ Đông, tôi nghe thầy trò Văn Đức mở Đại hội lần lần thứ 9. Đúng hôm ấy, éo le thay, cũng tại Westminster, bạn đồng nghiệp của tôi - nhà giáo nhà văn Hoài Mỹ, viết cho Tuổi Hoa trước 1975 và

Viet Tide từ 2000 - đột nhiên qua đời vì bạo bệnh. Ngồi ở NJ mà lòng cứ nóng như lửa đốt. Thấp thỏm, bồi hồi vì bạn, vì trường xưa, học trò cũ, biết bao mời gọi, níu kéo... Văn Đức, rõ ràng, đang hồi sinh trong tôi, từng li từng tí một. Tôi nhớ lại thật rõ ràng từng khuôn mặt, từng giọng nói, tiếng cười, từng biến cố, từng dịp lễ hội, kể cả hồi trống mỗi đầu cuối giờ học của ông phụ trách văn phòng mà tôi quên tên. Văn Đức suốt từ 1963 đến 1975, một quá trình, một đổi đường duyên nợ và nghiệp chương không thể nào quên. Tôi chỉ biết chấp tay, cầu xin cho Đại hội ấy

xuôi chèo mát mái, từ khởi sự cho đến hoàn thành... đều nhờ bởi ơn Chúa, amen. Có như thế, mới xứng danh, làm mát lòng mát ruột những thế hệ kế thừa các đảng bậc đã cưu mang sinh thành nên Văn Đức, là Cha già cố Giuse Đỗ Đức Hân, Cha Hiệu trưởng Bernado Nguyễn Xuân Thu và Cha Phêrô Lã Quang Hiệu, Tổng giám thị... Những cây đa cây đề này, những năm sau 1975, tôi vẫn còn được gần gũi, tiếp xúc và... thăm hỏi, tiễn đưa, chứng kiến tận mắt những chuyển dịch, đổi dời.....

3. Thế rồi, chẳng hiểu Chúa xếp đặt, an bài làm sao. Qua người học trò cố cựu Văn Đức của tôi là anh Bùi Văn Bằng, tôi bắt được liên lạc với thầy Mỹ, rồi thầy Liêm, thầy Thăng, cô Tâm, cô Hoa. Đương nhiên, mới chỉ thoáng chốc qua điện thoại thôi. Nhưng chúng tôi mau mắn nắm được tần số trái tim lẫn cảm của nhau. Tôi đã không cảm lòng được, khi nghe lời khuyên và chia sẻ trải nghiệm máu thịt của những đồng nghiệp đã tiên phong sinh

cơ lập nghiệp ở đây. Tôi cũng được góp ý rất quý báu từ phía các cô cậu học trò của tôi đã thành danh, cống hiến trí tuệ và trái tim vào các ngành nghề, để nói lời cảm ơn đất nước, con người của miền đất tân lục địa trù phú và bao dung này. Đã đến lúc, ý định thực hiện Kỷ Yếu Văn Đức, với chủ đề Tình Nghĩa Thầy Trò, sẽ phát hành vào dịp diễn ra Đại hội Văn Đức lần thứ 10 (4.8.2019) phải trở thành sự thật. Đó là tâm

nguyện của tôi, khi nhận lời trao đổi thường xuyên với quý thầy cô và với riêng người đặc trách thư ký toà soạn và kỹ thuật cho Kỷ Yếu này, chuyên viên làm phóng sự sinh hoạt cộng đồng cho đài truyền hình SBTN, anh Bùi Văn Bằng ở S. Carolina.



Học Trò Bùi-V-Bằng 1965-1968

Không dám nói ngoa một chữ, một lời. Cứ mỗi tuần lễ, thầy trò chúng tôi, nếu không điện thoại lúi lo với nhau thì cũng email hoặc gửi messenger, báo cáo diễn tiến tình hình (*tin tức, hình ảnh, suy nghĩ, dự tính, đề nghị...*) cho Kỷ Yếu, cho Đại hội 10, kể cả tin tức buồn vui, hiếu hỷ của các thầy cô, bạn học Văn Đức. Hẳn ai nấy còn

nhớ bản nhắn tin khẩn cấp, liên tiếp mấy ngày về sự kiện thầy Mỹ cấp cứu, nằm viện và bình yên về nhà? Mới tinh đây thôi, thầy Mỹ, thầy Liêm, thầy Thăng, cô Hoa, anh Oánh, anh Bằng còn ưu ái ngỏ ý (*qua messenger*) đề nghị tôi tham gia trực tiếp làm Chủ Nhiệm.

Một thoáng phân vân, do dự. Chủ nhiệm để thực hiện Kỷ Yếu? Hay đứng ra, gánh việc tổ chức Đại hội Văn Đức lần thứ 10? Dẫn đo mãi, rồi tôi vâng lời, nhưng chỉ

với Kỷ Yếu thôi đấy. Còn Đại hội là chuyện lớn, xin hai chữ đại xá cho người khách lạ này. Thật tình là tôi không dám, vì nghĩ mình như người đi xa mới trở về, chưa quen hơi bén tiếng, chưa nhập vào dòng chảy của Văn Đức đã và đang chảy miệt mài, vốn vã bao tháng năm rồi. Nhưng nghĩ lại, nước đã đến chân. Nếu không bắt tay ngay vào thì bị động, không kịp, ngọn lửa nhiệt tình sẽ nguội đi, cơ hội sẽ vụt bay mất. Biết đâu, còn tác động không hay tới đại sự của thầy trò thì mang tội.

Cuối cùng, tạ ơn Chúa. Việc phải đến, đã đến.

Vô vàn cảm ơn quý thầy cô và trăm nhớ ngàn thương chào làm quen những người học trò Văn Đức thân yêu. Tất cả, vâng, tất cả đã dành cho tôi một vinh dự, nhưng đồng thời, cũng là một trách nhiệm, một gánh vác không nhẹ nhàng, dẫu muộn màng ở giờ thứ 25. Xin cứ coi tôi như... lần đầu tiên đi học, ngày tựu trường, với sách vở, bút mực,

quần áo mới, với
mắt sáng, môi cười.

Thật tình cờ, khi bài
viết nho nhỏ này đến
tay bạn thì Cali - sao
chẳng có thể coi là
Sài gòn, là ngã ba
Ông Tạ hoặc Nghĩa
Hoà, Lộc Hưng nhỉ -
vẫn có một Văn Đức
ở hải ngoại đây chứ.

Chúng ta đang gặp gỡ ở Đại hội lần
thứ 10, mở toang cánh cửa bước
vào những ngày chớm Thu, có
nắng chan hoà. Cali chưa bao giờ
đẹp đến thế. Thấy chẳng, bạn ta ơi,
còn tươi nguyên mùi sách vở, giấy
mực và tình nghĩa giáo khoa thư
muôn đời không phai. Gìn vàng giữ
ngọc cho nhau, nhé.

Miền đông bắc Hoa Kỳ
những ngày tháng 8, 2019.

Chú thích:

(*) Cả hai Ông Hà Mai Anh (1905-1975) và Bùi Văn Bảo (1917-1998) là đồng hương Thái Bình, cùng là nhà giáo nổi tiếng ở Sài gòn trước 1975. Sau đó, cả hai cùng di tản sang Hoa Kỳ, ở CA. Những cụm từ viết hoa là tên các tác phẩm của Hà Mai Anh.

(**) Câu nói của học giả Phạm Quỳnh (1892-1945), sáng lập tờ báo Nam Phong tạp chí (1917-1934), người có công cổ xúy việc học Quốc ngữ, cùng với bạn cùng thời là nhà báo Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) chủ trương Đông Dương tạp chí (1913-1919), thân phụ của hai nhà thơ nổi tiếng: Nguyễn Nhược Pháp và Nguyễn Giang.



TL3

Một Thời Chưa Tình Cũ Hơn

*Yêu lắm ngôi trường trong xứ đạo
Xanh xanh, xanh ngút ngát vườn rau
Những ngày mưa trắng trời, vô lớp
Bốn phía mông mênh phải bắc cầu
Cửa nẻo, ghé bàn trông lúp xúp
Thầy trò ai nấy ướt như nhau
Lênh đênh con nước lên, bèo dạt
Em đứng chờ hong khô đã lâu
Tình nghĩa giáo khoa thư buổi ấy
Đẹp như bài học thuở ban đầu*

*Yêu lắm mấy gian nhà cũ kỹ
Tường rêu vách ván, mái liêu xiêu
Có cơn gió sớm đầy trong lớp
Có cả chên chao cái nắng chiều
Em hỏi, một mai tôi trở lại
Có còn yêu như thuở đang yêu?
Thưa, tôi vẫn trẻ hai mươi tuổi
Tôi vẫn như lần đầu biết yêu*



*Yêu lắm những tình xưa nghĩa cũ
Em về, tôi đứng ngó trông theo*

*Mấy chục năm rồi, không nhớ rõ
Lặng thầm thôi, mỗi bận đi qua
Còn đâu ngôi giáo đường in bóng
Nhòa nhạt sau Bưu điện Chí Hòa
Tiếng trống hay hồi chuông nhật một
Lời cầu kinh Phép Ngắm Rosa
Kiều ơi, mười mấy năm lưu lạc
Còn nhớ dăng hoa tháng Đức Bà?
Em ạ, cố dành ra một chút
Dầu là thơm thảo, dầu hương hoa*

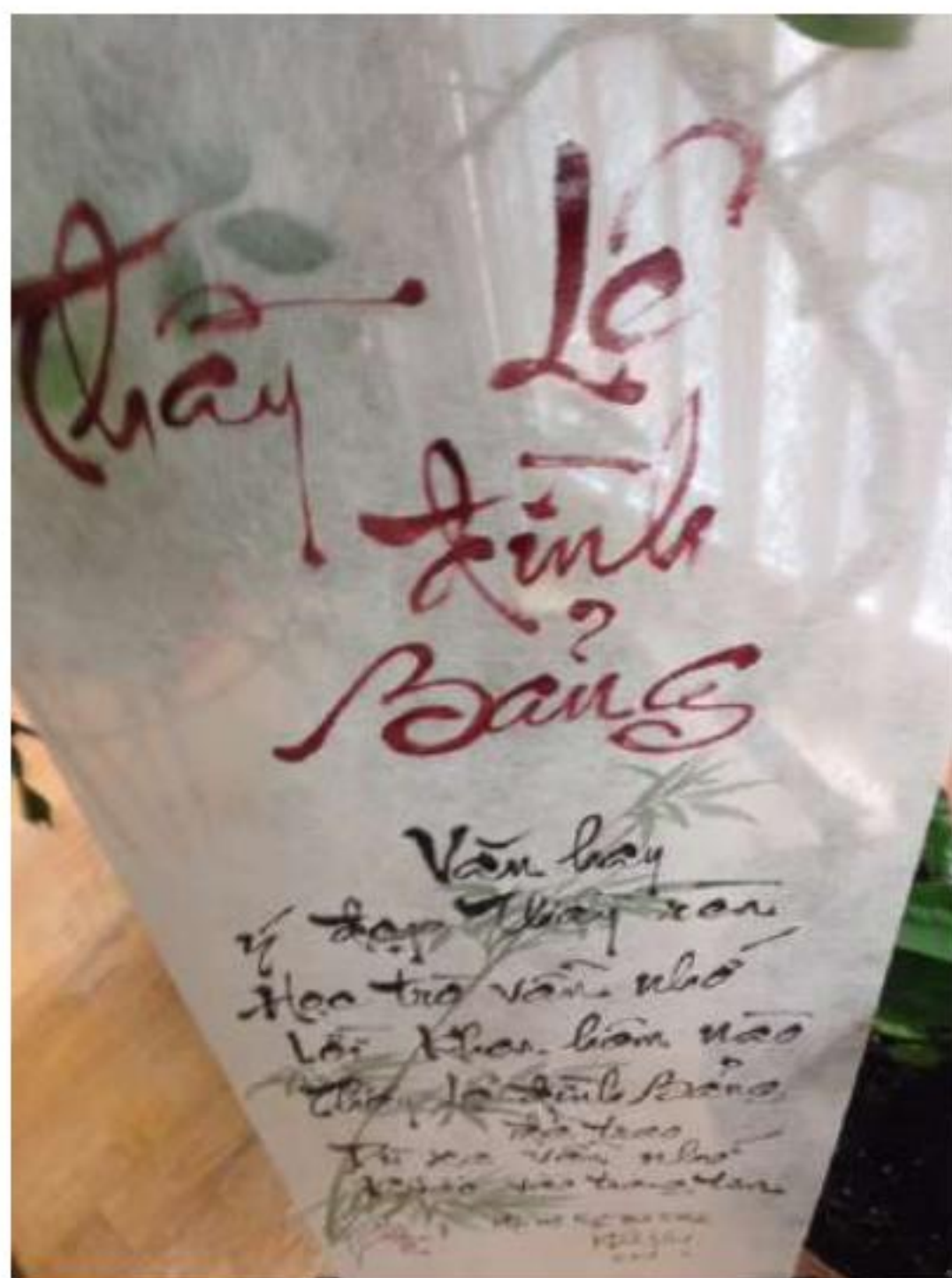
*Tôi vẫn yêu hoài năm tháng ấy
Như yêu quả thị ở đầu giường
Để quên trong giấc mơ huyền thoại
Một sớm mùa thu em đến trường
Tôi vẫn như ngày xưa bé bỏng
Yêu ca dao, lục bát, thơ Đường
Hình như ngát mùi cam, mùi bưởi
Cô bé lần đầu đứng trước gương
Đêm qua ra ngóng ai đầu ngõ
Có lẽ trong lòng đã vấn vương*

Tôi dặn tôi, đừng khôn lớn nữa
 Để thơ dại mãi buổi đầu đời
 Để ngang qua những mùa xanh ấy
 Em hái giùm tôi một nhánh thôi
 Nhớ ép vào trang lưu bút, nhé
 Dỗ dành nhau những lúc xa xôi
 Một mai, em có về phương ấy
 Em nhớ giùm tôi có một thời
 Nước chảy không bao giờ trở lại
 Ai còn đi nhặt bóng trắng trôi?



Lê Đình Bảng

Cựu Giáo Chức Văn Đức Niên Khóa 1965 – 1975



Hình Như Minh Đã Quen

Chào nhau nhé, về Cali đúng hẹn
Tháng 8 mùa Thu, tay bắt mặt mừng
Để những môi cười, mắt lệ rung rung
Có những nôn nao, ríu ran chuyện kể

Như cổ tích, con chim kia ăn khế
Chấp chới bay về, rồi lại bay đi
Chiều, ngang qua tượng Đức Mẹ Sầu Bi
Ta đứng đợi, một mình, câu kinh muôn

Chợt nhớ, ngày xưa, một thời hoa bướm
Lòng trắng tinh, như trang vở học trò
Sao, bây giờ, ngơ ngác giữa metro
Từng chuyến toa xe âm ào, vun vút

Có gặp gỡ, cũng vội vàng giây phút
Có kẻ bên, chỉ một thoáng, vèo trôi
Những cặp tình nhân chưa kịp hôn môi
Đã mất hút vào highway mù mịt

Trăm ngã dọc ngang, Bolsa, Longbeach
Westminster, Los Angeles, xa gần?
Có một thời, em lạc giữa đồng cam
Những đôi bắp vừa hái xong, chín tới

Ai huyết gió tỏ tình? Em bước vội?
Anaheim, những quán rượu đỏ đèn

Với môi trâm và tóc rối, lạ quen
Cứ ngan ngát mùi cà phê Starbucks

Đêm trừ tịch, ở Time Square, New York
Dõi xa xăm, mơ bóng dáng Sài Gòn
Và đâu rồi, giọng hát Út Trà Ôn
Đứng trú mưa, ngã ba Lê Văn Duyệt

Ở xứ lạ, có những ngày mưa tuyết
Nhìn rừng phong, sao cứ ngỡ Truyện Kiều
Mình đâu phải là Kim Trọng, mà yêu
Là Từ Hải, là John Wayne chết đứng

Vẫn nao nao một nỗi gì trong bụng
Thèm giọt sương, tàu vị yếu nồng nồng
Ôi, cái tang bồng, gạo chợ, nước sông
Cứ váng vát một nỗi gì chưa ổn

Được và mất, buồn và vui lẫn lộn
Lòng nhủ lòng, thôi, hãy cố tập quên
Để nhớ những gì, trước lạ, sau quen
Để nghiêng ngó, lần đầu tiên, ta đến

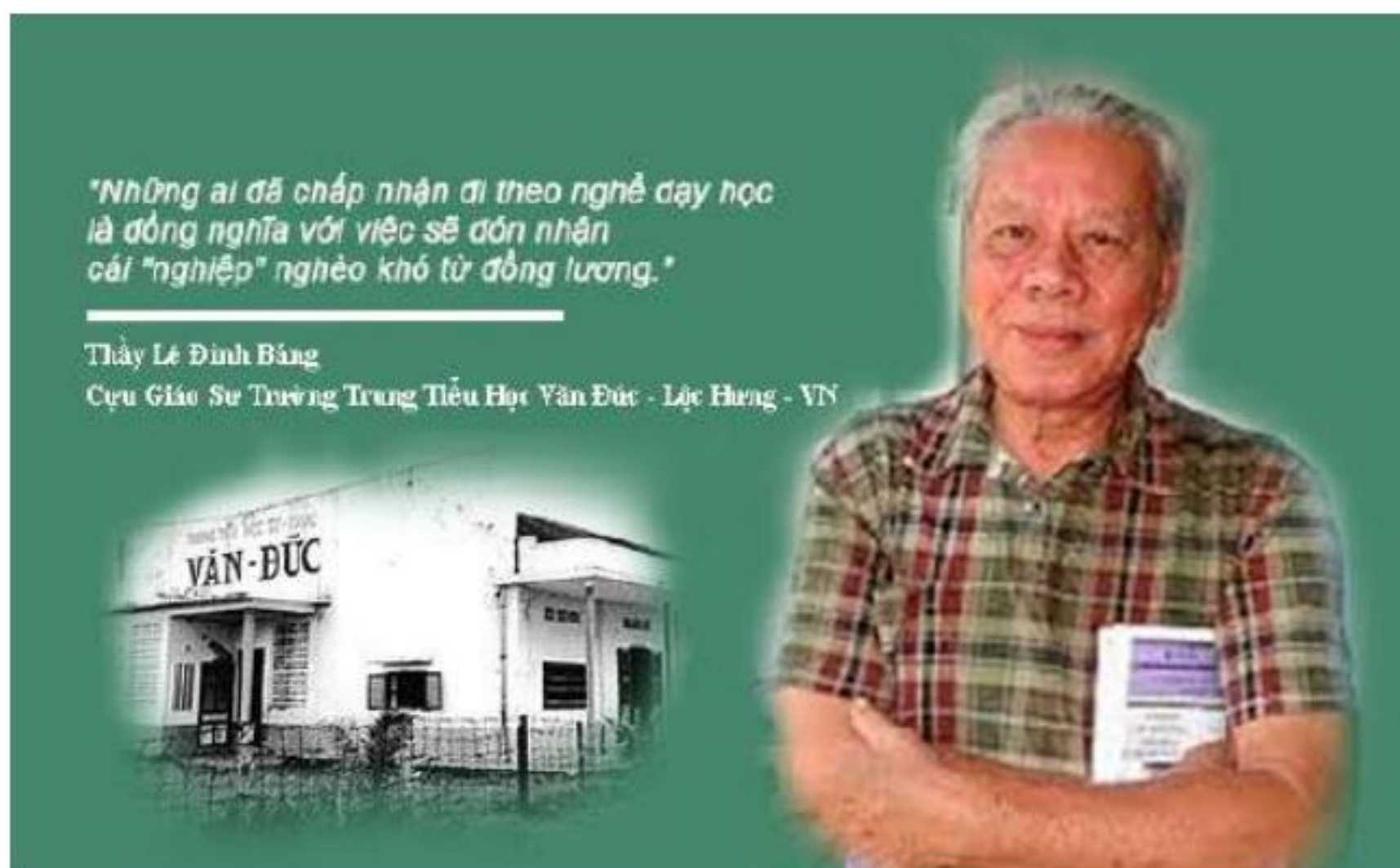
Oi, Cali, chốn đông người, lắm chuyện
Cali ơi, sao đi dễ, khó về?

California, mùa Thu 2019.

Trích Trong Quyển Kỷ Yếu Đại Hội X Văn Đức 4-8-2019



Giáo Sư, Đường Cuốn Đi



Trích Trong Quyển Kỷ Yếu Đại Hội X Văn Đức 4-8-2019

MỘT:

Từ sau biến cố 30-4-1975, ai hỏi điều gì xảy ra trước thời điểm ấy, tôi thường có thói quen mở đầu “*ngày xưa ngày xưa*”. Nghe cứ như là chuyện cổ tích dân gian vậy. Vẫn biết những chuyện tôi kể - tuy tản mạn và chậm rãi - nhưng đa phần có xuất xứ, có tình tiết từ những người thật việc thật hản hoi. Chúng có tích có truyện và có hậu nữa kia. Nhiều lần, tôi bảo tôi cố nhắm mắt quên đi cho rồi. Có nghĩa lý gì một bóng mây vụt bay qua bầu trời. Bầy chim kia rủ nhau qua cánh đồng lúa vừa gặt xong, đâu có để lại đường bay? Phải chăng, thời gian đã xoá nhoà tất cả. Sao không để gió cuốn đi? Bóng chim tăm cá mà làm chi? Tôi biết. Đã qua rồi những năm tháng mũ côi dép lê. Những sớm mai gò lưng trên chiếc xích lô già nua đi kiếm ăn từng bữa. Những buổi chiều nhóp nhép lét bụng đói về nhà và... những đêm tối ma

quái chap chòn nghe tin gần xa những đoàn người vượt biên vượt biên, lên rừng xuống biển... Một thời đã qua... Mấy năm trở lại đây trên cái bề mặt phóng khoáng tự do và phồn vinh, tôi thấy có chút dễ thở, cởi mở đối với đời sống tâm linh, đối với một số sinh hoạt văn hoá nghệ thuật. Phải thôi. Chẳng lẽ cứ mãi là tập đoàn, là tổ hợp, là hợp tác xã, là tem phiếu, là quốc doanh, là “*tiếng hát át tiếng bom*”, là độc diễn và độc quyền, mặc cho công chúng khô hầu bồng hòng đòi cái gì mới hơn, mềm hơn, đẹp hơn, người hơn? Riêng trong lãnh vực tư tưởng, học thuật, tư duy, sáng tạo, kể ra cũng có nhiều chuyển đổi đáng nói. Từ Phan Thanh Giản, Hoàng Cao Khải đến Lê Văn Duyệt. Từ Phan Khôi, Phạm Quỳnh, Tự Lực Văn Đoàn cho đến mạng tác giả tác phẩm văn học – nghệ thuật ưu việt của miền Nam trước 1975 mà xưa nay vẫn bị ngộ nhận hoặc bị chụp mũ là “*phản động và đòi truy*”... Tôi cũng đã đọc thấy sự “*giác ngộ*” rất hợp lý và công bằng của dư luận một chiều khi đánh giá lại sự đóng góp to lớn về lịch sử của Công Giáo vào sự nghiệp văn hoá chung của đất nước này như: Đắc Lộ và chữ quốc ngữ; Nguyễn Trường Tộ và tầm nhìn quốc gia hoặc Petrus Ký với văn hoá quốc ngữ, với báo chí Việt Nam v.v... Dĩ nhiên, đây cũng chỉ là những bề nổi rất bọt bèo, phù du, nếu không muốn nói là bất công, không xứng tầm.

Trong cái chùm chuyển động tạm gọi là khởi sắc ấy, duy chỉ có “*giáo dục, nhà trường, học sinh, sách vở*” là đậm chân tại chỗ. Không nhúc nhích. Không sửa sai. Đây là một trong những bế tắc và đáng buồn của những người nặng lòng

với sự nghiệp giáo dục hôm nay và cho ngày mai, đặc biệt cho thế hệ con cháu chúng ta. Sao không để gió cuốn đi?

Trường lớp, chữ nghĩa, quốc văn giáo khoa thư ngày xưa đâu rồi?

HAI:

Có ít nhiều chuyển động. Tôi nhìn thấy xuất hiện ở một số trường bán công, tư thục, một số nhà trẻ mẫu giáo của các nhà Dòng. Một cạnh tranh được coi là lành mạnh, có thể cứu vãn một cuộc đổ dốc thê thảm? Nhưng lại chỉ là bề mặt của một chiếc phao có nhãn hiệu xã hội hoá, tư hữu hoá. Không đi đến đâu. Tôi cũng đã thấy rộ lên phong trào phục hưng các “*hội ái hữu cựu học sinh*” ở nơi này nơi khác. Không ai nuôi dưỡng, tự cung tự cấp vô tội vạ cho đến lúc tắt hơi. Chúng cũng đang tự biến mất, nếu không muốn nói là đang thoái trào, đang đổi lột thành những “*Công Ty TNHH*” hoặc “*Thương Mại Cổ Phần*” rất ư thời thượng, bợt bèo. Tội nghiệp.

Đi đâu, và còn lại một tí ti đáng kể đến nay, tôi muốn nói đến sự gặp gỡ qua “*Họp mặt truyền thống*” hằng năm của các tổ chức, các trường trung học tư thục Công Giáo đã diễn ra đều đặn ở Sài Gòn vài năm qua. Có thể kể đến các trường: Nguyễn Bá Tòng (*Sài Gòn, Gia Định*), Hưng Đạo, Lê Bảo Tịnh, Nguyễn Duy Khang, Văn Đức, Thánh Giuse, Mai Khôi, Đắc Lộ. Cũng không thể bỏ qua trường hợp các Chung Viện, Nhà Dòng, tu hội ở Sài Gòn, Huế, Đà Lạt, Nha Trang, Long Xuyên V.V... Họ không dừng lại ở đấy. Sự ra đời của các tập Kỷ Yếu là những chứng từ sinh động nhất

sau biến cố 1975, khi mà các trường lớp, thư viện và nền tự do báo chí thi nhau tan hàng hoặc bị xoá sổ không thương tiếc. Không những chỉ là sưu tập hình ảnh xưa cũ mà còn có những bài viết, những sáng tác dưới dạng hồi ký, tùy bút, thi ca, tự sự rất có giá trị về lịch sử và văn học. Họ là những nhà viết sử chân thật nhất, lãng mạng nhất, ghi chép đầy đủ nhất những con người và sự kiện đầy ắp cảm xúc trong dòng chảy hững hờ của thời gian và trong một không gian luôn biến dịch. Không bóp méo. Không tô vẽ. Không thêm bớt. Thành thử ra – với kỷ yếu – người đọc thấy lại một thời đã qua, nghiệm ra những biến cố, đồng thời nghĩ về thì tương lai. Không có họ, một phần lịch sử sẽ bị lãng quên rất đáng tiếc. Kỷ yếu, vì thế, có giá trị riêng của nó. Rất cần bảo lưu và phát triển.

Trong cái duyên may mắn được tiếp cận và giao lưu nhiều phía đạo đời, từ nhiều mối quan hệ khác nhau – đặc biệt nhờ chút kinh nghiệm đau thương xương máu sau biến cố “*Sạch phố sạch nhà*” những năm 1975-1980 – tôi có được trong tay một số khá bộn những tập Kỷ Yếu hoặc Đặc San, Nội San của khắp mọi cơ quan, tổ chức, đặc biệt là của các vùng miền Công Giáo. Từ cấp Giáo Hội, Giáo Phận đến Giáo Xứ. Từ các lớp, khoá học, tu hội, nhà dòng, tu viện cho đến các đoàn thể, hội hè, trường học, các nhóm, các tập thể, các chi hội ái hữu, câu lạc bộ đồng hương đồng khởi v.v... Đúng là trăm hoa đua nở. Nhờ kho tàng này, quá khứ với hình ảnh và sự kiện được lưu giữ và chuyển tải đến người khác, đời sau. Quý hoá biết bao những tấm hình chân dung “khi xưa ta bé” rất ngô nghê, vụng dại và bồi hồi cảm xúc chỉ

lạ khi có dịp đọc lại, găm lại những nỗi niềm biết ngỏ cùng ai. Tự nhiên tôi nghĩ tới sử ký của Tư Mã Thiên; Long Thành cầm giả ca của Nguyễn Du; Anna Karenina. Chiến tranh và hoà bình của Lev Tolstoi (1828-1910); Nhật ký Anne Frank (1929-1945)... Tôi cũng nhớ tới trường hợp của Petrus Ký, của Phạm Quỳnh, của Khải Hưng, của Hoàng Đạo, của Nguyễn Tuân, của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm (1957) và gần đây là những tập hồi ký của các cây cổ thụ: Trần Văn Khê, Phạm Duy, Tô Hoài, Vũ Thư Hiên, Tô Hải, Trần Đình...

Mà thôi, thiên hạ đại sự nhiều lắm, biết bao giờ mới hết. Cứ sống thanh thoi như cụ Nguyễn Công Trứ, say bí tỉ và hát tràn cung mây:

Lênh đênh một chiếc thuyền nan

Một cô gái Huế, một quan đại thần

BA:

Có một ngôi trường trong xứ đạo.

Chẳng hiểu bên Tây bên Mỹ thế nào. Chứ ở Việt Nam ta vẫn có đây một thứ quy hoạch quần cư rất ư là kỳ lạ: Xứ đạo + nhà thờ + nhà xứ + nhà dòng + nhà sơ + nhà hội + nhà trẻ v.v... Nghĩa là các thứ nhà lớn nhỏ đồn cục với nhau, quần quýt vào nhau liên kèo liên cột liên vách liên tường. Đây là chưa kể thổ canh thổ cư của hộ dân tầng tầng lớp lớp xung quanh nhà thờ. Bởi cách sắp xếp bèn chặt ấy mà người ngoài Công Giáo bảo là “xây pháo đài, xây tháp ngà” hoặc “đóng cửa” không chơi với ai. Ấy thế cho nên quan quân triều Vua Tự Đức mới ra lệnh “phân sáp”, nghĩa là xé lẻ và

gán ghép cha mẹ, vợ chồng, anh em người bên đạo với người bên lương. Kề ly gian đây. Góm thật. Ai ngờ cái truyền thống ăn chắc mặc bền ấy vẫn cứ phát triển, không thể đảo ngược được. Không tin, xin tham khảo hiện tượng các nhà thờ xứ đạo Bắc Kỳ di cư (1954) đổ bộ tràn ngập vào Miền Nam thì đủ rõ. Không vất vả lắm để thấy cái quy hoạch xứ đạo nhà thờ nhà trường xuất hiện nhan nhản đó đây trên từng cây số. Xin dẫn chứng một số điển hình như: Chợ Đũi – Nguyễn Bá Tòng; Đức Bà Hoà Bình; Chợ Quán – Chí Thiện; Thị Nghè Phước An; Tân Định – Thiên Phước; Xóm Chiếu – Nguyễn Trường Tộ; Gia Định – Thánh Mẫu; Ba Chuông – Saint Thomas... Nếu xâm nhập vào các khu thuần đạo như Nga Ba Ông Tạ, Chí Hoà, Hoà Hưng, Trung Chánh, Bùi Môn, Bình An, Gò Vấp, Xóm Mới, Hồ Nai, Gia Kiệm thì bao la, không biết đâu mà tính. Bảo là Công Giáo trị hoặc Bắc Kỳ trị cũng chẳng ngoa. Rất may cái thời “oanh liệt” ấy nay còn đâu?

Giáo Xứ Lộc Hưng – Trung Tiểu Học tư thực Văn Đức.



Trên đây là
bảng hiệu, là
thương hiệu đã
trình toà, nằm
chình ình ra
trước mắt
người ta rồi.
Tôi không nhớ

rõ Văn Đức ra đời năm nào năm nào. Chỉ biết, cũng như đa phần các giáo xứ di cư, sau khi ổn định chỗ ở và nơi thờ

phượng thì ắt phải có chợ búa và trường học. Ban đầu thô sơ vài ba gian vách ván mái tôn. Sau lên kiên cố và hoành tráng. Xứ này trông xứ kia. Trường này ngó trường nọ. Từ chiều cao của tháp chuông và âm thanh của bộ chuông. Từ cha xứ đến các sinh hoạt đoàn thể. Người lớn, trẻ con, trai gái có quyền tự hào với giáo xứ của mình cứ như một vương quốc có chế độ, luật pháp riêng. Ấy thế mới có câu ca rằng “*Trai Nam Thái, gái Lộc Hưng*”. Tôi không rõ câu ca về ấy xuất xứ từ đâu và bao giờ. Chắc một điều lúc ấy ở vùng này còn gọi là Gia Định đã xuất hiện nhiều trường học khá danh giá như Văn Đức, Mai Khôi, Thánh Giuse, Đắc Lộ, An Lạc... Xưa nay, các cha xứ khôn thấy bà. Mở trường là y như hốt hết học sinh, bố đưa nào dám bỏ xứ mà đi xa. Cho nên học trò ở vùng này quen mặt biết tên nhau hết. Lại còn biết tông tên bố mẹ để chửi nhau nữa. Bắc Kỳ gốc rau là thế. Giang sơn gấm vóc của họ mà. Từ vườn rau, nhà dây thép gió đến cà phê Thăng Long. Từ Bưu Điện Chí Hoà đến chợ Nghĩa Hoà, cư xá Bắc Hải, Sao Mai, Ông Tạ, nhật báo Xây Dựng, hồ tắm Cộng Hoà, Ngã Tư Bảy Hiền. Cả một vùng Bắc Kỳ thuốc Lào, thịt chó, phở, bánh cuốn, bún riêu... Không lẫn vào đâu được. Y như China Town của xứ con trời bên Mỹ quốc. Bốn phương tám hướng đều là sân sau nhà mình: Nam Hoà, Lộc Hưng, An Lạc, Nam Thái, Nghĩa Hoà, Vinh Sơn, Khiết Tâm, An Tôn, Chí Hoà, Tân Chí Linh, Tân Dân, Tân Châu, Tân Việt, Phú Trung, Tân Trang, Tân Thành, Mẫu Tâm, Tân Sa Châu v.v... Hết đời ông tới đời cha và đời con, cái nề nếp căn cơ truyền thống ấy cứ thế mà tiếp diễn. Thành thử ra chúng tôi – những nhà giáo làm nghề gõ đầu trẻ - cũng cứ theo cái cách tổ chức như vậy mà lòng vòng dạy trường này

chạy sang trường khác. Y hết lữ kiến bò quanh miệng chén chả thoát đi đâu được. Liệu hồn mà ăn mà nói mà dạy dỗ cho ra trò ra trống. Bằng không là chết tươi ăn năn tội chẳng kịp. Nói thì nói vậy cho vui. Thực ra, trường Công Giáo thuở ấy vốn được tiếng là đứng đắn, uy tín, kỷ cương, giá cả học phí lại nâng đỡ con nhà nghèo. Tôi biết nhiều phụ huynh bắt con cháu bỏ trường công vào học các trường đạo như La San, Nguyễn Bá Tòng, Hưng Đạo, Lê Bảo Tịnh, Nguyễn Duy Khang v.v... Còn nhớ hồi ấy “*giáo sư*” oai lắm. Phải có bằng cấp sư phạm, phải có hạnh kiểm tốt, phải cao ráo sạch sẽ và phải có “bảo đảm” về lý lịch do một vị linh mục tên tuổi đứng tên chịu trách nhiệm. Tư lơ mơ là đi chỗ khác chơi ngay. Trường hợp các giáo sư VIP lại là một chuyện khác.

Đến nay, tôi không nhớ ra mình vào dạy học ở Văn Đức bằng con đường nào, nhờ cậy ai. Đại khái sau biến cố lật đổ anh em ông Ngô Đình Diệm (1963), tôi vừa theo học Ban Văn Chương Việt Hán tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn và Đại Học Sư Phạm Sài Gòn vừa đi dạy tại một số trường như Nguyễn Bá Tòng, Nguyễn Duy Khang, Mai Khôi, Phụng Sự, Chân Phước Liêm. Sau đó là Văn Đức, Thánh Giuse, Nguyễn Bá Tòng (*Gia Định*), Lê Bảo Tịnh, Trường Sơn, Văn Học, Văn Hiến v.v... Nghề dạy nghề. Tôi ra khơi lúc nào không biết, không vào bờ được nữa. Chung quy chỉ vì yêu nghề, yêu học sinh và kiếm được miếng cơm manh áo một cách trong sạch nhất.

Trường của một xứ đạo thường không đồ sộ lắm, cả trung học lẫn tiểu học chừng vài trăm học sinh con cháu trong nhà cả. Văn Đức cũng thế, tuy sau này do sĩ số học

sinh gia tăng, có cơ ngơi lớn hơn, cao hơn, bề thế hơn. Hình như 2, 3 tầng gì đó, khang trang nhất vùng Chí Hoà. Vẫn là tiếng trống vào lớp, ra chơi và tan trường như tôi đã nghe hồi còn bé ở xứ đạo làng quê. Vẫn là xếp hàng vào lớp, nghe bài học dưới cờ, khen thưởng, cảnh cáo, trừng phạt, kỷ luật. Vẫn là tình nghĩa thầy trò đằm thắm, chất phác, thật thà. Vẫn là những sinh hoạt hiệu đoàn sôi nổi hào hứng: Học tập, xã hội, văn nghệ, bích báo, lưu bút, cắm trại, thể thao, hướng đạo... Nhưng đối với tôi, ngôi trường xứ đạo này còn in rõ môn một trong ký ức, mặc dù thời gian đã trên dưới 40 năm hoặc lâu dài hơn thế.

BÓN:

Những con người – những tấm lòng



Ai chẳng biết cái tổ chức ban đầu “trại di cư-xứ đạo” nào mà chẳng do các linh mục gây dựng, chăm sóc, từ cơ

sở vật chất, công ăn việc làm cho đến giáo dục đức tin, văn hoá. Cũng vậy, ở Văn Đức có những thế hệ linh mục vừa là chủ chiên hết lòng vì đoàn chiên, lại vừa sắm vai những nhà giáo có tâm có tài. Ai đã từng sống hoặc có dịp đi qua vùng đạo này, ắt phải ngả mũ chào trước các đáng bậc đầy quyền uy như cha già cố Giuse Đỗ Đức Hân, cha Hiệu Trưởng Bernadô Nguyễn Xuân Thu và cha Phêrô Lã Quang Hiệu.

Mỗi vị một việc xuyên suốt: Giám Đốc, Hiệu Trưởng, Giám Thị. Mỗi người một nhân cách, xử thế. Ở cha già Hân, tôi học được nhân đức hiền lành và khiêm tốn, từ lời nói, cử chỉ cho đến việc làm. Trong đôi mắt thăm sâu, tôi còn đọc được đời sống nội tâm và nỗi nhớ quê Hưng Hoá, Sơn Tây, Bát Bạt, xứ Đoài mây trắng xa vời của ông. Gặp cha Hiệu Trưởng Nguyễn Xuân Thu là gặp được một con người cầu thị và có tài thuyết phục. Đấu tranh đến cùng cho lẽ phải, nhưng luôn lắng nghe phản ứng từ mọi phía. Rất hào phóng và hiếu khách. Đã gặp gỡ, khó lòng mà từ chối, khó lòng mà thoái thác bất cứ đề nghị nào. Con người ấy, lạ thay, lại có những quyết định dứt khoát rất ngược đời mà không xét lại. Kết luận này tôi có được khi gặp lại ông đang coi một giáo xứ mới hình thành ở vùng kinh tế mới trên đoạn đường từ ngã ba Long Thành đi Vũng Tàu. Lại một vùng đất hồi sinh ngay bên mặt lộ. Lại một ngôi nhà thờ mái ngói đỏ chót như son hiện ra giữa rừng cây xanh thắm. Một xứ Đoài ở phương Nam. Ông vui miệng bảo tôi cứ ra đây ở để tĩnh tâm mà viết văn làm thơ. Gật gù, rồi băng đi thật lâu. Mấy năm bần bật, tôi nghe tin ông ngã bệnh và qua đời ở cái ngưỡng 80 ngoài. Cả thầy lẫn trò trường Văn Đức, cả bà con giáo xứ Lộc Hưng từ Sài Gòn về khóc thương và tiễn đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng. Một đời người giữa rừng cây. Xin thắp một nén hương nghiêng mình trước mộ phần cha Bernadô Nguyễn Xuân Thu. Riquiescat in Pace. Ông và tôi còn nợ nhau nhiều quá mà chưa trả hết. Đành vậy, thưa cha. Còn cha Phêrô Lã Quang Hiệu. Ô, cái họ Lã này mới kỳ thú làm sao. Hồi ấy mỗi lần dạy ở Văn Đức, mỗi lần gặp cha, tôi nghĩ chắc cha có bà con họ hàng gì với Lã Thị Xuân Thu, tên một bộ sách

tư tưởng trong văn học cổ điển Trung Hoa? Cha Hiệu điển hình cho một linh mục của kỷ luật, nghiêm khắc, trật tự, không lồi thối gì hết. Dáng đi thoăn thoắt, đôi mắt sắc lẹm, rất kiệm lời. Bên ngoài trông khó ưa như Trương Phi. Nhưng vào phòng riêng thì thú lắm. Nào kẹo bánh, quà cáp. Nào trái cây, cò tương. Tôi mê nhất bình nước chè xanh đặc kẹo, nóng lột lưỡi và cái điều thuốc Lào khám xà cừ của ông. Của hương hoả đấy. Nghe đâu trên chuyến tàu há mồm di cư vào Nam năm 1954, ông chỉ mang theo hai bửu bối: Cây Thánh Giá gỗ lim và bộ đồ nghề hút thuốc Lào gia truyền của ông cố sắm cho. Cảm ơn cha, mấy năm gần đây, nghe lời dọa dẫm của ông lang Tây, ông đập điều đi. Từ ấy, vào phòng ông, thê lương quá, nhìn nhau đã hết chuyện nói. Cũng may, đồng bệnh với ông, nên tôi phải bỏ nghề, không còn cái thú đồng hương đồng khói nữa. Thầy cô giáo trong trường chẳng nhiều nhận gì, nên nhớ và biết rất rõ về nhau. Kể từ 1975, mỗi người một phương, sống chết, mất còn ra sao, trời ơi, buồn da diết. Đôi khi học trò mới gặp lại, chỉ thấy lác đác, năm thì, mười hoạ. Bao giờ trở lại ngày xưa?

Nhưng vẫn có một ngôi trường như thế... để nhớ để thương.

NĂM:

Văn Đức trong trí tôi là một ngôi trường ở bên cạnh ngôi thánh đường Lộc Hưng đẹp vào bậc nhất nhì vùng Chí Hoà. Trường có sân chơi mở rộng sang nhà thờ, không ngăn cách. Con nhà có đạo, chẳng ai bảo ai, hễ ra chơi là y như rủ nhau vào nhà thờ viếng Chúa, viếng Mẹ. Đạo đức có thừa thì làm sao mà dốt nát hư hỏng được. Từ ban-công nhà trường ngó ra một vùng mênh mông xanh thẳm. Trên là trời, dưới là rau.

Đủ các thứ rau ở trên đời này, tha hồ chuyển đi các chợ đầu mối. Dân Bắc Kỳ rau muống ăn chắc mặc bền, cây nhà lá vườn, chứ không ưa cái thú com đường cháo chợ. Nhưng coi chừng những ngày trở gió. Mùi phân người và nước giải cũng bao la bát ngát, khó chịu lắm.

Hình ảnh sống động nhất đối với tôi, đó là những hôm trời mưa. Nước ở đâu trút xuống, tuôn về như thác lũ. Ba bề bốn bên Lộc Hưng-Văn Đức là biển mông mênh. Độc nhất lối vào: Từ đầu đường Lê Văn Duyệt-nhà dây thép gió trực chỉ nhà thờ-trường học. Phải băng qua cánh đồng rau ngập nước. Giời ạ, bèo tấm bèo cái bèo con lũ lượt, nô nức tràn lan, áp sát. Thà hồ bông bênh, nhấp nhô. Gửi xe ở hiệu miễn gà của ông chủ luôn miệng hát quan họ bên kia đường, rồi thầy trò bì bõm lội nước mà vào lớp. Ôi thôi, xắn quần lên tận bẹn, đeo giày dép lên vai, kẹp sách vở vào nách. Lội và lội. Vui đáo để. Cứ như ra đồng mò cua bắt ốc, tát ao, tản cư, chạy lũ, đắp đê. Mãi đến trưa nghe tiếng trống tan trường, nước còn lên mấp mé ghé ngồi. Thầy trò ra vào không yên. Ấy thế mà chúng tôi thương nhau, mến nhau, không than vãn oán trách điều gì, cứ bình thản mà sống, làm như chẳng có điều gì lạ xảy ra trên đời này. Ngày nay, vẫn con đường mấp mô gập ghềnh quanh co như rắn lượn ấy. Nhưng nó được người ta khai sinh hộ tịch là đường Chấn Hưng. Vẫn lồi lõm, gập ghềnh. Thoạt nghe rất là tam cương ngũ thường của Nho Giáo. Đi qua, dừng lại là điếc mũi. Sống trên đời ăn miếng dôi chó là nó đấy. Giời ạ, cây ở đâu mà nhiều thế? Máy chục cửa hàng đủ món ăn chơi. Thế là Chấn Hưng được nền đạo

đức rồi còn gì. Vào Văn Đức xục nức thịt cây. Đâu còn trường cũ lớp xưa.

Những ngày đầu năm mới Nhâm Thìn (2012), thấy thiên hạ sự bày ra quá xá nhiều nhưng. Bỗng thương cái vụ “*Đâm ông Vươn*” hay “*Vườn ông Đâm*” gì đó bị lũ sơn tặc thảo khấu cướp cơm chim ở Tiên Lãng, Hải Phòng. Mất đất, mất tôm cá, mất việc, mất nhà cửa và đặc biệt mất niềm tin giữa nhân dân và chính quyền thì còn gì? Chuyện rõ như ban ngày mà công lý đi đâu vắng nhà, chả đức nào ra tay cứu độ, thật trăm nỗi xót xa. Thì ra thế giới cũng đang linh xình binh khí với nhau, giữa Trung Quốc với các quốc gia ở xung quanh biển Đông, giữa Israel với Iran, giữa nước này với nước kia, chả bao giờ yên ắng. Găm lại sấm ngôn cụ Trạng Trình bảo, cuối năm Thìn đầu năm Tỵ sẽ nổi cơn gió bụi cho mà coi:

“Long vĩ, xà đầu khởi chiến chinh

Can qua tứ xứ loạn đao binh”

Lo là lo thế thôi. Lang thang trên mạng cho đỡ buồn. Bỗng thấy Văn Đức đưa tin muốn thực hiện một tập kỷ yếu. Bèn nổi hứng muốn viết vài ba chữ góp chuyện. Gọi là một thời để nhớ để thương. Oi những cô cậu học trò thân yêu của tôi. Biết lấy gì gửi tặng nhau giữa thời buổi “*kiếm cơm từng bữa toát mồ hôi*” này? Gửi nhau đôi ba hàng mỏng manh kỷ niệm xa vời, nhé. Thôi, đừng để gió cuốn đi.

Lê Đình Bảng



Trường Nguyễn Bá Tông. Tháp chuông trong ảnh là Nhà Thờ Huyện Sĩ.

Thời niên thiếu thưở còn ngồi trên ghế nhà trường, chắc chúng ta đã có lần mơ khi lớn lên sẽ làm thầy giáo. Không biết các bạn có cảm giác ra sao, riêng tôi, vào những năm đầu bậc Tiểu Học, tôi luôn nghĩ cô giáo mình là một người đặc biệt chỉ

sống theo một khuôn mẫu nhất định là sáng sáng vào lớp dạy dỗ học trò, tan trường là trở về một nơi nào xa xăm hoặc sẽ tan biến đi, không thể bị cuộc đời chi phối. Do đó, có lần tôi đã đứng sững sờ giữa chợ khi thấy cô giáo trong mơ của mình đang phụ bán rau với mẹ cô. Sự ngạc nhiên pha chút sợ hãi khiến tôi không chào cô được một lời. Về nhà, tôi đã giận dỗi hỏi bà nội tôi:

Bà ơi, tại sao cô giáo lại đi bán rau?

Bà tôi nhìn tôi vài giây rồi trả lời

Cô giáo đi dạy học nhưng khi cần thì cũng phải làm những việc khác nữa.

Cháu chỉ muốn cô giáo của cháu lái xe hơi đi đóng phim hay là làm bà chủ tiệm kem!!!

Bà tôi cười:

Ừ, cứ ngoan ngoãn đi rồi muốn gì sẽ được nấy.

Dần dần theo năm tháng, khái niệm thầy cô giáo rõ nét trong tôi: Đây là những vị lớn tuổi hơn mình, có một lối sống đạo đức, có những kiến thức chuyên môn và có khả năng truyền đạt những kiến thức ấy lại cho học trò. Học trò thì

“trăm hoa đua nở”, mỗi đứa đón nhận bài giảng của thầy mỗi cách khác nhau. Các bạn chăm ngoan ngồi ngay ngắn, khuôn vàng thước ngọc của thầy tuôn ra đến đâu là trôi tuột vào đầu đến đó trong khi các bạn xóm nhà lá loay hoay hỏi nhau: “Ông nói cái gì vậy?”

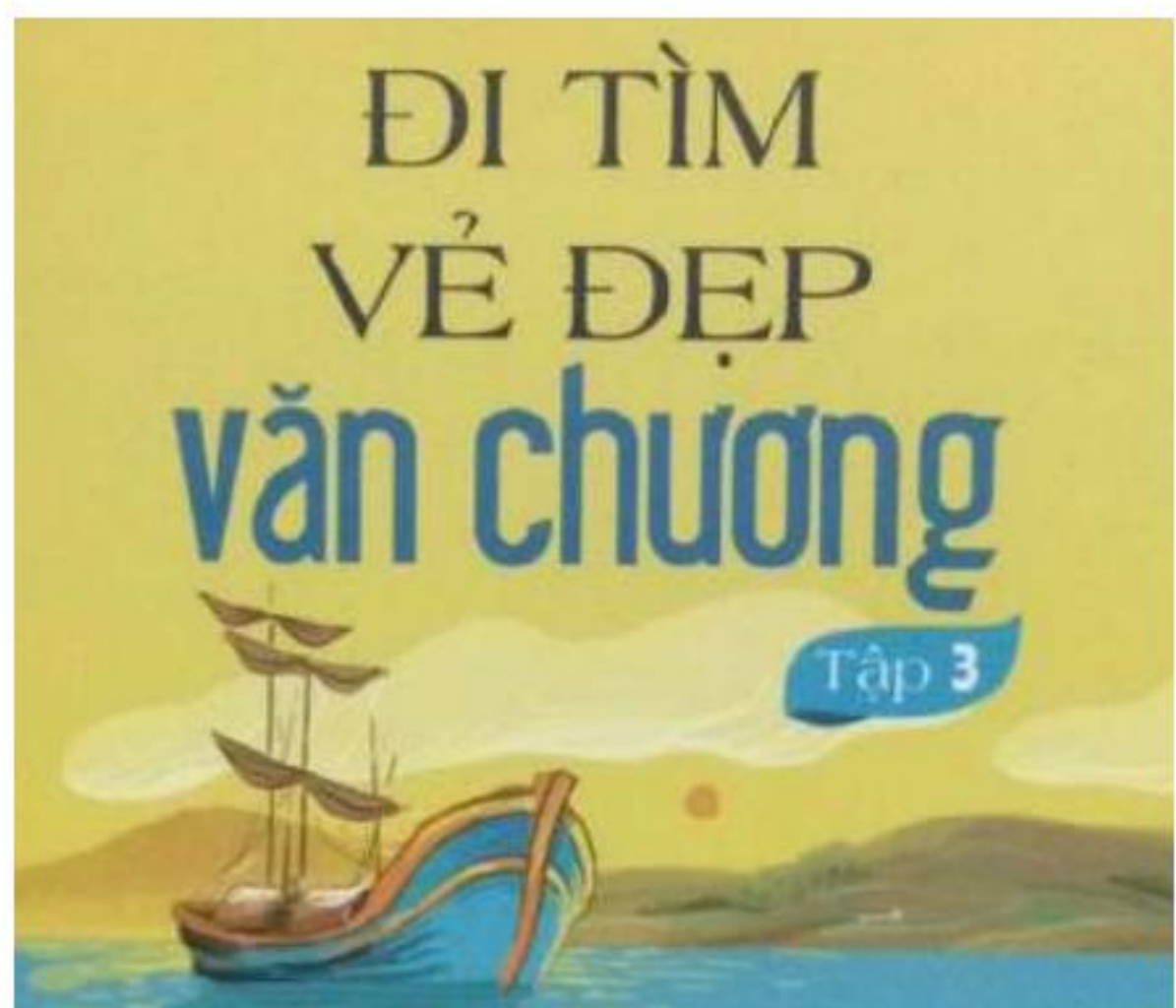


Còn tôi, theo lời giảng của thầy, tôi hình dung ra biết bao hình ảnh, tội thay, đa số những hình ảnh ấy chẳng dính dáng gì tới môn học. Thí dụ đang nghe về quả cà chua, tôi nghĩ đến bà hàng xóm có cái mũi to bè, tụi tôi gọi lén là bà Bảy Cà Chua, rồi tôi nhớ liền tới tài nấu nướng của bà... hoặc trong lúc đang nghe giảng về các loại nham thạch, trong đầu tôi hiện ra một thung lũng đầy đá, rồi từ các kẽ đá hoa vàng lũ lượt nhô lên và

gió từ phương xa thổi đến... Tôi thấy... tôi thấy... tôi thấy... Lúc chợt tỉnh quay lại bài học thì một hai câu giảng đã qua đi, mà môn Toán bị vuột mất một hai câu coi như sẽ khôn khó triển miên. Tôi chạy hớt hơi theo chương trình Toán và Lý hoá. Về môn Văn tôi có khá hơn, nhưng trí tưởng tượng quá đà khiến ý này nhảy sang ý kia trong khi tài của tôi không đủ để sắp xếp chúng lại. Nữ công gia chánh tôi tạm tạm. Nhan sắc tôi tầm thường. Tôi chìm lìm giữa một xã hội nữ sinh đa tài, đa dạng. Biết là

vậy, nhưng... Cha mẹ sinh con trời sinh tật xấu! Năm học nào tôi cũng lọt đọt hạng trung bình, ít khi được một phần thưởng học lực lạc vào tay.

Vào năm học lớp Mười, năm học đầu tiên của đệ nhị cấp, một người thầy đã đến thật đúng lúc để gỡ bớt mớ mặc cảm tôi hằng có. Bằng những lời giảng và một sự thông cảm đặc biệt, thầy đã giúp tôi đẩy lòng tự tin tiến vào thế giới phong phú của văn chương Việt Nam. Thầy dạy Việt văn của chúng tôi: Thầy Lê Đình Bảng.



Thật tình lần đầu nhìn thấy thầy, bọn con gái chúng tôi không thích lắm. Thầy có dáng người cao, to, màu da đậm đà, trông giống một ông thầy dạy thể thao hơn, lại thêm ánh mắt

guờm guờm như
thầm bảo: Coi
chừng ta đây! Xóm
nhà lá sau lưng tôi
lập tức có tiếng xì
xào:

“Nhìn ông giống
cao bồi Dzăng
gô!”, “Vái trời cho
ông này đi lộn lóp
nha...” Thầy đứng
cao lớn trên bục
giảng, không nói,
không cười, chỉ
nhìn một lượt qua
những khuôn mặt
học trò đang tròn
mắt ngạc nhiên, rồi
đưa tay ra hiệu cho
cả lớp ngồi xuống.
Sau đó thầy bắt
đầu vào chương
trình học ngay.
Năm học này
chúng tôi sẽ làm
quen với những thể
loại thơ: Thơ lục
bát, thơ song thất

lục bát, thơ đường luật, thơ thất ngôn
bát cú, thơ ngũ ngôn tứ tuyệt... Thơ
với thần gì mà mang những cái tên
nghe chẳng thơ chút nào, lại thêm
một ông thầy mặt mũi khó khăn nữa,
buồn tàn thu là cái chắc.



Nhưng những dự cảm u ám ban đầu
đã tan biến sau vài buổi học. Bằng
giọng nói trầm ấm và diễn cảm, thầy
giảng về cấu trúc của thơ, về sự uyển
chuyển trong ngôn ngữ Việt. Từ
những năm học trước chúng tôi đã
học Việt văn rồi. Bắt đầu là Ca Dao,
Tục Ngữ, rồi đến các tác giả như Bà
Huyện Thanh Quan, Lê Thánh Tôn,
Tự Lực văn đoàn... Chúng tôi đã
từng rung cảm vì những hình ảnh
đẹp cũng như những nỗi vui buồn
trong thơ văn, tuy nhiên, đó là thơ
văn của người khác. Năm học lớp
Mười này chúng tôi mới được học

cách làm thơ. Vào giờ Việt văn, lớp tôi đầy những âm thanh hào hứng: Bằng, bằng, trắc, trắc, trắc, trắc, bằng, bằng... Tôi thích nhất là lúc thầy đưa các thí dụ vào bài học, diễn hình như khi học thể song lục bát, thầy đã đọc Chinh Phụ Ngâm:

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Tình chàng ý thiếp ai sâu hơn ai!

Lúc ấy trí tưởng tượng hai chủ của tôi hoạt động hết ga. Tôi thấy cảnh

Vương Chiêu Quân từ Biệt Quân vương đi cống Hồ. Tôi cũng thấy hình ảnh Hòn Vọng Phu ai oán: Người đi ngoài vạn lý quan san, người đứng chờ trong bóng cô đơn! Và, trời ơi, thấy luôn Độc thủ đại hiệp Khương Đại Vệ và cô nương Lý Thanh chia tay nhau trên đồi xanh... Giọng nói của thầy hình như có ma lực, mỗi lần thầy giảng thơ là mỗi lần thầy đưa tôi vào một thế giới đầy hình ảnh và rung cảm.

Sau mỗi bài học, thầy Bằng bắt chúng tôi thực tập, mỗi đứa phải làm một bài thơ theo thể thơ vừa học, nộp lại cho thầy xem. Chu cha, học trò giỏi ăn hàng chứ đâu có giỏi làm thơ. Đa số bị một phen vất vả để làm những câu thơ ngang phè, ý tứ ngớ ngẩn, có những câu thơ dài lòng thòng vì tác giả không biết phải xuống giòng chỗ nào. Mỗi lần thầy trả bài lại là mỗi lần cả lớp được một trận cười nghiêng ngửa khi đọc thơ của nhau. Cô bạn ngồi cùng bàn cho tôi xem bài của nàng: “*Chiều hôm ấy em đi bơi lội, tắm rửa xong em chạy về nhà, vội vàng sợ má la, eo ơi má*

đánh ba la thì buồn...” – Thầy thường chọn ra một số bài khá, hoạ lại vài câu rồi trả cho khổ chủ. Tôi may mắn làm thơ dễ hơn các bạn, do đó hay được dẫn đi ăn hàng để... làm thơ dùm. (*Ôi, thời hạnh phúc ấy nay còn đâu*). Có một lần bài làm của tôi được thầy hoạ lại:

*Trong vườn thuy
em*

ngồi mộng tưởng

*Mấy tầng xanh
bóng*

phượng tài hoa

*Gió ơi lớp lớp kiêu
sa*

*Thấy mơ màng
những*

lụa là tóc mây.

Nhận được bài thơ của thầy có ngụ ý khen ngợi, tôi cảm động lắm, nhớ hoài đến bây giờ. Với một người thầy khó tính, hay nói những lời nghiêm khắc với học trò như thầy Bảng, ít khi chúng tôi được khen. Kỷ niệm mà chúng tôi nhớ về thầy nhiều nhất là câu mắng gay gắt: “*Những con chiên ghê!*”



Thoạt đầu là vất vả thực tập, rồi từ từ ý thơ đến với tôi. Tôi có thể sắp xếp ngôn từ để diễn tả những hình ảnh ngồn ngang trong đầu tôi. Tôi đã tìm ra lối thoát cho những mặc cảm học dốt và xấu xí, tôi làm thơ, và tôi thấy yêu đời hẳn lên. Dịp lễ Hai Bà Trưng năm ấy, nhà trường tổ chức một cuộc

thi văn thơ. Tôi làm một bài thơ tả cảnh trường lớp và rụt rè đưa thầy xem. Nói là rụt rè thật đúng tâm trạng tôi, tôi sợ thầy sẽ nhướn đôi mắt lạnh lùng lên, cười khế... Ôi, quê chết! Nhưng đến hạn chót rồi mà lớp tôi chưa có bài dự thi nào, nàng trưởng lớp nhăn như khi, tôi phải cố gắng thôi. Hôm sau thầy quay lại lớp trả tôi bài thơ và nói: “*Chưa khá lắm nhưng cũng được!*”. Thế là tôi nộp bài thi thơ và đoạt được một giải. Một giải thưởng nhỏ đầu đời mang cho tôi sự tự tin giấu kín. Chẳng nói đâu xa, tôi đã nghe

các bà họ hàng nhà tôi phê bình vài người: văn với chả thơ, ối giào, có mài ra ăn được không!

Từ đó về sau tôi thấy cuộc sống nhẹ nhàng hơn. Khi buồn phiền, tôi trở về căn phòng Thơ tự vệ của tôi, tìm lời giải đáp nổi rắc rối ấy bằng những câu văn vắn. Tình yêu tôi trải rộng cho thiên nhiên nên khó làm vừa lòng một đối tượng nào. Trước mọi người tôi vẫn là một cô học trò xấu òm và học dốt, nhưng không can chi, tôi đã tìm thấy hạnh phúc riêng nhờ sự hướng dẫn của thầy Bảng.

Hai năm cuối của bậc trung học tôi không được học thầy nữa. Những vị thầy khác mang cho tôi những khám phá mới, nhưng bao giờ dấu ấn của những văn thơ đầu tiên cũng chiếm chỗ hạng nhất. Quốc nạn 30 tháng 4 xảy ra, đúng vào mùa hè cấp lớp 12 chúng tôi phải ra trường. Những cô học trò thơ ngây nay liều bước chân xuống đời kiếm sống. Giấc mơ đại học tan tành.... Tôi theo chân người lớn buôn bán qua ngày. Thỉnh thoảng có dịp đi ngang trường, tôi đạp xe thật mau, cơ hồ trong canh công

vàng son ấy đang có những con mắt cười chế giễu. Trong vài năm tôi không gặp một thầy cô nào. Các bạn thì tan tác, lớp đi được nước ngoài, lớp còn lại cũng biến đâu mất. Dường như mọi người đều tránh né không muốn cho nhau thấy cái vẻ xơ xác của mình. Cho đến một hôm, có lẽ vào khoảng đầu năm 1978, tôi gặp lại thầy Bảng.

Thời gian ấy tôi làm việc trong một trại cưa. Đây là một xưởng cưa máy nằm bên một giòng lạch nhỏ bên quận 8. Công việc của tôi là ghi chép số lượng gỗ xẻ

cũng như giao hàng cho các công ty. Suốt ngày tôi chạy đi chạy lại giữa mấy cái máy cưa và đồng củi, gỗ. Bụi mạt cưa bay mù mịt.



Y phục luôn là quần đen áo vải cho đỡ bẩn. Chiều về chỉ rửa vội mặt mũi chân tay, còn trên tóc và quần áo vẫn còn mạt cưa dính đầy. Một hôm đang đạp xe trên đường về, đầu óc mơ màng đâu đâu



(cái tạt này nghèo mấy cũng không bỏ được) bỗng tôi nghe những tiếng vỗ bộp bộp đằng sau, rồi một chiếc xích lô tiến lên đi song song. Người

lái xích lô vỗ bàn tay vào thùng xe kêu gọi sự chú ý của tôi. Tôi nhìn sang, và thấy thầy Bông. Thầy tôi đập xích lô!!! Thầy đội một chiếc nón vành rộng, mặc bộ quần áo bạc màu, toàn thể con người tiêu tụy, nhưng thầy vẫn cười tươi và hỏi thăm tôi. Y như lần còn bé gặp cô giáo bán rau, lần này tôi cũng sững sờ, chỉ lắp bắp được vài câu trả lời thầy mà không hỏi thăm lại thầy một câu nào. Rồi tôi đạp xe chậm dần, chậm dần, để thầy vượt lên đi trước. Tôi sợ thầy và tôi được sự thương xót trong mắt nhau.

Nhìn lại tôi đi, tôi nhếch nhác kém gì thầy? Quả tim tôi thắt lại, nước mắt tràn long lanh. Trước năm 1975, mỗi lần chúng tôi gặp thầy ngoài đường, thầy luôn vỗ tay vào thùng xe Lambretta của thầy đang chạy để gọi chúng tôi, tiếng vỗ như lời reo mừng. Lúc ấy tôi là một cô bé tràn đầy hy vọng, còn thầy là một ông thầy được kính nể!!!



Bây giờ thầy tôi, như hàng triệu người đàn ông miền nam khác, đang vất vả mưu sinh trong một bầu không khí thù nghịch. Cái trường đời nghiệt ngã này có thầy nào dạy chúng tôi chưa? Bẵng đi một thời gian dài. Mọi người quay quắt với cuộc sống chả mấy khi còn thì giờ tiếc nuối quá khứ. Tôi với một lý lịch xấu, chỉ có thể buôn bán lật vặt ngoài lề đường. Từ lề đường tôi được an ủi

bằng những người bạn cùng cảnh ngộ, người là sinh viên dở dang, người là con Tướng, Tá đang chết mòn nơi tù ngục... Hành trang vào đời của chúng tôi là những bài học Đạo đức từ nhà trường. Nhờ chúng, chúng tôi còn giữ được sự tự trọng và nhận biết đâu là giá trị con người. Lúc ấy tôi mới nhận ra môn Giáo dục công dân thật cần thiết (*chúng tôi đã coi thường môn học ấy, và ngu dốt coi thường các vị thầy dạy luôn! Làm sao để nói lên lời xin lỗi muộn màng?*)

Từ 1984, Bố tôi bị bắt lần thứ hai.

Dưới chế độ Cộng Sản văn nghệ sĩ tự do tư tưởng ít khi ở nhà, họ ở trong tù! (*Bố tôi là một nhà văn mà*). Ông bị giam giữ trong nhà tù Chí Hòa, khu chính trị phạm. Khoảng thời gian 1988, nhờ chính sách “mở cửa”, mọi sự dễ thở hơn, chúng tôi có thể một tháng một lần vào nhà tù gặp mặt, trò chuyện với Bố 30 phút. Chính tại nơi này, tôi gặp lại thầy Bàng! Tôi ôm giỏ thức ăn tiếp tế, đứng nhìn thầy ngơ ngàng. Thầy cũng xách một giỏ đồ đạc. Đi bên thầy một cậu con trai khoảng 16, 17, chắc là con trai của thầy tên Vĩnh Bảo? mà hồi xưa chúng tôi có nghe thầy nhắc đến. Thầy nói vẫn tắt đi thăm nuôi bố của thầy, ông cụ cũng là tù nhân chính trị... Trời hỡi, tôi nhìn lên trời thấy mây vẫn bay, nhìn ra ngọn cây thấy nắng vẫn vàng, hỏi thậm có phải đây là một cuộc bể dâu nên những điều trông thấy lại đau đớn lòng làm vậy? Tự trước đến giờ vẫn ngoan ngoãn sống như lời Bà tôi bảo, nhưng sao tôi chẳng “muốn gì được nấy”, tôi toàn thấy những người tôi kính mến sống trong cảnh khốn cùng! Tuy trong đầu có biết

bao câu hỏi, thầy trò tôi chỉ ngồi xa nhìn nhau. Với bản tính đa nghi ngu ngốc, bọn công an hạn chế việc gia đình tù nhân chính trị nói chuyện với nhau, vì đó là dịp “*thông tin, liên lạc*”. Nếu bực mình, chúng dễ dàng đuổi chúng tôi về không cho thăm nuôi. Sau đó thầy trò tôi mỗi người vào một khu gặp người thân khác nhau, ra về không cùng một lúc nên không có dịp hỏi han thêm. Khi gặp Bố tôi, tôi kể chuyện gặp thầy ngoài kia. Bố tôi hỏi thầy tên gì, rồi ông bảo là biết bố của thầy. Bố tôi tiếp thêm: “*Ông cụ*

lớn tuổi lại gầy yếu lắm, không biết...”

Câu nói bỏ lửng giữa chừng làm tôi sợ hãi. Tôi vẫn thường có những cơn mơ dữ về sinh mạng Bố tôi, mà Bố thầy chắc phải hơn Bố tôi đến 20 tuổi! Từ ngày đó cho đến khi Bố tôi ra tù, tôi không gặp thầy lần nào, Bố tôi cũng không biết Bố thầy bị đưa đi đâu. Và nỗi sợ đau người thân mất mát, tôi lại chạnh lòng băng khuâng: “*Không biết...?*”



Thời gian được ví như bóng câu qua thềm. Hai mươi mấy năm trôi qua để lại dấu ấn buồn trên khuôn mặt mọi người. Lớp nữ sinh chúng tôi ngày ấy nay đã thành những người vợ, những người mẹ. Hạnh phúc và bốn phận đan chéo, chồng chất lên nhau. Cuộc sống đẩy tôi chạy, lôi tôi đi, xua tôi vượt qua những đoạn đời nắng cát. Tuy nhiên, kỷ niệm về thời

đi học luôn là một điểm tựa cho những cơn đuối sức.



Tôi còn giữ đầy đủ hình ảnh trường, lớp, bạn bè, giữ được cả những giọng lưu bút của các thầy cô. Khi mệt mỏi tôi giờ chúng ra, mơ màng, hồi tưởng lại đoạn đời đẹp nhất của mình. Một trong những niềm vui tốt độ của tôi là gặp lại các bạn học cũ rồi kể lại chuyện trường lớp. Chuyện học hành

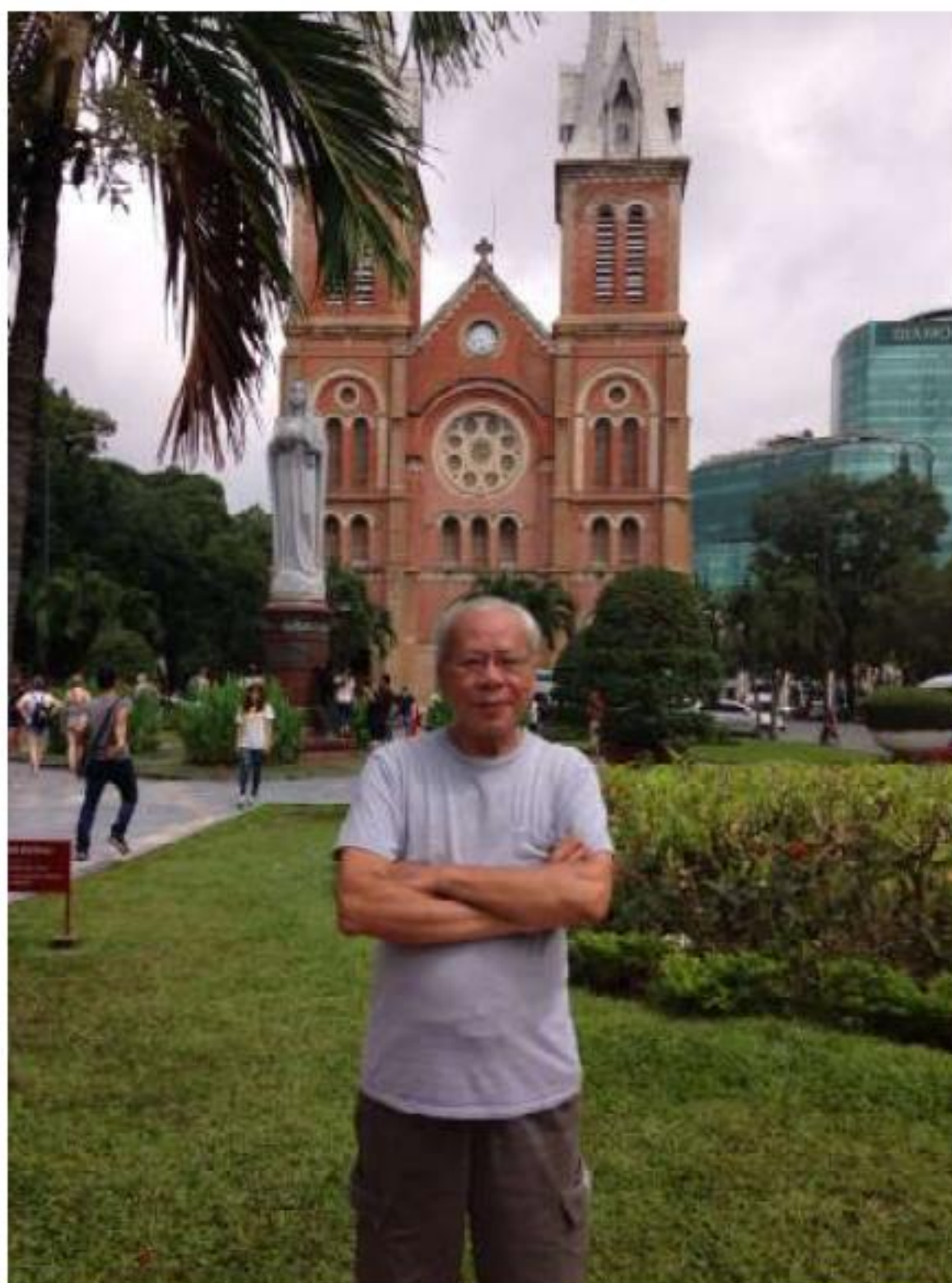
thì ít, chuyện lơ đãng ăn chơi nhiều vô số. Cái biệt hiệu "*chiên ghê*" mà thầy Bảng hay ném vào lũ con gái thơ ngây được nhắc nhiều lần. Đúng là đòn đau nhớ đời!

Cho đến một ngày, thầy trò tôi lại gặp nhau. Lúc ấy Bố Mẹ tôi đã sang Mỹ và có cuộc sống bình an. Tôi gây dựng được một cửa hàng nhỏ, không còn cảnh đêm đêm tự hỏi ngày mai sẽ ra sao! Cái tình thơ mênh mông ngủ yên trong tôi nay nhẹ nhàng vươn dậy. Các bạn tôi bao năm tứ tán mưu sinh, nay có thì giờ tìm nhau và cùng nhau đi chơi, ăn hàng...! Một hôm bạn rủ tôi đi nghe buổi trình diễn Thánh ca ở nhà thờ Đức Bà, kỷ niệm ngày giỗ cố nhạc sĩ Hải Linh. Đó là ngày Chủ Nhật, trời nắng vàng đầy gió thật dễ chịu. Mọi người tụ tập bên trong nhà thờ nơi sẽ trình diễn âm nhạc. Hai chúng tôi hoà vào đám đông, ngóng cổ nhìn lên Cung thánh chờ đợi. Rồi người điều khiển chương trình tiến ra. Chẳng ai xa lạ, thầy Bảng của chúng tôi! Giọng nói thầy vẫn trầm ấm diễn cảm như ngày nào, lại đưa trí tưởng tượng tôi trở về

những ngày xanh cũ, những thiên thần múa hát trong cảnh hân hoan.... Khi buổi diễn kết thúc, chúng tôi đến chào thầy. Lần này thầy trò tôi tay bắt mặt mừng, thầy thì mày râu nhẵn nhụi, trò lại áo quần bảnh bao, để lại sau lưng bao ngày lam lũ. Bạn thì thảo với tôi “Ông ấy vẫn giống *dzăng gô mày a*”. Tại vì thầy để tóc dài ngang cổ. Tôi bật cười: “Ừ, *dzăng gô đại gia!*”

Vài năm sau tôi sang Mỹ định cư, chưa có dịp gặp lại thầy, nhưng các bạn tôi còn ở Sài Gòn cho biết Tết năm nào cũng đến

chúc tết thầy. Bây giờ thầy đã về hưu, vẫn viết báo, làm thơ và hoạt động ca đoàn sôi nổi. Nghe nói thầy đã có cháu nội! Ái chà, phải tôn thầy lên hàng “*Dzăng gô đại lão gia*”.



Thật lòng mà nói, tôi không phải là học trò cưng của thầy, nhưng liệu có trò nào gặp gỡ thầy trong những tình huống nhớ đời như tôi? Hình như trong cùng một hoàn cảnh, con người dễ gần gũi thông cảm nhau hơn. Từ một thế giới toàn thơ văn, thầy trò tôi nhìn nhau trôi nổi theo giòng đời, rồi

may mắn thay, dạt vào những bến bờ bình an. Tạ ơn Trời!

Bao giờ cho đến bao giờ, thời gian đi học ở trường Nguyễn cũng là kỷ niệm đáng quý trong tôi. Tôi nhớ nhiều đến nỗi sau 30 năm, tình cờ

gặp lại các bạn không học chung lớp, tôi vẫn có thể kể ra tên họ là gì, nhà cửa ở đâu, năm nào, tháng nào trong trường có xảy ra chuyện gì...v.v... Lòng tri ân của tôi dành cho nhà trường không khi phai. Đó là nơi trang bị cho chúng tôi trước khi bước ra đời, không phải bằng gươm đao, mà bằng sự hiểu biết, lòng cảm thông và tha thứ. Tôi tự hào là một nữ sinh trường Nguyễn!

Kiều Giang 6-2009 (*Viet Tide*)





Đuơng Nghĩa Ân Tình Thầy Cô

‘Mười năm rèn luyện sách đèn

Công danh gặp bước, chớ quên ơn thầy’.

Tạ ơn thầy đã dẫn con vào rừng trí thức

Cảm nghĩa cô đã dắt trò đến biển yêu thương.

Với câu tục ngữ trên, cha ông ta đã để lại một truyền thống rất đẹp về việc kính trọng thầy cô. Biết bao thầy cô đã hy sinh và góp phần đào tạo lớp lớp thế hệ nên người tốt cho xã hội. Thầy cô không chỉ dừng lại chuyên trao tri thức, mà còn truyền dạy cả nếp sống nhân văn để xây dựng một thế giới phồn thịnh và yêu thương, một xã hội phong phú và đáng sống như chính Thiên Chúa đã tạo dựng và phú

ban cho con người ngay từ thuở tạo thiên lập địa.

Cuộc đời tôi cũng như biết bao các bạn khác đã được cha mẹ cho cắp sách đến trường, được các thầy cô hướng dẫn, trau chuốt từng nét chữ, ngòi bút, câu văn và cả nhân bản, ý hướng của cuộc sống. Tôi cũng như các bạn được trải qua thời thơ ấu, một thời học sinh biết bao kỷ niệm đẹp với những bài học hay, những giờ học thú vị và cả những trò chơi

ngỗ nghịch ngây thơ với bạn bè, những quả phạt của thầy cô....



Nền giáo dục và truyền thống văn hóa của dân tộc VN ta luôn đề cao “*Tôn sư trọng đạo*”. Vai trò thầy cô quan trọng trong việc rèn luyện nhân cách cho học trò; vì thế, trong các lớp học đều có những câu: “*Tiên học lễ, hậu học văn*”, cho nên người đời mới nói: “*không thầy đố mày làm nên*”. Cha mẹ sinh ra, nuôi dưỡng và dạy dỗ chúng ta nên người,

thầy cô góp phần trao ban kiến thức, nếp sống nhân văn cho chúng ta. Vì thế, từ xa xưa, người Việt đã có phong tục tốt đẹp ‘*Mùng 3 tết thầy*’. Viết đến đây tôi vẫn còn nhớ mỗi lần tết đến, cha mẹ đều sắm tí quà bảo tôi đến mừng tuổi tết thầy giáo tỏ lòng biết ơn, tri ân, đặc biệt là Thầy giáo cấp Tiểu Học.

Còn nhớ, ngày xưa tôi học không giỏi lắm. Nói chung, chỉ đạt điểm trung bình. Riêng Môn

Việt Văn của tôi thì thỉnh thoảng đạt điểm khá, khiến chúng bạn để ý. Thầy Lê Đình Bảng, là giáo sư chuyên khoa dạy môn Việt-văn tại nhiều trường tại Sài Gòn. Trong đó, có Trường Trung Tiểu Học Văn Đức thuộc giáo xứ Lộc Hưng, Chí Hòa, nơi tôi theo học thầy học bốn năm liền: 1965 – 1968.



Chính thầy là người đã trực tiếp gieo vào lòng trí tôi những tư tưởng, tình cảm cao đẹp, sâu sắc, đôi khi bay bổng. Nhưng điều tôi tâm huyết nhất là những lời khuyên ân cần của thầy để hiểu, để biết, để cảm và viết được một bài văn có ý nghĩa: “***nghĩ được điều gì tốt đẹp thì cứ viết ra***”. Sau đó, sẽ sắp xếp lại cho có đầu đuôi, có tình tiết. Áp dụng phương cách này, tôi đã có được cái

vốn quý trong việc truyền thông, nhất là giúp tôi tự tin cộng tác việc truyền thông xã hội cho đài truyền hình SBTN những năm gần đây...

Tình cờ. Vào một dịp đặc biệt: ngày 14-9-2019. Thầy Lê Đình Bảng và mấy chị trong đoàn đi theo là: Cô Huệ, chị Hằng (chồng là anh Diệm), chị Nam Thiên (chồng là anh Đệ) và chị Dung cũng là học trò của thầy nhưng khác trường với tôi, đã đến thăm tôi và

gia đình tại thành phố Rock Hill – SC... Thời gian cứ trôi qua đi từng ngày, từng ngày. Qua màn hình đài SBTN, thầy nhận ra tôi rõ ràng là cậu học trò Bùi Văn Bằng năm xưa... và từ đó Thầy và tôi đã liên lạc được với nhau, thường xuyên trao đổi và trò chuyện với nhau.



Tôi chưa kịp đến thăm thầy, mặc dù trong đầu đã có ý định từ lâu. Cuối cùng, thầy và vài người học trò đã đến thăm gia đình tôi trước. Thật là một cảm xúc ngạc nhiên, vui mừng khó tả đã trào dâng trong lòng khi được tiếp đón thầy và các bạn.... Cả gia đình tôi-vợ, con, cháu, các em - rất vui khi được thầy và các bạn đến thăm và cùng chung chia niềm vui trong bữa cơm gia đình thật ấm cúng và đậm đà tình nghĩa. Một kỷ

niệm tuyệt vời,
tôi chỉ biết Tạ ơn
Chúa và xin
Thiên Chúa ban
cho Thầy và các
bạn luôn được
mạnh khỏe và an
vui.

Trộm nghĩ, đây là
Tuyển Tập những
bài viết về Thầy
Lê Đình Bảng-
Một Thời Chưa
Xa Lắm - kể cả
bài viết có tính
nghiên cứu của
bạn thầy và
những người yêu
văn học Công
Giáo Việt Nam –
Tôi viết bài này,
chỉ mong gửi
gắm tâm tình quý
mến và biết ơn

đến thầy và tất cả quý thầy cô đã giúp
tôi thành người trưởng thành như hôm
nay.



Ước mong rằng những trải nghiệm quý
báu của cuộc sống, những tình nghĩa
Thầy trò, bạn hữu luôn đượm thấm
trong ân sủng của Thiên Chúa. Ước
mong rằng tất cả những cao đẹp này
không bị thổi bay như “*Gió ơi! Đừng
Cuốn Đi*”, như cách ví von của thầy Lê
Đình Bảng. Kính mong thầy vui lòng
nhận chút tâm tình của người học trò
năm xưa.

Fort Mill, SC 24-3-2020

Học trò Bùi Văn Bằng từ 1965 – 1968

Trường Trung Học Văn Đức



Tình Nghĩa Thầy Trò



Santa Ana, Cali - 4-8-2019